ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

# TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**HÀ NỘI – 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

# TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ**  **ký** |
| 1 | Teo Thị Thanh Mai | BTCB - Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Vũ Thị Trâm | Phó hiệu trưởng - CTCĐ | Phó chủ tịch hội  đồng |  |
| 3 | Nguyễn Thế Thành | Phó hiệu trưởng | Phó chủ tịch hội  đồng |  |
| 4 | Nguyễn Phương Thảo | Nhân viên văn thư | Thư ký hội đồng |  |
| 5 | Kiều Thị Lý | Tổ trưởng tổ 1 | Ủy viên hội đồng |  |
| 6 | Lê Thị Thanh Thảo | Tổ trưởng tổ 2 | Ủy viên hội đồng |  |
| 7 | Nguyễn Văn Sáu | Tổ trưởng tổ 3 | Ủy viên hội đồng |  |
| 8 | Phạm Văn Dương | Tổ trưởng tổ 4 | Ủy viên hội đồng |  |
| 9 | Nguyễn Thị Thu | Tổ trưởng tổ 5 | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Dương Thị Bích Nguyệt | Tổ trưởng tổ Văn phòng | Ủy viên hội đồng |  |
| 11 | Trần Thị Hương | Tổ trưởng Tổ bộ môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 12 | Ngô Thị Ngọc Dung | Tổng phụ trách Đội | Ủy viên hội đồng |  |
| 13 | Nguyễn Thị Hà Ly | Giáo viên Tin học | Ủy viên hội đồng |  |
| 14 | Nguyễn Thị Hà | Nhân viên y tế | Ủy viên hội đồng |  |
| 15 | Nguyễn Thị Hương | Bí thư chi đoàn | Ủy viên hội đồng |  |

**MỤC LỤC**

| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| --- | --- |
| Mục lục | 2 |
| Danh mục các chữ viết tắt | 4 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 5 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 7 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 12 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 12 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 14 |
| **I. Tự đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3** | 14 |
| **Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường.** | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà  trường. | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác. | 17 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ  chức khác trong nhà trường. | 20 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn  phòng. | 25 |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học. | 29 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. | 32 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. | 35 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục. | 37 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. | 39 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | 42 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.** | 48 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | 48 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên. | 51 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên. | 53 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh. | 56 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.** | 59 |
| Tiêu chí 3.1:Địa điểm, quy mô, diện tích | 59 |
| Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình | 62 |
| Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học | 67 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.** | 71 | |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh. | 72 | |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối  hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường. | 76 | |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.** | 80 | |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường. | 81 | |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. | 83 | |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác. | 85 | |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học. | 88 | |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục. | 90 | |
| **II. Tự đánh giá Mức 4** | 92 | |
| Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. | 92 | |
| Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học  sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan. | 92 | |
| Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường. | 93 | |
| Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. | 94 | |
| Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận. | 94 | |
| **C. KẾT LUẬN CHUNG** | 95 | |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chữ viết tắt** | **Chữ viết đầy đủ** |
| 1. | ATGT | An toàn giao thông |
| 2. | BCH | Ban chấp hành |
| 3. | BGH | Ban Giám hiệu |
| 4. | CB | Cán bộ |
| 5. | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 6. | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 7. | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 8. | ĐDDH | Đồ dùng dạy học |
| 9. | GDĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 10. | GV | Giáo viên |
| 11. | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 12. | HĐGD | Hội đồng giáo dục |
| 13. | HĐND | Hội đồng nhân dân |
| 14. | HĐSP | Hội đồng sư phạm |
| 15. | HĐT | Hội đồng trường |
| 16. | HS | Học sinh |
| 17. | LĐLĐ | Liên đoàn lao động |
| 18. | NV | Nhân viên |
| 19. | PCGDTH | Phổ cập giáo dục tiểu học |
| 20. | PPDH | Phương pháp dạy học |
| 21. | QĐ | Quyết định |
| 22. | SKKN | Sáng kiến kinh nghiệm |
| 23. | TNCS | Thanh niên Cộng sản |
| 24. | TNTP | Thiếu niên tiền phong |
| 25. | TPTĐ | Tổng phụ trách Đội |
| 26 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 27 | XMC | Xóa mù chữ |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

# Kết quả đánh giá

* 1. **Đánh giá theo từng tiêu chí từ mức 1 đến mức 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | **x** | **x** | x |
| Tiêu chí 1.2 |  | **x** | **x** | **-** |
| Tiêu chí 1.3 |  | **x** | **x** | **x** |
| Tiêu chí 1.4 | **x** | **Không đạt** | **x** | **x** |
| Tiêu chí 1.5 | **x** | **x** | **Không đạt** | - |
| Tiêu chí 1.6 |  | **x** | **x** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 1.7 |  | **x** | **x** | - |
| Tiêu chí 1.8 |  | **x** | **x** | - |
| Tiêu chí 1.9 |  | **x** | **x** | - |
| Tiêu chí 1.10 |  | **x** | **x** | - |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | **x** | **x** | **x** |
| Tiêu chí 2.2 |  | **x** | **x** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 2.3 |  | **x** | **x** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 2.4 |  | **x** | **x** | **x** |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 | **x** | **Không đạt** |  |  |
| Tiêu chí 3.2 | **x** | **Không đạt** | **Không đạt** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 3.3 |  | **x** | **x** | **x** |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | **x** | **x** | **x** |
| Tiêu chí 4.2 |  | **x** | **x** | **x** |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | **x** | **x** | - |
| Tiêu chí 5.2 |  | **x** | **x** | **x** |
| Tiêu chí 5.3 |  | **x** | **x** | **x** |
| Tiêu chí 5.4 |  | **x** | **x** | **x** |
| Tiêu chí 5.5 |  | **x** | **x** | **x** |

**Kết quả: *Không đạt***

# Đánh giá tiêu chí Mức 4

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |  |
| Tiêu chí 1 |  | x |  |
| Tiêu chí 2 |  | x |  |
| Tiêu chí 3 |  | x |  |
| Tiêu chí 4 |  | x |  |
| Tiêu chí 5 |  | x |  |

**Kết quả:** Không đạt mức 4

1. **Kết luận: Trường không đạt kiểm định chất lượng**

**PHẦN I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Tiểu học Lê Quý Đôn Tên trước đây (nếu có):

Ủy ban nhân dân Quận Hà Đông

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phố | Hà Nội |  | Họ và tên  Hiệu trưởng | Teo Thị Thanh Mai |
| Quận | Hà Đông | Điện thoại | 0968 230 440 |
| Phường | Dương Nội | Fax |  |
| Đạt chuẩn quốc  gia |  | Website | [http://c1lequydon.pgdha](http://c1lequydon.pgdha/)  dong.edu.vn |
| Năm thành lập  trường | 2017 | Số điểm  trường |  |
| Công lập | x | Loại hình  khác |  |
| Tư thục |  | Thuộc vùng  khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  | Thuộc vùng đặc biệt khó  khăn |  |
| Trường liên kết  với nước ngoài |  |  |  |

1. **Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp**  **học** | **Năm học**  **2020-2021** | **Năm học**  **2021-2022** | **Năm học**  **2022-2023** | **Năm học**  **2023-2024** | **Năm học**  **2024-2025** |
| Khối lớp 1 | 9 | 9 | 9 | 10 | 10 |
| Khối lớp 2 | 9 | 9 | 9 | 9 | 10 |
| Khối lớp 3 | 8 | 8 | 9 | 9 | 9 |
| Khối lớp 4 | 5 | 8 | 7 | 8 | 8 |
| Khối lớp 5 | 3 | 5 | 8 | 7 | 8 |
| **Cộng** | **34** | **39** | **42** | **43** | **45** |

1. **Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2020-**  **2021** | **Năm học 2021**  **- 2022** | **Năm học**  **2022 -**  **2023** | **Năm học**  **2023 -**  **2024** | **Năm học 2024-2025** |
| **I** | **Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học**  **tập** | **44** | **49** | **50** | **51** | **54** |
| **1** | **Phòng học** | **34** | **39** | **42** | **43** | **45** |
| a | Phòng kiên cố | 34 | 39 | 42 | 43 | 45 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **2** | **Phòng học bộ môn** | **04** | **04** | **02** | **02** | **03** |
| a | Phòng kiên cố | 04 | 04 | 02 | 02 | 02 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **3** | **Khối phòng phục**  **vụ học tập** | **06** | **06** | **06** | **06** | **06** |
| a | Phòng kiên cố | 06 | 06 | 06 | 06 | 06 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **II** | **Khối phòng hành**  **chính - quản trị** | **07** | **07** | **07** | **07** | **07** |
| 1 | Phòng kiên cố | 07 | 07 | 07 | 07 | 07 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **III** | **Thư viện** | **01** | **01** | **01** | **01** | **01** |
| **IV** | **Các công trình, khối phòng chức**  **năng khác** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** |
| 1 | Khu bếp và nhà ăn | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |
| 2 | Nhà đa năng | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| 3 | Khu vệ sinh HS | 22 | 22 | 22 | 22 | 22 |
| 4 | Khu vệ sinh GV | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2020-**  **2021** | **Năm**  **học**  **2021**  **- 2022** | **Năm**  **học**  **2022 -**  **2023** | **Năm**  **học**  **2023 - 2024** | **Năm**  **học**  **2023 - 2025** |
| 5 | Khu chứa rác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Nhà để xe HS, GV. | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| 7 | Nhà kho | 05 | 05 | 05 | 05 | 05 |
| **Cộng** | | **89** | **94** | **95** | **96** | **99** |

1. **Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**
   1. Số liệu tại thời điểm tự đánh giá - năm học 2024 - 2025

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức vụ** | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 01 | 0 | 0 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 01 | 0 | 0 | 02 | 0 |  |
| Giáo viên | 71 | 64 | 01 | 0 | 70 | 01 |  |
| Nhân viên | 05 | 04 | 0 | 0 | 04 | 01 |  |
| **Cộng** | **79** | **70** | **02** | **0** | **76** | **03** |  |

* 1. Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học**  **2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Năm học 2024**  **2025** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 50 | 60 | 60 | 61 | 71 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/ lớp | 1.47 | 1,53 | 1,47 | 1,47 | 1,57 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học  sinh | 0.03 | 0.03 | 0.03 | 0.03 | 0.03 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc  tương đương trở lên | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy  giỏi cấp tỉnh trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

# Học sinh

* 1. Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2020-**  **2021** | **Năm học 2021-**  **2022** | **Năm**  **học**  **2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Năm học 2024-2025** |
| 1 | Tổng số học sinh | 1682 | 1980 | 2168 | 2323 | 2443 |
| *- Nữ* | 815 | 961 | 1047 | 1104 | 1177 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 32 | 36 | 43 | 51 | 48 |
| *- Khối lớp 1* | 468 | 487 | 474 | 551 | 559 |
| *- Khối lớp 2* | 426 | 456 | 465 | 482 | 539 |
| *- Khối lớp 3* | 411 | 398 | 447 | 458 | 479 |
| *- Khối lớp 4* | 232 | 410 | 382 | 445 | 435 |
| *- Khối lớp 5* | 145 | 229 | 400 | 387 | 431 |
| 2 | Tổng số tuyển mới. | 468 | 487 | 474 | 551 | 559 |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 1682 | 1980 | 2168 | 2323 | 2443 |
| 4 | Bán trú | 1678 | 1970 | 2160 | 2323 | 2431 |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bình quân số học  sinh/ lớp học | 49,5 | 50,7 | 51,6 | 54 | 54,3 |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi  học đúng độ tuổi. | 1676=  99,6% | 1975= 99,7% | 2164=  99,8% | 2319= 99,8% | 2434=  99,6% |
| *- Nữ* | 812 | 961 | 1046 | 1102 | 1171 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 32 | 36 | 43 | 51 | 48 |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh (nếu  có). | 22 | 30 | 41 | 70 | 93 |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi  quốc gia (nếu có). | 01 | 01 | 02 | 02 | 02 |
| 10 | Tổng số HS thuộc đối  tượng chính sách. | 04 | 02 | 02 | 012 | 02 |
| *- Nữ* | 04 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ  em) có hoàn cảnh đặc biệt | 08 | 08 | 10 | 13 | 10 |

* 1. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2020-**  **2021** | **Năm học 2021-**  **2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Năm học 2024-2025** |
| 1 | Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp  1. | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 2 | Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp  học. | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 3 | Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương  trình tiểu học. | 99,3% | 99,4% | 99,5% | 99,5% | 99,5% |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành  chương trình tiểu học. | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường:**

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn trực thuộc UBND quận Hà Đông và có trụ sở tại khu đô thị Dương Nội 2, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Trường Tiểu học Lê Quý Đôn chính thức được thành lập theo Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của UBND quận Hà Đông. Trường có diện tích 21144 m2 nằm trên địa bàn khu đô thị Dương Nội 2, phường Dương Nội quận Hà Đông. Trường có 5 khu nhà trong đó có 45 phòng học, 02 phòng bộ môn và 06 phòng phục vụ học tập; có đủ khối phòng hành chính quản trị, nhà thể chất, sân bóng, vườn cây, thư viện, khu nhà ăn… Nhà trường được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, trường lớp khang trang, đủ phòng làm việc, phòng học, các công trình và khối phòng chức năng khác đảm bảo học sinh được học 2 buổi/ngày và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả việc đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. Đây chính là những điều kiện thuận lợi góp phần tích cực đến hoạt động dạy và học của nhà trường.

Hội đồng trường Tiểu học Lê Quý Đôn được thành lập theo Quyết định số: 937/QĐ-PGDĐT ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Phòng GDĐT quận Hà Đông và nhà trường đi vào hoạt động từ năm học 2017 - 2018. Khi mới thành lập, trường có tổng số 24 cán bộ, giáo viên với 475 học sinh/13 lớp. Đến nay, trường có 45 lớp với 2443 học sinh. Đội ngũ CB, GV, NV của nhà trường gồm 79 người gồm: Ban giám hiệu: 03 người; giáo viên: 70 người; nhân viên và hợp đồng 68: 06 người. Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: cao học: 03 người; đại học: 74 người, trung cấp: 02 người. Đội ngũ CB, GV, NV nhiệt huyết, năng động, tâm huyết với nghề nghiệp, yêu mến học sinh, được cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương tin yêu.

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đạt Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 168/QĐ-SGDĐT ngày 28/01/2022 của Sở GDĐT Hà Nội và được công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội.

Song song với việc nâng cao chất lượng văn hóa, nhà trường thường xuyên chăm lo công tác giáo dục toàn diện cho học sinh; làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho nhà trường. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao của nhà trường luôn giành được giải cao trong Quận và Thành phố. Với sự phấn đấu vươn lên không ngừng, năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020 nhà trường được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, năm 2019 được đạt danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”. Từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2023-2024, nhà trường liên tục được tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen và Cờ thi đua của UBND thành phố Hà Nội Ngoài ra, nhà trường còn được nhận nhiều danh hiệu thi đua khác như: Công đoàn được Ban chấp hành công đoàn ngành giáo dục Hà Nội tặng giấy khen, Ban chấp LĐLĐ Thành phố Hà Nội, BCH Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng bằng khen; Chi đoàn được Quận Đoàn Hà Đông tặng giấy khen; Liên đội TNTP được BCH Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố Hà Nội, BCH Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng bằng khen.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm thông Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, trong 5 năm qua, trường Tiểu học Lê Quý Đôn tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục (từ năm 2020 đến năm 2025), nhằm mục đích cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục để báo cáo với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của trường. Qua đó cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Nhà trường đã tiến hành đánh giá toàn bộ các hoạt động giáo dục theo từng tiêu chí trong từng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành. Bộ tiêu chuẩn này làm công cụ để nhà trường căn cứ tự đánh giá các hoạt động của nhà trường một cách toàn diện. Việc đánh giá chất lượng giáo dục giúp nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, tự đánh giá các hoạt động giáo dục, kiểm soát được chất lượng. Từ đó, chỉ ra các điểm mạnh để phát huy, phát hiện điểm yếu để bổ sung, khắc phục, có kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá của trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã thực hiện gồm các bước sau:

**1.** Thành lập hội đồng tự đánh giá.

**2.** Lập kế hoạch tự đánh giá.

**3.** Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

**4.** Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

**5.** Viết báo cáo tự đánh giá.

**6.** Công bố báo cáo tự đánh giá.

**7.** Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học. Hội đồng đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá, phân công công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong hội đồng. Mỗi thành viên được phân công thu thập tài liệu, nghiên cứu đánh giá các chỉ số từ 2 đến 4 tiêu chí.

Để bản báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí: sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan… Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: bộ tiêu chí quản lí chất lượng giáo dục của trường tiểu học để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng internet,… để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

Qua công tác tự kiểm tra đánh giá chất lượng trường, điểm nổi bật của báo cáo tự đánh giá là: Nhà trường tổ chức và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý, đạt kết quả tốt từ công tác quản lý của nhà trường đến việc thực hiện nhiệm vụ của GV, NV; chất lượng dạy học và giáo dục trong nhà trường được giữ vững và ngày càng được nâng lên.

**B**. **TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục của Nhà nước, của địa phương. Hội đồng trường được thành lập và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Ban Giám hiệu, Chi bộ Đảng, các đoàn thể và các tổ chức khác trong trường xây dựng một tập thể đoàn kết nhất trí, đồng thuận. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường có lớp học, khối lớp học theo quy mô thích hợp. Công tác quản lí hành chính, tài chính, tài sản, quản lí CB, GV, NV, quản lý các hoạt động giáo dục luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo vận hành nhịp nhàng, đầy đủ, đúng quy định. Việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường luôn được coi trọng. Vấn đề an ninh trật tự, an toàn cho HS và công tác phòng chống dịch bệnh, các tệ nạn xã hội luôn được nhà trường quan tâm và đảm bảo tốt. không có hiện tượng hành vi bạo lực, gây mất an toàn trong nhà trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a)**Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

***1.* Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã xây dựng phương hướng, chiến lược cho giai đoạn phát triển của nhà trường từ năm 2017 đến năm 2022 và giai đoạn 2022-2027;. Nội dung phương hướng, chiến lược đã xác định rõ mục tiêu giáo dục của nhà trường nhằm giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để HS tiếp tục học trung học cơ sở [H1-1.1-01]. Mục tiêu này phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học đó là giáo dục nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho HS tiếp tục học trung học cơ sở *(Khoản 2, Điều 29 Luật số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về Luật Giáo dục của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam);* phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Dương Nội giai đoạn 2015 - 2020 và giai đoạn 2020 - 2025 [H1-1.1-02]; phù hợp với các nguồn lực đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường trong giai đoạn này [H1-1.1-03].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2017- 2022; 2022-2027 đều được xác định bằng văn bản gồm 12 trang, bố cục rõ ràng, mạch lạc và được Trưởng phòng GDĐT quận Hà Đông phê duyệt [H1-1.1-01].

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà trường đã công bố công khai *“Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2017 - 2022”, “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2022 - 2027”* tới toàn thể CB, GV, NV và CMHS bằng hình thức công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ *website: c1lequydon.pgdhadong.edu.vn*, niêm yết tại bảng tin và phòng họp của nhà trường [H1-1.1-04].

**Mức 2**:

Trong những năm qua, trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển như: Hội đồng trường đã thành lập một tổ công tác giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và báo cáo, đánh giá vào các phiên họp định kỳ của Hội đồng trường; Ban thanh tra nhân dân nhà trường thường xuyên giám sát các hoạt động liên quan tới việc thực hiện mục tiêu phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và báo cáo định kỳ vào các phiên họp mở rộng của hội đồng trường, Hội nghị viên chức hằng năm [H1-1.1-05].

**Mức 3:**

Định kỳ hằng năm, nhà trường tiến hành rà soát việc thực hiện phương hướng chiến lược, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại và phân tích nguyên nhân để từ đó bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường cho sát với tình hình thực tế [H1-1.1-05]; bản ‘‘Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được nhà trường’’ xây dựng bằng trí tuệ của cả tập thể nhà trường gồm có: hiệu trưởng làm trưởng ban, các ủy viên gồm phó hiệu trưởng, các thành viên hội đồng trường, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và Ban đại diện CMHS của trường. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cũng như sau khi được phê duyệt thì “Dự thảo phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn” được niêm yết rộng rãi, công khai trong nhà trường, được đăng tải trên trang Website của nhà trường [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2017 – 2022; giai đoạn 2022-2027 được xây dựng bằng trí tuệ của tập thể nhà trường và cha mẹ học sinh; được xác định bằng văn bản, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường đã có các giải pháp giám sát và định kỳ hằng năm được rà soát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

**3. Điểm yếu:** không có

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện đảm bảo/biện pháp thực**  **hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Công khai ‘‘Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường’’. | Từ năm học 2025-2026  và các năm học sau. | Hiệu trưởng, NV văn thư, GV Tin học. | Chính quyền địa phương, tổ dân phố trên địa bàn; Website của Phòng GDĐT |
| - Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng chiến lược giai đoạn tiếp theo. | Từ năm học 2025-2026  và những năm học kế tiếp. | BGH, BCH  Công đoàn. | Chính quyền địa phương, tổ dân phố trên địa bàn. |

1. **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

* 1. *Được thành lập theo quy định;*
  2. *Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
  3. *Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tiện trạng**

**Mức 1:**

Hội đồng trường Tiểu học Lê Quý Đôn thành lập theo Quyết định số 973/QĐ- PGDĐT ngày 26/9/2017 nhiệm kì 2017 - 2022 và được kiện toàn theo Quyết định số 234/QĐ-PGDĐT ngày 16/10/2024 của Phòng GDĐT Hà Đông [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]. Đầu các năm học, nhà trường kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-03]. Căn cứ vào nhu cầu của từng nhiệm vụ, để giúp hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường, hiệu trưởng đã ra quyết định thành lập, kiện toàn hội đồng tư vấn: Ban tư vấn tâm lí học đường, Hội đồng chấm thi Giáo viên dạy giỏi, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng xét nâng lương, Hội đồng tuyển sinh... [H1-1.2-04].

Các hội đồng thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Trong kì họp đầu tiên của mỗi năm học, Hội đồng trường họp để quyết nghị về vấn đề trong nhà trường để thực hiện. Đối với các vấn đề phát sinh, hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên hội đồng trường đề nghị, chủ tịch hội đồng trường nêu các vấn đề cần ưu tiên giải quyết trong năm học, đưa ra các định hướng phát triển nhà trường, tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, sáng tạo, năng động; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, giám sát các hoạt động của nhà trường cũng như giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, quy chế cơ quan. Hội đồng trường họp thường kì ba lần trong một năm. Quyết nghị của hội đồng trường được công bố công khai tới cán bộ, viên chức trong buổi họp cơ quan gần nhất [H1-1.2-05]. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua và đề nghị danh sách khen thưởng với CB, GV, NV và HS nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng họp vào cuối kì I và cuối năm học. Hội đồng chấm SKKN đã giúp nhà trường lựa chọn những sáng kiến hay, có giá trị phổ biến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Đồng thời động viên kịp thời có tác dụng khuyến khích phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm trong toàn trường, thúc đẩy tiến bộ khoa học giáo dục và mang lại hiệu quả cao trong quản lý, giảng dạy, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện các mục tiêu đổi mới của nhà trường. Hội đồng tuyển sinh giúp nhà trường tuyển sinh đúng quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho CMHS nộp hồ sơ, góp phần nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi đã giúp nhà trường đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục, thực hiện các cuộc vận động của ngành; phát hiện và bồi dưỡng GV dạy giỏi, làm nòng cốt cho việc xây dựng đội ngũ giáo viên nhà trường. Tất cả các hội đồng đều có kế hoạch làm việc, đều hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ và tự giải thể khi công việc đã hoàn thành [H1-1.2-06].

Sau mỗi kỳ, HĐT đều đánh giá kết quả hoạt động theo kế hoạch đã đề ra, đồng thời chỉ ra những tồn tại hạn chế, để có biện pháp khắc phục và thực hiện tốt hơn trong thời gian tiếp theo, hoặc điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp với tình hình nhà trường và những phát sinh do khách quan đem đến [H1-1.2-07]. Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn tâm lý học đường, hội đồng chấm SKKN, hội đồng thi GV dạy giỏi và các hội đồng khác, sau khi công việc được hoàn thành, đều tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm kịp thời từng nội dung công việc [H1-1.2-06].

**Mức 2:**

Trong những năm qua, hội đồng trường thực hiện tốt hoạt động giám sát quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, đảm bảo phát huy quyền làm chủ của CB, GV, NV và HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Hội đồng thi đua khen thưởng đã giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua của GV và HS như phong trào thi Giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi; việc xét thi đua khen thưởng hằng năm đảm bảo khách quan, trung thực, thúc đẩy phong trào dạy và học trong nhà trường ngày một đi lên. Các hội đồng khác đều thể hiện rõ vai tṛò, trách nhiệm của mình, tất cả mọi thành viên đều tận tâm và có trách nhiệm cao trong công việc, tích cực tham mưu, tư vấn cho nhà trường nên các hoạt động của nhà trường từ chuyên môn cho đến các hoạt động đoàn thể đều đạt kết quả cao [H1-1.2- 06]; [H1-1.2-07]. Tuy nhiên, các thành viên của hội đồng trường, hội đồng tư vấn đều làm công tác kiêm nhiệm, thời gian bố trí để nghiên cứu tài liệu, bồi dưỡng nghiệp vụ còn ít nên công tác tham mưu, tư vấn nhằm phát triển nhà trường chưa có kết quả đột phá.

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động nghiêm túc, có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các thành viên của HĐT và các hội đồng khác đoàn kết, nhất trí, có tinh thần trách nhiệm trong công việc

**3. Điểm yếu**

Công tác tham mưu, tư vấn của các hội đồng nhằm phát triển nhà trường chưa có kết quả đột phá

**4 Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công**  **việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| Tổ chức tập huấn BD cho thành viên hội đồng trường và hội đồng khác. | Năm học 2025-2026 và các năm  học tiếp theo. | BGH chủ trì, các thành viên tham gia. | * Thành viên trong Hội đồng trường nắm vững về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để tích cực phát huy vai trò trong việc đề xuất các giải pháp góp phần phát triển nhà trường |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

# Mức 1:

# *a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

# *b) Hoạt động theo quy định;*

# *c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

# *Mức 2:*

# *a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

# *b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường*

# Mức 3

# *a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

# *b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Tổ chức Công đoàn nhà trường trực thuộc LĐLĐ quận Hà Đông. Công đoàn nhà trường gồm 78 công đoàn viên. Ban Chấp hành Công đoàn gồm 05 đồng chí: 01 đồng chí là chủ tịch; 01 đồng chí là phó chủ tịch công đoàn kiêm trưởng ban Thanh tra nhân dân và 03 đồng chí là ủy viên công đoàn [H1-1.3-01]. Công đoàn cơ sở gồm BCH Công đoàn, Ban nữ công và tổ Công đoàn tương ứng với các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Ban thanh tra nhân dân gồm 03 đồng chí được công đoàn viên bầu theo nhiệm kì 2 năm [H1-1.3-02]. Trường có Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh gồm 50 đoàn viên trong đó có 10 đồng chí đã là đảng viên. Chi đoàn trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường Dương Nội. Chi đoàn bao gồm BCH Chi đoàn và các Đoàn viên [H1-1.3-03]. Liên đội trường Tiểu học Lê Quý Đôn được tổ chức theo đúng Điều lệ Đội TNTP Hồ Chí Minh gồm 24 chi đội khối 3; 4; 5 và 19 sao nhi đồng khối 1; 2; được hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban phụ trách Đội và Sao nhi đồng (bao gồm TPTĐ và phụ trách chi đội, phụ trách lớp nhi đồng, đoàn thanh niên) [H1-1.3-04]. Đầu năm học, Chi hội Chữ thập đỏ được kiện toàn tổ chức gồm 03 thành viên, hoạt động thường xuyên theo quy định của Hội và sự chỉ đạo của nhà trường [H1-1.3-05].

Công đoàn nhà trường đã tuyên truyền, vận động công đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân; các chủ trương, nghị quyết của Công đoàn. Công đoàn đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật. Công đoàn giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật; phối hợp với nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho CB, GV, NV và tổ chức phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội. Tổ chức thực hiện nghị quyết của công đoàn các cấp, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên và cán bộ công đoàn; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo đúng quy định; thực hiện công tác phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh. Hằng năm, công đoàn đều tổ chức Hội nghị viên chức để các đoàn viên công đoàn có thể nêu lên tiếng nói của mình. Trong hội nghị, tất cả đoàn viên công đoàn đều được tham gia đóng góp ý kiến về chủ trương công tác công đoàn, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, góp phần đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục, về quy chế dân chủ, quy chế cơ quan, đóng góp ý kiến về việc xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường cũng như kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.3-06]. Công đoàn cùng với nhà trường tạo điều kiện để công đoàn viên được tham gia học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Các thành viên công đoàn luôn giữ mối đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong mọi lĩnh vực công tác, đặc biệt về việc nâng cao trình độ, kĩ năng nghề nghiệp để nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục cũng như bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động và tổ chức công đoàn [H1-1.3-07]. Chi đoàn giáo viên của nhà trường luôn chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên. Chi đoàn cùng với công đoàn và nhà trường tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu nhi nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, nhằm đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay. Chi đoàn phối hợp với chính quyền, các đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng Đoàn, tích cực xây dựng cơ sở Đoàn, Đội ở nhà trường, tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và chính quyền. Bên cạnh đó, đoàn viên thanh niên trong chi đoàn luôn phấn đấu vì lý tưởng của Đảng và của Bác Hồ; tích cực học tập, lao động, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội. Đoàn viên trong chi đoàn luôn chấp hành tốt Điều lệ Đoàn và các nghị quyết của Chi đoàn, tích cực tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước với CMHS và nhân dân. Hằng năm, Chi đoàn giáo viên của nhà trường đều tổ chức hội nghị, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động cụ thể để cùng các tổ chức khác hoàn thành mọi hoạt động cũng như các phong trào Đoàn do cấp trên phát động, do nhà trường tổ chức, đạt hiệu quả cao. Chi đoàn phối hợp cùng Ban phụ trách Đội tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Khai giảng năm học mới, chuỗi hoạt động Vui tết Trung thu, chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và các ngày lễ lớn khác. Bên cạnh đó, các đồng chí đoàn viên còn tham gia các hoạt động của Đoàn phường Dương Nội, hiến máu nhân đạo, tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ người nghèo, tri ân gia đình có công với cách mạng, viếng nghĩa trang liệt sĩ, thăm hỏi động viên các chiến sĩ bộ đội nhà máy A40 - Cục Kĩ thuật Binh chủng Phòng không Không quân. Chi đoàn đã giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Chi bộ đi học lớp đối tượng Đảng [H1-1.3-08]. Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh trường Tiểu học Lê Quý Đôn hoạt động theo Điều lệ Đội. Liên đội, chi đội phụ trách và phân công đội viên hướng dẫn nhi đồng sinh hoạt, học tập, vui chơi theo Chương trình dự bị đội viên. Đội TNTP Hồ Chí Minh giúp đỡ nhi đồng thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng, xứng đáng là con ngoan, trò giỏi, bạn tốt và trở thành đội viên Đội TNTP Hồ Chí Minh. Liên đội tham gia các hoạt động về học tập, nề nếp cũng như các phong trào hoạt động mà quận đoàn phát động. Hằng năm, Liên đội phát động đến 100% số đội viên và nhi đồng các hoạt động thi đua theo 05 đợt, tương ứng với từng chủ điểm: đợt 1 (từ 5/9 - 15/10): Chào năm học mới; đợt 2 (từ 16/10 - 20/11): Biết ơn thầy cô; đợt 3 (từ 21/11 đến hết học kì 1): Tiếp bước cha anh; đợt 4 (từ đầu học kì 2 - 26/3): Cùng tiến bước lên Đoàn; đợt 5 (từ 27/3 - 31/5): Mừng sinh nhật Bác - tự hào truyền thống Đội. Liên đội của nhà trường tổ chức nhiều hoạt động cho học sinh toàn trường tham gia như: tổ chức thi kéo co, thi nhảy bao bố, thi cờ vua, bóng rổ, bóng đá. Sau mỗi hoạt động đều được tổ chức công bố kết quả, phát thưởng và rút kinh nghiệm [H1-1.3-09]. Chi hội Chữ thập đỏ đã tổ chức thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh theo các quy định ban hành về công tác y tế trường học; có góc truyền thông về công tác chăm sóc sức khỏe, sơ cứu một số tai nạn thường gặp; có tủ thuốc y tế. Hằng năm, đội ngũ phụ trách công tác chữ thập đỏ của nhà trường được tập huấn nâng cao kiến thức, kĩ năng sơ cứu, cấp cứu ban đầu. Hằng năm, Chi hội Chữ thập đỏ lập hồ sơ học sinh, giáo viên của trường có hoàn cảnh khó khăn để có những hình thức giúp đỡ thiết thực và phù hợp; vận động các thành viên trong trường tham gia các cuộc vận động, phong trào tương thân tương ái do các cấp phát động; phát triển quỹ giúp đỡ bạn nghèo vượt khó; vận động các thành viên nhà trường tham gia hiến máu nhân đạo; thường xuyên tham gia công tác tuyên truyền phòng chống một số dịch bệnh, giúp đỡ học sinh ốm, đau và tham gia công tác nhân đạo từ thiện do Hội Chữ thập đỏ của phường Dương Nội và của quận Hà Đông phát động [H1-1.3-05].

Hằng năm, theo định kì hoặc theo mỗi đợt thi đua, các hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Chi Hội Chữ thập đỏ của nhà trường đều được rà soát, đánh giá những việc đã làm được và những điểm còn hạn chế, từ đó rút kinh nghiệm và điều chỉnh trong những năm học tiếp theo thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng tổ chức [H1-1.3-05]; [H1- 1.3-06]; [H1-1.3-07].

# Mức 2:

Chi bộ Đảng trường Tiểu học Lê Quý Đôn thuộc Đảng bộ phường Dương Nội. Chi bộ gồm có 30 đồng chí đảng viên. Cấp ủy Chi bộ gồm 03 đồng chí: đồng chí Teo Thị Thanh Mai – Hiệu trưởng là Bí thư chi bộ; đồng chí Vũ Thị Trâm là Phó bí thư chi bộ; đồng chí Trần Thị Hương - là Chi ủy viên [H1-1.3-10]. Chi bộ nhà trường chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đề ra; xây dựng Chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; thực hiện công tác phát triển đảng viên; phát huy quyền làm chủ của CB, GV, NV nhà trường. Chi bộ Đảng hàng tháng sinh hoạt đều đặn, đóng đảng phí đầy đủ và ra nghị quyết lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Toàn thể đảng viên trong chi bộ có tinh thần cao trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tham gia học tập đầy đủ các nghị quyết của Đảng cấp trên, thực hiện quán triệt nghị quyết gắn với tình hình nhiệm vụ cụ thể của nhà trường. Về công tác xây dựng Đảng, chi ủy đã bám sát nghị quyết của Đảng bộ phường Dương Nội và nhiệm vụ cụ thể của nhà trường, ra nghị quyết từng tháng phù hợp với tình hình nhiệm vụ của trường, có kết hợp đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm hằng tháng. Các đồng chí đảng viên trong Chi bộ luôn đoàn kết, nhất trí, thẳng thắn tự phê bình và phê bình đóng góp ý kiến xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh. Công tác phát triển đảng của Chi bộ đã có nhiều cố gắng. Năm học 2024-2025 đã công nhận được 2 đảng viên chính thức và kết nạp được 03 đảng viên mới. Chi bộ được Đảng ủy phường Dương Nội đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12].

Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội, Chi hội Chữ thập đỏ hoạt động theo trách nhiệm và quyền hạn của mình luôn tham mưu, phối hợp, giúp hiệu trưởng tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà trường. Tổ chức Công đoàn hoạt động đúng quy định, thực hiện nhiệm vụ chính trị, phối hợp với nhà trường làm tốt công tác thi đua khen thưởng viên chức, người lao động. Hằng năm, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ đều có báo cáo đánh giá các hoạt động và tổng kết thi đua khen thưởng các cá nhân, tổ nhóm. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng nhà trường, các đoàn thể đã phát huy được trí tuệ tập thể của các tổ chức đoàn thể, hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Công đoàn nhà trường được LĐLĐ quận Hà Đông tặng Giấy khen và LĐLĐ thành phố Hà Nội tặng Bằng khen [H1-1.3-13]; Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tặng Giấy khen [H1-1.3- 14]. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh được Ban chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen [H1-1.3-15]. Chi hội Chữ thập đỏ nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và tuyên truyền về công tác hiến máu nhân đạo, làm từ thiện và ủng hộ học sinh vùng cao, vùng lũ … [H1-1.3-05]. Trong những năm vừa qua, bằng tất cả sự nỗ lực, cố gắng, các đoàn thể trong trường đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, xây dựng nhà trường trở thành một tập thể đoàn kết, cộng đồng trách nhiệm và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhà trường được tặng Cờ Thi đua của thành phố Hà Nội[H1-1.3-16].

# Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp, Chi bộ trường Tiểu học Lê Quý Đôn được Đảng ủy phường Dương Nội đánh giá xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ và “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” Năm 2023, 2024 được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và “Chi bộ 4 tốt” [H1-1.3-12].

Công đoàn của nhà trường tham gia tích cực các hoạt động của LĐLĐ quận Hà Đông, công đoàn ngành giáo dục Hà Nội. Chi đoàn nhà trường thường xuyên hỗ trợ, phối kết hợp cùng Đoàn TNCS phường Dương Nội; Liên Đội TNTP trường Tiểu học Lê Quý Đôn luôn tích cực trong mọi hoạt động phong trào của Hội đồng Đội các cấp. Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Công đoàn đã cùng với hiệu trưởng thực hiện quy chế dân chủ, chăm lo, cải thiện đời sống của CB, GV, NV nhà trường. Từ đó tạo sự tin tưởng của tập thể, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Công đoàn trường còn kết hợp với LĐLĐ quận Hà Đông tổ chức các chương trình tham gia tích cực các hoạt động thiện nguyện xây dựng cộng đồng như: đóng góp vào quỹ “Giáo viên, học sinh nghèo miền núi”, ủng hộ “Vì Trường Sa thân yêu”, “Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt”, thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-06]. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh kết hợp với Ban Giám hiệu giáo dục nề nếp, tổ chức thi đua một cách công bằng, hiệu quả giữa các lớp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Chữ thập đỏ nhà trường còn tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng như: tham gia hiến máu nhân đạo, dọn vệ sinh, chăm sóc gia đình chính sách [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

**2. Điểm mạnh**

Trong 02 năm liên tiếp, Chi bộ trường Tiểu học Lê Quý Đôn được Đảng bộ phường Dương Nội đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chi bộ 4 tốt. Các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoạt động tích cực, đóng góp hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường và cộng đồng.

**3.Điểm yếu:** Không có.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng thực**  **hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Đề nghị kết nạp đảng viên mới nếu đủ điều kiện. | Năm 2026. | Chi bộ và các đồng chí đã học lớp đối tượng Đảng. | Phân công đảng viên trong chi bộ theo dõi và giúp đỡ. |
| Giới thiệu quần chúng ưu tú đi học lớp đối tượng Đảng. | Hằng năm | Các quần chúng ưu tú. | Hoàn thành tốt các nhiệm vụ |
| Nâng cao hiệu quả đóng góp của Đoàn TNCS cho các hoạt động của cộng đồng. | Hằng năm | Ban chấp hành Chi đoàn. | Bồi dưỡng năng lực hoạt động Đoàn cho các Đoàn viên trẻ  tuổi. |
| Tăng cường các hoạt động giao lưu giữa các tổ chức của nhà trường với các tổ chức ở địa phương. | Năm học 2025- 2026  tiếp theo. | Các thành viên nhà trường. | Được sự đồng ý và chỉ đạo của lãnh đạo chính quyền địa phương. |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) *Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

a) *Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn là trường công lập hạng I, nhà trường có 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng là đồng chí Teo Thị Thanh Mai. Ngày 31/5/2017 được UBND quận Hà Đông điều động, bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo Quyết định số 3688/QĐ-UBND. Phó hiệu trưởng thứ nhất là đồng chí Nguyễn Thế Thành. Ngày 01/07/2020 được UBND quận Hà Đông điều động, bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo quyết định 2011/QĐ UBND. Phó hiệu trưởng thứ hai là đồng chí Vũ Thị Trâm. Ngày 06/12/2022 được UBND quận Hà Đông bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo quyết định 5690/QĐ-UBND. [H1-1.4-01].

Nhà trường có 06 tổ chuyên môn (tổ 1, tổ 2, tổ 3, tổ 4, tổ 5, tổ bộ môn) và 01 tổ văn phòng. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, hiệu trưởng ra quyết định kiện toàn các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Tổ 1 có 11 đồng chí đều là giáo viên cơ bản tham gia giảng dạy và làm công tác chủ nhiệm lớp; tổ trưởng là đồng chí Kiều Thị Lý, tổ phó là đồng chí Hoàng Thị Bắc. Đồng chí Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai sinh hoạt chuyên môn tại tổ 1. Tổ 2 có 11 đồng chí đều là giáo viên cơ bản trong đó có 10 đồng chí là giáo viên chủ nhiệm. Đ.c Vũ Thị Trâm tham gia sinh hoạt chuyên môn ở Tổ 2. Tổ trưởng Tổ 2 là đồng chí Lê Thị Thanh Thảo, tổ phó là đồng chí Nguyễn Thị Doan. Tổ 3 có 11 đồng chí đều là giáo viên cơ bản và làm công tác chủ nhiệm; tổ trưởng là đồng chí Nguyễn Văn Sáu đồng thời là Phó chủ tịch Công đoàn, tổ phó là đồng chí Tạ Thị Nga. Tổ 4 có 10 đồng chí đều là giáo viên cơ bản và làm công tác chủ nhiệm; tổ trưởng là đồng chí Phạm Văn Dương, tổ phó là đồng chí Nguyễn Thị Thu Hương. Đồng chí Nguyễn Thế Thành - Phó hiệu trưởng sinh hoạt chuyên môn ở tổ 4 và giám sát sinh hoạt chuyên môn của tổ 5. Tổ 5 có 9 đồng chí trong đó 08 đồng chí là giáo viên chủ nhiệm, 01 đồng chí là nhân viên thiết bị và 01 đồng chí nhân viên thư viện; tổ trưởng là đồng chí Nguyễn Thị Thu, tổ phó là đồng chí Nguyễn Thị Vân Anh. Tổ bộ môn có 16 đồng chí. Các đồng chí trong tổ bộ môn là giáo viên giảng dạy các môn học chuyên biệt: Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục (Giáo dục thể chất), Tin học, Tiếng Anh. Các đồng chí trong tổ bộ môn không tham gia làm công tác chủ nhiệm mà tham gia giảng dạy các môn học theo chuyên môn đào tạo và tham gia các hoạt động tập thể, phụ trách các phong trào của nhà trường. Tổ trưởng tổ bộ môn là đồng chí Trần Thị Hương, tổ phó là đồng chí Lê Xuân Quyết. Tổ văn phòng gồm có 6 đồng chí trong đó có 01 đồng chí kế toán, 01 đồng chí là nhân viên y tế, 03 đồng chí là hợp đồng nhưng có bằng chuyên môn văn thư, thiết bị và thư viện nên được bố trí làm công tác văn thư, thiết bị, thư viện; 01 đồng chí là HĐ 111 làm công tác bảo vệ. Tổ trưởng là đồng chí Dương Thị Bích Nguyệt, tổ phó là đồng chí Nguyễn Đức Lượng [H1-1.4-02]. Nhà trường có quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ theo đúng Điều lệ Trường tiểu học của Bộ GDĐT và quyết định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ theo đúng chuyên môn, năng lực của từng đồng chí [H1-1.4-03]. Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn phải sử dụng giáo viên hợp đồng do thiếu giáo viên cơ bản và giáo viên bộ môn đồng thời vẫn chưa có nhân viên văn thư, thiết bị, thư viện.

Tổ chuyên môn tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ một cách chủ động và linh hoạt. Các tổ chuyên môn thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, sinh hoạt định kì hai tuần một lần và các sinh hoạt khác khi có nhu cầu công việc để thực hiện các nhiệm vụ của tổ trên tinh thần xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học để nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn thông qua việc tham gia Hội giảng, dự giờ thăm lớp, tham dự và triển khai các chuyên đề; tổ chức cho giáo viên trong tổ thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ GDĐT và UBND Thành phố Hà Nội; đề xuất các xuất ấn phẩm tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường theo quy định. Tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch. Đầu các năm học, các thành viên trong tổ giới thiệu tổ trưởng, tổ phó trong tổ chuyên môn và đề xuất với nhà trường phân công GVCN lớp. Cuối năm học, các tổ chuyên môn tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-04]. Các thành viên trong tổ quản lý, sử dụng sách, thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học tự làm đầy đủ, theo kế hoạch dạy học [H1- 1.4-05]. Tổ văn phòng căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, năm học và họp 2 tuần một lần nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường. Tham mưu, tư vấn, giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê theo chế độ quy định. Quản lý hồ sơ theo quy định và thực hiện một số nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường và tham gia đánh giá, xếp loại viên chức hằng tháng theo quy định [H1-1.4-06].

# Mức 2:

Đầu năm học, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề cấp trường và thực hiện các chuyên đề cấp quận theo chỉ đạo của Phòng GDĐT quận Hà Đông. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 6 chuyên đề/năm học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, các thành viên khác của tổ đều dự giờ, góp ý, từ đó thống nhất phương pháp dạy môn học. Trong mỗi năm học, mỗi tổ có 2 đến 3 chuyên đề đạt hiệu quả cao, đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Cụ thể: chất lượng đại trà được nâng lên, số lượng học sinh đạt hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện tăng cao. Thông qua các chuyên đề, giáo viên đã có cơ hội, điều kiện nâng cao tay nghề, kĩ năng sư phạm vững vàng và đã được công nhận Giáo viên dạy giỏi cấp Quận. Trong “Hội thao ngành GDĐT quận Hà Đông” năm học 2024-2025, có đ.c Lê Xuân Quyết và Trịnh Việt Anh đạt giải Nhất môn Kéo co; đ.c Nguyễn Thế Thành đạt giải Ba môn Cầu lông. Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi quận Hà Đông: các đồng chí Hoàng Thị Hương, Lê Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thị Hà Ly đạt giải Nhì cấp Quận; [H1-1.4-07]

Trong quá trình sinh hoạt, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động đã đặt ra, chỉ ra được những việc làm tốt và đồng thời cũng nêu được những việc làm chưa tốt hay chưa làm được, nguyên nhân do đâu, do cá nhân hay bộ phận nào, để từ đó cùng tìm ra cách khắc phục cho các hoạt động tiếp theo và có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế [H1- 1.4-04]; [H1-1.4-06]. Trong mỗi năm, Ban kiểm tra nội bộ của nhà trường đã tiến hành kiểm tra hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các đoàn thể trong nhà trường. Qua kiểm tra, Ban kiểm tra đã nhận xét, đánh giá cụ thể, chi tiết theo hướng dẫn của cấp trên, chỉ ra những tồn tại, những thiếu sót, những việc làm chưa tốt, để từ đó các tổ rút kinh nghiệm, điều chỉnh để hoạt động hiệu quả hơn [H1-1.4-08].

# Mức 3:

Các tổ chuyên môn luôn tích cực đổi mới sáng tạo trong các hoạt động giảng dạy, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo giúp đỡ học sinh yếu, thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá học sinh. Nhờ đó, chất lượng đào tạo đại trà luôn được ổn định, thực chất, trường có nhiều học sinh được công nhận “Học sinh hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ học tập và rèn luyện”, đạt thành tích cao trong các hội thi Các tổ chuyên môn luôn chủ động, tích cực bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, qua dự giờ, chuyên đề, Hội thi giáo viên dạy giỏi, viết SKKN. Từ đó, chất lượng đội ngũ giáo viên ngày một nâng lên, nhiều giáo viên trong trường đã đạt giải cao trong các kì thi [H1-1.4-07]. Tổ văn phòng làm việc nghiêm túc, hiệu quả trong công tác quản lý tài chính, tài sản, thu chi của nhà trường, lưu trữ hồ sơ, giúp hiệu trưởng giải quyết các thủ tục hành chính [H1-1.4-09]. Từ đó, tạo sự tin tưởng, nhất trí đồng thuận của tập thể CB, GV. Bên cạnh công tác chuyên môn, các tổ còn tích cực tham gia vào các phong trào chung của trường, của ngành, của địa phương góp phần vào nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Hàng năm nhà trường đều tổ chức sinh hoạt chuyên đề cấp cơ sở với tất cả các bộ môn và tham gia thực hiện một số chuyên đề cấp Quận. Các tổ đều thực hiện đi sâu nghiên cứu đổi mới phương pháp, các chuyên đề có tính đột phá, áp dụng các phương pháp kĩ thuật dạy học mới như phương pháp “Bàn tay nặn bột”, ứng dụng CNTT, thiết bị dạy học tạo hứng thú cho học sinh và nâng cao chất lượng dạy và học. Tuy nhiên, một số chuyên đề chưa thật sự đạt được hiệu quả cao [H1-1.4-10].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ CBQL đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, có đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng với cơ cấu hợp lý nhằm phát huy các thế mạnh của tổ. Các tổ đều xây dựng kế hoạch đầy đủ, thực hiện sinh hoạt định kì nghiêm túc, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường. Thường xuyên được rà soát, điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tế nhà trường nhằm phục vụ cho công tác dạy và học đạt hiệu quả. Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được 2 đến 3 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường vẫn còn phải sử dụng giáo viên hợp đồng do thiếu giáo viên cơ bản và giáo viên bộ môn đồng thời vẫn chưa có nhân viên văn thư, thiết bị, thư viện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường chỉ đạo các tổ duy trì tốt các hoạt động chuyên môn; xây dựng kế hoạch cụ thể cho các thành viên trong tổ về chuyên môn nghiệp vụ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Đề xuất bổ sung thêm GV | Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo. | BGH chủ trì các thành viên của các tổ. | Tham mưu với cấp trên và chủ động hợp đồng để đủ GV. |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Không đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Không đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

*a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*

*b Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*a) Trường có không quá 40 lớp;*

*b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*

*c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường có đủ các khối lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 theo Điều 16 của Điều lệ Trường tiểu học. Tại thời điểm đánh giá (năm học 2024-2025), nhà trường có 2443 học sinh chia vào 45 lớp học. Khối 1: 10 lớp, khối 2: 10 lớp, khối 3: 9 lớp, khối 4: 8 lớp và khối 5: 8 lớp [H1-1.5-01].

Học sinh nhà trường được tổ chức theo lớp học. Mỗi lớp đều có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó. Mỗi lớp chia thành 3 hoặc 4 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó. Đội ngũ cán bộ lớp được tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học hoặc do GVCN chỉ định luân phiên trong năm học [H1-1.5-02]. Mỗi lớp học có giáo viên làm chủ nhiệm phụ trách giảng dạy các môn cơ bản [H1-1.5-03].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Đối với học sinh các lớp đầu cấp, cán bộ lớp do giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong lớp, trong tổ lựa chọn và được luân phiên trong năm học. Đối với các lớp 4, 5, đội ngũ cán bộ lớp được tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học và được giáo viên chủ nhiệm phê duyệt, giao nhiệm vụ cụ thể. Lớp trưởng chỉ đạo các hoạt động chung của lớp, lớp phó 1 phụ trách các hoạt động học tập, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chung cả lớp, lớp phó 2 kiểm tra việc thực hiện nề nếp, chuyên cần và các hoạt động tập thể. Các tổ trưởng có nhiệm vụ quản lý các thành viên trong tổ, gồm cả nề nếp và học tập [H1- 1.5-02]. Các hoạt động trong lớp được giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức cho học sinh thực hiện. Cuối mỗi tuần, giáo viên chủ nhiệm sẽ tổ chức sinh hoạt lớp, tổng kết lớp dựa trên những báo cáo của cán bộ lớp. Các em cán bộ lớp chủ động trong quản lớp, biết tự điều hành một số tiết sinh hoạt lớp, tự bình xét thi đua, đề xuất các tấm gương điển hình đến cô giáo để cô giáo và ban đại diện CMHS khen thưởng [H1-1.5-04].

**Mức 2:**

Trong năm học 2024 – 2025, nhà trường có 45 lớp, thừa 05 lớp so với quy định [H1-1.5- 01].

Sĩ số các lớp không đồng đều và vượt quá 35 HS/lớp, lớp có sĩ số đông nhất là 56 học sinh, lớp có sĩ số thấp nhất là 48 học sinh (trung bình 54 HS/lớp) [H1-1.5- 01]. Theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND quận Hà Đông ra ngày 30 tháng 9 năm 2021, nhà trường được xây mới 1 đơn nguyên gồm 16 phòng. Dự kiến công trình sẽ được khởi công xây dựng vào quý 4 năm 2021, nhưng do Tập đoàn Nam Cường chưa bàn giao mặt bằng, hồ sơ nên công trình chưa được khởi công xây dựng. Khi công trình đi vào hoạt động thì sẽ đảm bảo đúng số lớp theo quy định và sĩ số học sinh mỗi lớp sẽ đảm bảo không vượt quá 35 HS [H1-1.5-05].

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên tổ chức lớp học linh hoạt, phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đại đa số tiết học được tổ chức trong lớp, một số tiết học được tổ chức ở sân, vườn trường. Các hoạt động giáo dục như tổ chức câu lạc bộ, tổ chức trò chơi, tổ chức các tiết học ngoài không gian lớp học, học các tiết trải nghiệm trong khuôn viên nhà trường, học tại nhà đa năng được thường xuyên tổ chức thực hiện. Ngoài ra còn có các tiết sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng với các nội dung phong phú và linh hoạt, phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục chính khóa và các hoạt động ngoài giờ chính khóa [H1-1.5-06];

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các khối lớp, lớp học và sắp xếp các lớp học một cách hợp lý, học sinh thuộc tuyến tuyển sinh vẫn được nhập học, tạo nên sự ổn định trong khu dân cư. Cơ cấu tổ chức lớp phù hợp với thực tế của nhà trường đã thúc đẩy các hoạt động ngày càng ổn định và phát triển. Các lớp học được xây dựng theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Tổ chức lớp học linh hoạt, phong phú đẩy mạnh quá trình rèn luyện năng lực và phẩm chất của học sinh.

**3. Điểm yếu**

Sĩ số học sinh các lớp không đồng đều và có số học sinh vượt quá 35 HS/lớp. Trong năm học 2024-2025 vượt quá 5 lớp so với quy định.

# 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Làm tờ trình đề nghị với Phòng GDĐT, UBND quận Hà Đông phân lại tuyến tuyển sinh. | Từ NH 2026-2027 và các năm học tiếp theo | BGH và giáo viên, nhân  viên nhà trường. | Thông báo công khai kế hoạch phân lại tuyến tuyển sinh của UBND quận Hà Đông. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Không đạt |
| b | Đạt | b | Không đạt |
| c | Đạt | c | Đạt |
| Đạt | | Không đạt | |

# Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợppháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Nhà trường có đủ các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục như: sổ đăng bộ [H1-1.6-01], sổ theo dõi phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-02], sổ theo dõi chất lượng giáo dục [H1-1.6-03], hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật [H1-1.6-04], học bạ học sinh được cập nhật thường xuyên và lưu giữ cẩn thận [H1-1.6-05], sổ nghị quyết và kế hoạch công tác [H1-1.6-06], sổ quản lý CB, GV, NV [H1-1.6-07], sổ khen thưởng, kỉ luật [H1-1.4-07], sổ theo dõi tài sản nhà trường [H1-1.6-08], sổ văn bản đi, văn bản đến [H1-1.6-09], sổ kiểm tra đánh giá giáo viên [H1-1.6-10]. Hệ thống sổ sách của nhà trường được lưu trữ theo đúng quy định trong Luật Lưu trữ 01/2011/QH13. Các hồ sơ được lưu trữ theo từng năm hành chính, có tủ sắp xếp theo thứ tự, dễ tra cứu [H1-1.6-11].

Hàng năm, căn cứ vào Luật Ngân sách, Luật Kế toán, Quyết định giao ngân sách nhà nước của quận Hà Đông và điều kiện thực tế, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, cơ sở vật chất theo các quy định hiện hành của từng năm ngân sách. Nhà trường có báo cáo việc thực hiện thu chi từng năm học với UBND quận, Phòng GDĐT quận và được phê duyệt trước khi thực hiện dự toán ngân sách năm thì nhà trường tiến hành xây dựng dự toán chi các nguồn kinh phí từ ngân sách được cấp [H1-1.6-12]. Định kì trong năm, nhà trường tiến hành công khai dự toán, thẩm định, quyết toán theo quý, theo năm đúng quy định của Nhà nước bằng hình thức thông báo trong hội nghị hoặc niêm yết trên bảng tin nhà trường theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [H1-1.6-13]. Nhà trường có quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị viên chức và được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-14] đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công [H1-1.6-15], tổ chức giám sát, kiểm tra việc sử dụng tài sản công có biên bản kèm theo [H1-1.6-16]. Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch thu chi các khoản ngoài ngân sách theo đúng quy định [H1-1.6-17]. Nhà trường thực hiện định kỳ công tác kiểm tra tài chính, công khai tài chính theo quy định để CB, GV, NV biết và tham gia giám sát, kiểm tra bằng hình thức phổ biến đến toàn thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và niêm yết tại bảng thông tin nhà trường, thời gian theo từng quý, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ GDĐT và Bộ Tài chính về công tác công khai trong cơ sở giáo dục. Vào các kì Hội nghị viên chức hằng năm, Ban thanh tra nhân dân thông báo công tác kiểm tra tài chính trước toàn thể cán bộ công chức, viên chức [H1-1.6-18].

Nhà trường tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công nhằm phục vụ các hoạt động giáo dục và giảng dạy. Qua kiểm tra, tài sản công của nhà trường đã được sử dụng, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục theo Luật số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về Quản lý, sử dụng tài sản công. Cuối mỗi năm tài chính, nhà trường tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018. Nhà trường đã quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, không cho mượn, không sử dụng vào mục đích cá nhân, không thế chấp [H1- 1.6-16]. Hằng năm, nhà trường thực hiện các khoản thu theo đúng quy định của UBND thành phố Hà Nội, chi đúng mục đích theo quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng các quỹ thu thỏa thuận đó đúng mục đích, đúng đề án và được đánh giá tổng kết và công khai vào cuối mỗi kỳ để CB, GV, NV, CMHS được biết [H1-1.6-17]; [H1-1.6- 18].

# Mức 2:

Trong quản lý, sử dụng tài chính, nhà trường đã ứng dụng CNTT như: sử dụng phần mềm tài chính DAS 10.2 để thực hiện toàn bộ các hoạt động về lương, phụ cấp các loại, bảo hiểm và chế độ thanh toán ngoài lương [H1- 1.6-19]; quản lý tài sản qltscd.vn để thực hiện toàn bộ các giá trị tài sản hữu hình và vô hình, các công cụ, dụng cụ hiện có của nhà trường [H1-1.6-20]. Nhà trường sử dụng phần mềm bảo hiểm xã hội EFY để thực hiện các chế độ thanh toán về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của đơn vị [H1-1.6-21]; sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế để thực hiện chế độ đóng thuế thu nhập cá nhân thuộc nhà trường quản lý dưới sự ủy quyền thanh toán của viên chức [H1-1.6-22]. Tuy nhiên, do hằng năm, các phần mềm quản lý tài chính, tài sản và bảo hiểm xã hội được liên tục cập nhật và nâng cấp nên bộ phận kế toán, CNTT của trường còn gặp khó khăn trong việc sử dụng, vận hành các phần mềm đó.

Nhà trường được Phòng Tài chính - Kế hoạch của quận Hà Đông định kì kiểm tra công tác tài chính hàng năm và được đánh giá tốt. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lí hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-23]; [H1-1.6-24].

# Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh:**

Nhà trường thực hiện hiệu quả công tác quản lý hành chính, quản lý chặt chẽ, công khai dân chủ về tài chính, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động dạy và học. Cán bộ quản lý đã ứng dụng thành thạo CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

**3. Điểm yếu:**

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT sử dụng phần mềm tài chính kế toán. | Từ năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo | Bộ phận tài vụ, văn phòng. | Tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT, sử dụng các phần mềm. |
| Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp. | Từ năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo | Cán bộ quản lý, kế toán, Ban đại diện cha mẹ học sinh. | Thực hiện theo TT  16/2018/TT-BGDĐT. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/  Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | \* | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

# Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Ngay từ đầu các năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho CB, GV, NV cụ thể và chi tiết. Tất cả cá nhân xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng dựa trên năng lực, sở trường và những hạn chế của bản thân, tổ tổng hợp thành kế hoạch chung của tổ gửi về bộ phận chuyên môn của trường. Bộ phận chuyên môn tổng hợp lại thành kế hoạch bồi dưỡng của nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]. Nhà trường tạo mọi điều kiện để các đồng chí CBQL, GV, NV được tham dự các khóa học nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn; các chuyên đề dạy học, đổi mới chất lượng giáo dục cho GV, cán bộ cốt cán; các đồng chí nhân viên kế toán, nhân viên y tế, nhân viên thư viện - thiết bị, nhân viên bảo vệ được học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ đúng chuyên ngành, đáp ứng được các yêu cầu công việc [H1-1.3-07].

Hằng năm, căn cứ năng lực, sở trường, nguyện vọng riêng và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng CB, GV, NV mà nhà trường phân công sao cho đúng người, đúng việc đảm bảo các vị trí làm việc theo quy định và đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Nhà trường phân công, sử dụng CB, GV, NV rõ ràng, hợp lý: phân công công việc, nhiệm vụ của từng người trong BGH; phân công công việc, nhiệm vụ của các thành viên trong các bộ phận; phân công công việc, nhiệm vụ, chuyên môn cho từng giáo viên. Dựa vào trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV và ý kiến đề xuất của tổ chuyên môn, nhà trường phân công GVCN lớp, GV bộ môn và bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn các tổ [H1-1.7-03]. Hiện nay, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và có 04 giáo viên đang theo học nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên [H1-1.7-04]. Tuy nhiên, do nguyên nhân khách quan, chủ quan, một số kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa đúng tiến độ.

Cán bộ quản lý nhà trường được dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lí; tham gia giảng dạy 2 tiết trong một tuần đối với hiệu trưởng, 4 tiết trong một tuần đối với phó hiệu trưởng và được hưởng chế độ phụ cấp chức vụ, được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định [H1-1.7-03] GV, NV được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục HS, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo [H1- 1.7-05];[H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

# Mức 2:

Nhà trường có nhiều biện pháp để phát huy năng lực làm việc của cán bộ quản lý, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Cụ thể: ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường phân công đúng các vị trí việc làm, phù hợp với nguyện vọng, năng lực, sở trường của mỗi cá nhân. Đồng thời cử CB, GV, NV tham gia nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ do trường, liên trường, Phòng GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội tổ chức, để nâng cao trình độ, tay nghề. Nhà trường khuyến khích động viên và xây dựng mô hình cá nhân tự học, học tập lẫn nhau, học tập suốt đời để năng lực chuyên môn của mỗi cá nhân ngày một vững vàng và được nâng cao. Bên cạnh đó, nhà trường làm tốt công tác động viên, khen thưởng kịp thời những bộ phận, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ [H1-1.4-07]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-03]. [H1-1.7-07].

**2. Điểm mạnh**

100% cán bộ, giáo viên đã đạt chuẩn trình độ đào tọa về chuyên môn theo Luật Giáo dục 2019. Nhà trường đã có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Do nguyên nhân khách quan, chủ quan, một số kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa đúng tiến độ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Lựa chọn đội ngũ GV có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn để thực hiện CT GDPT 2018 | Năm học 2025 – 2026  và các năm tiếp theo | Cán bộ quản lý, giáo viên. | Theo kế hoạch của nhà trường, Quận, của Thành phố. |
| Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV, NV đi học, đào tạo theo trình độ chuyên môn và vị trí việc làm. | Từ năm học 2025 – 2026  và các năm tiếp theo | GV,NV thư viện, NV thiết bị, NV văn thư, NV y tế. | Theo kế hoạch của nhà trường và kế hoạch học tập của cá nhân. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Ngay từ đầu năm học, căn cứ vào các văn bản như: Điều lệ Trường tiểu học của Bộ BGDĐT; Quyết định, Thông tư ban hành Chương trình GDPT; Công văn về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; Quyết định của UBND thành phố Hà Nội về khung thời gian năm học; căn cứ vào Hướng dẫn nhiệm vụ năm học của ngành, của Sở GDĐT, của Phòng GDĐT, dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch tổ chức dạy học theo đúng chương trình của Bộ GDĐT. Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo chủ đề gắn với các ngày lễ lớn, gắn với các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với HS, đảm bảo thời gian và kiến thức dạy học trong và ngoài nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương và nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Trên cơ sở đó, nhà trường xây dựng kế hoạch công tác chuyên môn [H1-1.8-03], kế hoạch hoạt động các phong trào trong năm học [H1-1.5-06], Kế hoạch công tác y tế trường học, … [H1-1.8-04]. Từ đó, các đồng chí tổ trưởng, TPTĐ và các bộ phận triển khai thực hiện phù hợp với chương trình thời khóa biểu và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.4-04].

Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động theo kế hoạch tuần, tháng, học kỳ, đảm bảo tiến độ và nội dung. Kế hoạch giáo dục được toàn thể giáo viên nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, không cắt xén chương trình, không dạy dồn, dạy ghép. Đối với những ngày nghỉ lễ, tết, tổ lên kế hoạch triển khai dạy bù hoặc sau thời gian nghỉ, được thể hiện trong lịch báo giảng để đảm bảo chương trình theo kế hoạch [H1-1.4-04]; [H1-1.1-03]. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường luôn được quan tâm, giáo viên luôn tâm huyết nên đã rất chủ động, sáng tạo xây dựng các chương trình hoạt động cho học sinh theo các chủ điểm như: Chào mừng năm học mới; Vui Trung thu; tháng An toàn giao thông; Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam; Chào mừng ngày Quốc phòng toàn dân và Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam; chương trình chào Xuân; “Rung chuông vàng” Tiếng Anh; tổ chức “Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe”; Kỉ niệm ngày sinh nhật Đội và sinh nhật Bác 19/5; tổ chức Lễ ra trường cho học sinh lớp 5 [H1-1.5-06]. Tuy nhiên, một số lớp do sự phối hợp với CMHS thiếu chặt chẽ nên khi tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đạt hiệu quả cao, chưa gây hứng thú cho học sinh.

Hằng tháng và hằng kì, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch thông qua họp cơ quan, họp tổ chuyên môn. Những nội dung chưa thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra, tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục ngay trong thời gian tới. Đồng thời tiến hành điều chỉnh và bổ sung những nội dung còn thiếu và những nội dung mang tính thời sự phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương [H1-1.8-02]; [H1-1.8-05]; [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07]; [H1-1.2-05]; [H1-1.4-04].

# Mức 2:

Sau mỗi hoạt động lớn, hàng tháng, hàng kì, các tổ, nhóm, bộ phận, Ban Giám hiệu đều thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện và kết quả của hoạt động đó. Thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng, nhà trường tổng kết, đánh giá các hoạt động, lấy ý kiến phản ánh đóng góp của các thành viên từ đó điều chỉnh, xây dựng kế hoạch trong tháng, trong kì tiếp theo [H1-1.8-05]. Trong những năm qua, trường Tiểu học Lê Quý Đôn được phòng GDĐT quận Hà Đông đánh giá đạt hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với hoạt động giáo dục [H1-1.4-10]; [H1-1.8-08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục được cấp trên ghi nhận. Xây dựng và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, đảm bảo kế hoạch đề ra, thường xuyên có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục đó phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường.

# 3. Điểm yếu:

Một số lớp do sự phối hợp với CMHS thiếu chặt chẽ nên khi tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đạt hiệu quả cao, chưa gây hứng thú cho học sinh.

# 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  **công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Giải pháp và các điều**  **kiện đảm bảo thực hiện** |
| Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về tổ chức hoạt động cho GV | Năm học 2025 -2026 và các năm tiếp theo | Ban Giám hiệu, giáo viên, TPT | Mời giảng viên tập huấn.GV tự học hỏi nâng cao trình độ; GV, TPTĐ hướng dẫn HS tổ chức các hoạt động trong giờ HĐTN |

**5.Tự đánh giá**: Đạt mức 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ. CBQL, GVNV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Tổ chức cho CB, GV, NV học tập các văn bản về QCDC và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ năm học, nhằm giúp cho CB, GV, NV có nhận thức và hiểu biết về những quy định, những nhiệm vụ cần thực hiện để từ đó phát huy quyền làm chủ, đóng góp các giải pháp thực hiện các kế hoạch đã đề ra hay xây dựng các hoạt động có nội dung phong phú, đa dạng và thu hút học sinh. Tất cả các văn bản của nhà trường (kế hoạch, báo cáo, quy chế,…) đều được nhà trường dự thảo, đưa lên hòm thư chung để CB, GV, NV nghiên cứu và chuẩn bị ý kiến hay gạch chân những điều chưa hiểu, chưa rõ để phát biểu trong hội nghị tránh mất thời gian và đạt hiệu quả. Hàng năm, trước Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động, quy chế dân chủ được các tổ chuyên môn đưa ra bàn bạc, lấy ý kiến điều chỉnh và bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tại Hội nghị cán bộ, viên chức các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường sẽ được biểu quyết thông qua [H1-1.9-01]. Nhà trường đã tuyên truyền phổ biến những quy định về quyền, nghĩa vụ và những vấn đề liên quan đến lợi ích của CBGVNV đến 100% CBGVNV được biết. Sau khi đã được thông qua Hội đồng trường, các kế hoạch, nội quy, quy định đều được niêm yết tại phòng Hội đồng, chuyển trên nhóm zalo chung để mọi người cùng thực hiện và theo dõi giám sát. Thực hiện công khai trước tập thể về chất lượng giáo dục, chất lượng đội ngũ, thi đua khen thưởng, kỉ luật, việc sử dụng công quỹ, tài sản, … theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC và Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT quy định về công khai trong cơ sở giáo dục. Trong 5 năm qua, nhà trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ, nội bộ đoàn kết thống nhất vì thế chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường đã có những chuyển biến rõ nét. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng quy chế dân chủ còn một số CB, GV chưa mạnh dạn tham gia ý kiến, đề xuất đưa ra các biện pháp xây dựng nhà trường [H1-1.9-02]; [H1- 1.9-03]; [H1-1.9-04].

Hàng năm, nhà trường xây dựng các quy chế: quy chế dân chủ, quy chế cư quan … các quy định, xây dựng nội quy và lịch tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; bố trí CB, GV, NV trực để tiếp công dân thường xuyên và giải quyết những vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của nhà trường. Trong quá trình hoạt động, nhà trường tiếp thu mọi ý kiến phản ánh của CB, GV, NV hay CMHS thông qua cuộc họp hay kiến nghị bằng văn bản, đều được nhà trường quan tâm, giải quyết hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật [H1-1.9-05]; [H1-1.9-01]. Chính vì vậy, nội bộ nhà trường đoàn kết, không có đơn thư, khiếu nại hay đơn thư vượt cấp. Nhà trường đã xây dựng được môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Hằng năm, nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở [H1-1.9- 02]. Báo cáo được thể hiện bằng văn bản của Ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-04], báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ [H1-1.4-08]. Các báo cáo đã thể hiện được việc phát huy quyền làm chủ của CB, GV, NV; công khai, dân chủ trong thực hiện chế độ, chính sách; bảo đảm lợi ích của người lao động; động viên khen thưởng và xử lý kỷ luật kịp thời; tăng cường vai trò quản lý của lãnh đạo trường; đảm bảo kỷ cương trong trường; đẩy mạnh phong trào thi đua, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường [H1-1.9-03]; [H1-1.9-06].

# Mức 2:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong các hoạt động của trường thông qua các hình thức dân chủ, đảm bảo cho CB, GV, NV được quyền giám sát. Để đánh giá được sát sao đảm bảo công khai, minh bạch, nhà trường xây dựng kế hoạch công khai và để CBGVNV giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ thông qua 3 hình thức giám sát, kiểm tra: thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, thông qua kiểm điểm công tác tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kì, thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Ban kiểm tra nội bộ của trường có chuyên đề kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ. Các chủ trương, kế hoạch đều được bàn bạc dân chủ, lấy ý kiến đóng góp của các tổ khối. Việc triển khai thực hiện tốt dân chủ trong hoạt động của nhà trường đã làm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ của mình, có ý thức rèn luyện phấn đấu trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có lối sống lành mạnh và trung thực; phát huy tinh thần dân chủ trong hoạt động, công tác. [H1-1.9-02]; [H1- 1.9-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.6-18].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi hoạt động đều được công khai lấy ý kiến và thống nhất thực hiện. Nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư, khiếu nại hay đơn thư vượt cấp và đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, được nhận Cờ thi đua của thành phố Hà Nội.

**3. Điểm yếu**

Trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ vẫn còn có một số CB, GV, NV chưa tích cực, mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất để đưa ra các biện pháp xây dựng nhà trường phát triển tốt hơn nữa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Quán triệt các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện QCDC | Trong buổi họp HĐSP hàng tháng. | Cán bộ quản lý, CB, GV,  NV, học sinh. | * Cập nhật, lưu trữ các văn bản chỉ đạo. * Triển khai thực hiện theo kế hoạch. |
| Đảm bảo 100% CB, GV, NV tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch. | Tháng 8/2025 và các năm học tiếp theo. | Cán bộ quản lý. | Tổ chức cho CB, GV, NV học tập để nhận thức rõ hơn về ý nghĩa, vai trò của QCDC trong trường. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

*a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực trong nhà trường và an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lí các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

***Mức 2:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lí các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1.**

Nhà trường đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho HS và GV; thường xuyên tăng cường công tác quản lý và giám sát mọi khu vực trong trường, đặc biệt là cổng trường, khu vực các lớp học, khu nhà ăn… Tổ bảo vệ đảm bảo trực 24/24 giờ, sau mỗi ca trực có tiến hành bàn giao và ghi sổ trực đầy đủ. Bên cạnh đó, nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an địa phương để tổ chức các buổi tuyên truyền, nâng cao ý thức cho GV, HS về các quy định an toàn. Nhà trường tổ chức các đợt kiểm tra, rà soát các hệ thống an ninh trong trường. Công tác tuần tra thường xuyên và việc triển khai các biện pháp kiểm soát ra vào trường học cũng được thực hiện nghiêm túc [H1- 1.10-01]. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại trường không chỉ chú trọng đến việc kiểm tra và giám sát nguồn gốc thực phẩm, chế biến và phân phối suất ăn mà còn đặc biệt quan tâm đến công tác vệ sinh khu vực nhà bếp và các dụng cụ chế biến, phục vụ bữa ăn cho học sinh. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo an toàn vệ sinh trường học, định kỳ và đột xuất kiểm tra công tác vệ sinh, với mục tiêu duy trì môi trường bếp ăn sạch sẽ, an toàn. Khu vực nhà bếp được vệ sinh thường xuyên, bao gồm việc lau chùi sạch sẽ các bề mặt chế biến, sàn nhà, tường và các thiết bị nhà bếp. Công tác vệ sinh này được thực hiện ngay sau mỗi ca chế biến thực phẩm và vào cuối mỗi ngày, giúp ngăn ngừa tình trạng vi khuẩn, nấm mốc phát triển. Cống rãnh, hệ thống thoát nước trong khu vực nhà bếp cũng được kiểm tra và khơi thông định kỳ để đảm bảo không có mùi hôi hay sự tích tụ chất thải, tránh ảnh hưởng đến chất lượng thực phẩm và môi trường bếp ăn. Ngoài ra, các dụng cụ, khay bát, đũa, thìa và các vật dụng phục vụ ăn uống cũng được làm sạch và khử trùng sau mỗi lần sử dụng. Đặc biệt, các khay bát, dụng cụ này được luộc qua nước sôi để tiêu diệt hoàn toàn các vi khuẩn có thể tồn tại. Việc vệ sinh dụng cụ được thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo rằng tất cả các thiết bị đều sạch sẽ và an toàn trước khi sử dụng lại. Nhà trường cũng yêu cầu nhân viên bếp ăn và các cán bộ liên quan phải thực hiện vệ sinh tay sạch sẽ trước và sau mỗi lần chế biến, phục vụ suất ăn. Tất cả những biện pháp này góp phần đảm bảo bữa ăn cho học sinh không chỉ đầy đủ dinh dưỡng mà còn an toàn tuyệt đối về mặt vệ sinh, tạo sự yên tâm cho phụ huynh và cộng đồng về công tác an toàn thực phẩm của nhà trường [H1- 1.10-02]. Công tác vệ sinh an toàn còn gắn liền với việc sử dụng nguồn nước sinh hoạt và nước uống hàng ngày, đảm bảo sức khỏe cho HS, CB, GV. Nhà trường đã ký hợp đồng với Công ty nước sạch Hà Đông để cung cấp nước sạch cho toàn bộ khuôn viên trường, đảm bảo nguồn nước luôn đạt chất lượng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn. Nhà trường chủ động thực hiện công tác kiểm tra chất lượng nước một cách nghiêm ngặt. Định kỳ, nhà trường tự mang mẫu nước đi xét nghiệm tại các cơ sở uy tín. Các kết quả xét nghiệm đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh, đảm bảo không có sự hiện diện của các chất ô nhiễm hay vi khuẩn có hại. Việc kiểm tra này được thực hiện thường xuyên để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến chất lượng nước. Để đảm bảo nguồn nước luôn sẵn sàng và an toàn, nhà trường có một bể chứa nước có dung tích 150m3, phục vụ cho nhu cầu sử dụng của cả trường. Bể chứa này được bảo trì và vệ sinh thường xuyên, bảo đảm nước luôn sạch và đủ cung cấp cho các hoạt động của nhà trường. Thêm vào đó, tại khu vực bếp ăn, nhà trường đã lắp đặt hệ thống lọc nước để xử lý nước uống, giúp loại bỏ các tạp chất và vi khuẩn trước khi sử dụng. Những biện pháp này không chỉ nâng cao chất lượng nguồn nước mà còn góp phần bảo vệ sức khỏe của HS, GV trong suốt quá trình học tập và sinh hoạt tại trường [H1- 1.10-03]. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng cháy chữa cháy (PCCC) được công an Phòng cháy chữa cháy quận Hà Đông phê duyệt, đảm bảo các yêu cầu về an toàn phòng cháy. Nhà trường đã trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ phòng chống cháy nổ, bao gồm bình cứu hỏa, hệ thống báo cháy, đèn chiếu sáng khẩn cấp và các phương tiện thoát hiểm đảm bảo sẵn sàng sử dụng khi cần thiết. Tất cả các thiết bị này được kiểm tra, bảo trì định kỳ, đảm bảo hoạt động hiệu quả khi có tình huống xảy ra. CB, GV, NV tham gia đầy đủ các buổi diễn tập PCCC nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó của CB, GV, HS trong tình huống khẩn cấp. Các buổi diễn tập không chỉ giúp mọi người làm quen với quy trình sơ tán an toàn mà còn tạo cơ hội để kiểm tra sự hoạt động của các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong thực tế. Ngoài ra, nhà trường cũng tổ chức các tiết dạy chuyên đề về PCCC cho HS, giúp các em hiểu rõ tầm quan trọng của công tác phòng ngừa cháy nổ và trang bị những kiến thức cơ bản để tự bảo vệ mình trong các tình huống khẩn cấp [H1- 1.10-04]. Nhà trường đã chủ động trong việc phòng chống thiên tai, có các phương án ứng phó với bão, lũ, động đất và các tình huống khẩn cấp khác. Các buổi tập huấn sơ tán khẩn cấp được tổ chức thường xuyên để GV, HS có thể phản ứng nhanh chóng và hiệu quả khi xảy ra thiên tai. Nhà trường cũng trang bị các phương tiện cứu hộ cần thiết, đảm bảo mọi người đều biết rõ các điểm trú ẩn an toàn, giúp bảo vệ tính mạng và tài sản trong những tình huống bất ngờ [H1- 1.10-01]. Công tác phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh luôn được chú trọng. Nhà trường thực hiện các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh như vệ sinh môi trường lớp học, khử trùng khuôn viên trường, và khuyến khích HS rửa tay thường xuyên. Các buổi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh cũng được tổ chức định kỳ để nâng cao nhận thức cho GV, HS. Bên cạnh đó, nhân viê y tế học đường có mặt thường xuyên để kiểm tra sức khỏe HS, phát hiện sớm các triệu chứng bệnh và xử lý kịp thời. Trong trường hợp có HS bị bệnh, nhà trường có phòng y tế đầy đủ thiết bị y tế cơ bản để chăm sóc sức khỏe ban đầu và liên hệ với phụ huynh khi cần thiết, đảm bảo sức khỏe của HS luôn được bảo vệ trong suốt thời gian học tập tại trường [H1- 1.10-05]. Công tác phòng chống tai nạn thương tích và bạo lực học đường được triển khai một cách toàn diện và nghiêm ngặt. Nhà trường đã chủ động phân luồng giao thông ngay từ vòng xuyến trong khu đô thị do vậy vào giờ cao điểm giao thông vẫn được thông suốt. Nhà trường đã xây dựng các quy định rõ ràng về an toàn cho HS, đặc biệt là trong các hoạt động ngoại khóa và thể thao, để hạn chế tối đa nguy cơ tai nạn. Các khu vực trường học được kiểm tra thường xuyên, bảo đảm không có yếu tố nguy hiểm, các thiết bị vui chơi được bảo trì đúng quy định. Để phòng ngừa bạo lực học đường, nhà trường chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho HS, giúp các em biết cách ứng xử văn minh, tôn trọng bạn bè và thầy cô. Ngoài ra, nhà trường cũng tổ chức các buổi tuyên truyền về phòng chống bạo lực, giúp HS hiểu rõ các hậu quả nghiêm trọng của hành vi bạo lực và tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn. Đội ngũ GV luôn sẵn sàng lắng nghe, giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường, đồng thời tạo dựng mối quan hệ thân thiết với HS để phát hiện và xử lý sớm các tình huống không an toàn. Nhà trường chủ động đảm bảo mọi tình huống có thể xử lý kịp thời, hạn chế thấp nhất những rủi ro xảy ra. Tất cả những công việc này đều góp phần tạo dựng một môi trường học tập an toàn và thuận lợi, giúp HS yên tâm học tập và phát triển [H1- 1.10-01]; [H1- 1.10-06].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng (số điện thoại của Hiệu trưởng – 0968230440, số điện thoại của Phó hiệu trưởng: 0916016599; 0961003188) được niêm yết công khai tại cổng trường và các hình thức khác nhưemail: [c1lequydon-](mailto:c1lequydon-hadong@hanoiedu.vn) [hadong@hanoiedu.vn](mailto:c1lequydon-hadong@hanoiedu.vn); trang thông tin điện tử của nhà trường website truong: c1lequydon.pgdhadong.edu.vn, xử lý những phản ánh của người dân xung quanh, phụ huynh và học sinh trong trường [H1-1.10-07].

CB, GV, NV luôn yêu thương, tôn trọng, không xúc phạm thân thể, nhân phẩm của HS. Học sinh các lớp đoàn kết, giúp đỡ nhau trong các hoạt động và không có hiện tượng phân biệt đối xử với học sinh hòa nhập. Nhà trường đã thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, giúp HS cảm nhận được mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Trong nhà trường không có hiện tượng vi phạm về giới và bạo lực học đường, không có hiện tượng GV vi phạm đạo đức nhà giáo. Tập thể CB, GV, NV đoàn kết, yêu quý và giúp đỡ lẫn nhau, thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-08].

# Mức 2:

Công tác phổ biến và hướng dẫn các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, phòng cháy chữa cháy, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội và bạo lực học đường luôn được chú trọng. CBQL, GV, NV đều được tham gia các buổi phổ biến, hướng dẫn chi tiết về các phương án phòng ngừa và ứng phó trong các tình huống khẩn cấp. Các kế hoạch này không chỉ được triển khai qua các buổi tập huấn, diễn tập mà còn thông qua các tiết dạy chuyên đề, giúp mọi người nắm rõ các quy trình, quy định và biện pháp cụ thể [H1-1.10-01]. Nhà trường luôn chủ động giám sát, thực hiện các quy trình an toàn như vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an ninh trật tự trong trường, đồng thời khuyến khích HS nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân và cộng đồng. HS cũng được dạy các kỹ năng cơ bản về phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, nhận diện các tệ nạn xã hội, cũng như hiểu rõ những nguy cơ tiềm ẩn từ các dịch bệnh và thiên tai [H1-1.10-02]. [H1-1.5-06]. Nhà trường kết hợp với trạm y tế phường Dương Nội thực hiện tuyên truyền chống dịch sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp cấp Covid - 19, thực hiện công tác khử trùng đầu năm học, sát khuẩn tay đầu giờ cho học sinh, tuyên truyền và tham gia các buổi tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhân viên y tế tập tổ chức truyền thông trong các buổi sinh hoạt dưới cờ hoặc qua phát thanh tuyên truyền của đội Măng non. Tổ chức tuyên truyền cho HS về thực hiện an ninh - an toàn trường học, không chơi các trò chơi nguy hiểm. Trước giờ xuống nhà ăn học sinh được tuyên truyền; “3 phút thay đổi nhận thức” dưới sự hướng dẫn, giám sát của GV, Tổng phụ trách [H1-1.10-05]. Nhà trường đã làm tốt công tác phòng, chống cháy, nổ, chưa để xảy ra vụ việc liên quan đến công tác phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-04]. Trong những năm học qua, nhà trường luôn làm tốt công tác đảm bảo an toàn cho HS và cho CB, GV, NV. Xung quanh trường có hàng rào bảo vệ. Khu vực vui chơi của HS không có vật cản gây nguy hiểm. Nhà trường đã lắp thêm camera an ninh. Khách tới trường làm việc đều phải xuất trình giấy tờ, liên hệ qua phòng thường trực và được sự đồng ý của hiệu trưởng. GVCN làm tốt công tác đón, trả HS vào đầu giờ và cuối giờ học. Những HS không ăn, ngủ bán trú tại trường thì có đơn cam kết đảm bảo an toàn cho con vào thời gian không học tại trường, có tên, địa chỉ, số điện thoại người đón sau tan học buổi trưa và khi đón phải có kí nhận vào sổ đặt tại phòng bảo vệ. Những HS chưa được đón đúng giờ đều được GV quản lý theo quy định của nhà trường. Tuy các nội dung về an ninh trật tự, an toàn trường học được tuyên truyền, triển khai đầy đủ nhưng việc vận dụng những kiến thức được tập huấn vào cuộc sống của một số HS còn hạn chế [H1- 1.10-09]; [H1-1.10-10].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến bạo lực học đường, có băng rôn khẩu hiệu về Phòng chống xâm hại, bắt cóc trẻ em, an toàn giao thông và các nội dung tuyên truyền theo từng chủ điểm. Hàng ngày GV trực và CBQL có kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lí các thông tin, biểu hiện liên quan và có biện pháp tuyên truyền, giáo dục, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Định kì, Ban kiểm tra nội bộ tiến hành kiểm tra các điều kiện an toàn trường học, phát hiện và xử lí các nguy cơ có thể gây tai nạn thương tích cho HS. Trong 5 năm qua nhà trường không có trường hợp HS bị bạo lực hay mất an toàn trong trường học [H1-1.08-07]; [H1-1.04-08]; [H1-1.10-08].

**2. Điểm mạnh**

Trong nhiều năm qua, nhà trường không để xảy ra hiện tượng mất trật tự, an ninh, không có hiện tượng kì thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường, không có hiện tượng cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra. Nhà trường không có hiện tượng kì thị, đảm bảo an toàn phòng tránh các tai nạn, tệ nạn xã hội xâm nhập học đường, xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh và thân thiện tạo sự an tâm trong mỗi một cán bộ giáo viên, nhân viên, CMHS và học sinh.

**3. Điểm yếu**

Các nội dung về an ninh trật tự, an toàn trường học được tuyên truyền, triển khai đầy đủ nhưng việc vận dụng những kiến thức được tập huấn vào cuộc sống của một số học sinh còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp**  **thực hiện** |
| Tổ chức cho HS được tham gia trải nghiệm các tình huống giả định về an ninh trật tự, an toàn  trường học. | Hàng tháng. | Cán bộ quản lý, GV, nhân viên, học sinh. | Phối hợp cùng các tổ chức như công an, phòng cháy chữa cháy, y tế; phối hợp CMHS để tổ chức cho HS trải  nghiệm. |

1. **Tự đánh giá**: Đạt mức 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

# Kết luận về Tiêu chuẩn 1

***Điểm mạnh cơ bản***: Nhà trường có chiến lược phát triển được xây dựng khoa học, cụ thể, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương. Về cơ cấu tổ chức, nhà trường có đầy đủ các tổ chức đoàn thể, các tổ chuyên môn, đầy đủ 05 khối lớp, hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hoạt động nghiêm túc, có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các thành viên của hội đồng trường và các hội đồng khác đoàn kết, nhất trí, có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Về quản lý, nhà trường có đủ cán bộ quản lý theo quy định. Cán bộ quản lý có năng lực lãnh đạo, năng lực và nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng xu thế giáo dục hiện đại; có đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng với cơ cấu hợp lý theo Điều lệ Trường tiểu học. Các tổ đều xây dựng kế hoạch đầy đủ, thực hiện sinh hoạt định kì nghiêm túc, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường. Nhà trường đã triển khai đầy đủ các mặt hoạt động theo quy định: lập kế hoạch cụ thể, khoa học, bám sát chỉ đạo của các cấp quản lý, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương; tổ chức thực hiện nghiêm túc có chất lượng, theo dõi chi tiết, có đánh giá xếp loại và điều chỉnh hợp lí. Hiệu trưởng nhà trường có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy thêm, học thêm phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định hiện hành. Nhà trường luôn làm tốt công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, đặc biệt chú trọng quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cả về trình độ đào tạo và năng lực thực hiện vị trí việc làm. Công tác thi đua, khen thưởng, kỉ luật được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo khách quan, công bằng có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường thực hiện quy chế dân chủ công khai minh bạch, có hiệu quả. Công tác quản lý an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của nhà trường đảm bảo theo quy định pháp luật và của nhà nước.

***Điểm yếu cơ bản:*** Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường; số học sinh trên một lớp không đồng đều, số lớp trong nhà trường nhiều hơn quy định.

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 9/10

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 9/10

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 3/4

# Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, cán bộ quản lý cũng như giáo viên, nhân viên, học sinh toàn trường không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học đưa chất lượng dạy và học từng bước nâng cao. Hằng năm được đánh giá theo chuẩn và đạt chuẩn. Học sinh đi học đúng độ tuổi, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo Điều lệ Trường tiểu học.

# Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

# Mức 1

Đồng chí Teo Thị Thanh Mai có 20 năm trực tiếp giảng dạy, 08 năm làm công tác quản lý. Ngày 31/5/2017, đồng chí được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo quyết định số 6426/QĐ-UBND. Đồng chí Phó hiệu trưởng 1 là Nguyễn Thế Thành, có 12 năm trực tiếp giảng dạy. Ngày 01/7/2020, đồng chí được bổ nhiệm, giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo quyết định 2011/QĐ-UBND. Đồng chí Phó hiệu trưởng 2 là Vũ Thị Trâm, có 07 năm trực tiếp giảng dạy. Ngày 06/12/2022, đồng chí được bổ nhiệm, giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo quyết định số 5690/QĐ-UBND. [H1-1.4-01]

Hằng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến GV, NV trong trường đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo chuẩn hiệu trưởng, thông qua các minh chứng xác thực, phù hợp. Đồng chí Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai: được xếp loại Đạt chuẩn hiệu trưởng mức Tốt. Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thế Thành từ năm 2020 đến nay được xếp loại Đạt chuẩn hiệu trưởng mức Khá. Đ.c Phó hiệu trưởng Vũ Thị Trâm năm 2024 được xếp loại Đạt chuẩn hiệu trưởng mức Khá (theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/07/2018 về Ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông). [H2-2.1-01].

Từ năm 2017, đồng chí hiệu trưởng tham gia đào tạo sau đại học tại Học viện chính trị chuyên ngành Quản lý Giáo dục và được cấp bằng Thạc sĩ ngày 08/3/2019. Ngoài ra đồng chí còn được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý do Sở GDĐT, Trung tâm Chính trị quận tổ chức [H1-1.4-01]. Đồng chí Nguyễn Thế Thành đã hoàn thành lớp Đào tạo sau đại học tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn chuyên ngành Quản lý giáo dục và đang chờ kết quả tốt nghiệp [H2-2.1-02].

# Mức 2:

Tính đến thời điểm hiện tại (năm 2025), đồng chí Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng với 08 năm loại Xuất sắc và đạt mức Tốt. Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thế Thành và Vũ Thị Trâm đều đạt được đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng mức Khá [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Đồng chí Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai và đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thế Thành được bồi dưỡng tại trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong Thành phố Hà Nội và được cấp bằng Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính. Đồng chí Phó hiệu trưởng Vũ Thị Trâm được bồi dưỡng tại trường Chính trị Trường Chinh tỉnh Nam Định và được cấp bằng Trung cấp Lý luận chính trị - hành chinh. Hằng năm, các đồng chí tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị do Quận ủy Hà Đông tổ chức, các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn do Phòng GDĐT Hà Đông, Sở GDĐT Hà Nội, Bộ GDĐT tổ chức [H1-1.4-01]. Các đồng chí trong CB quản lý đều có tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu, nhiệt tình trong công việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; được GV, NV trong trường tín nhiệm. Đặc biệt đồng chí Teo Thị Thanh Mai - Hiệu trưởng nhà trường được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen của các cấp. Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ của các đồng chí cán bộ quản lý còn hạn chế [H1-1.4-07].

# Mức 3:

# Tính đến thời điểm hiện tại (năm 2025), đồng chí Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng với 07 năm loại Xuất sắc và đạt mức Tốt. Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thế Thành và Vũ Thị Trâm đều đạt được đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng mức Khá [H2-2.1-01].

# 2. Điểm mạnh

Các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn, nhiệt tình, năng động, tích cực tự bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, có năng lực quản lý, chỉ đạo triển khai tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường được giáo viên và nhân viên tín nhiệm. Hằng năm, đồng chí Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được nhà trường và Phòng GDĐT đánh giá Đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt và mức khá.

**3**. **Điểm yếu:** Trình độ ngoại ngữ của các đồng chí CBQL còn hạn chế.

# 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ quản lí, học thêm tiếng Anh. | Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo. | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Sắp xếp thời gian tự học tiếng Anh và tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cấp tổ chức. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

*a) Số lượng GV đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có GV làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*

*b) Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỉ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Tỉ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt.*

# 1. Mô tả hiện trạng

# Mức 1:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn thực hiện dạy học 2 buổi/ngày với 45 lớp. Số giáo viên của trường là 66 đồng chí, đạt tỉ lệ 1,51 giáo viên/lớp, đảm bảo dạy đủ, hiệu quả các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Nhà trường có 51 giáo viên cơ bản và 15 giáo viên dạy các môn chuyên biệt, tự chọn. Các đồng chí giáo viên được phân công đúng chuyên môn đã được đào tạo, hợp lý, phù hợp với khả năng của mỗi người, tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.7-03]. Trường có đồng chí Ngô Thị Ngọc Dung là giáo viên dạy Âm nhạc được cử làm Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh[H2-2.2-01].

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn hiện có 66/66 = 100% GV đạt trình độ đại học, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Luật Giáo dục 2019. Bên cạnh đó, nhà trường cũng khuyến khích và tạo điều kiện cho GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, hiện tại có 6 giáo viên đang theo học chương trình Cao học, nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và đóng góp vào sự phát triển chung của nhà trường. [H2-2.2-02];[H2-2.2-03].

Tính đến thơi điểm hiện tại (năm 2025), có 100% số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-04].

**Mức 2**:

100% giáo viên đạt trình độ đại học, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Luật Giáo dục 2019. Bên cạnh đó, nhà trường cũng khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, hiện tại có 6 giáo viên đang theo học chương trình Cao học, nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và đóng góp vào sự phát triển chung của nhà trường. [H2-2.2-02];[H2-2.2-03].

Tính đến thơi điểm hiện tại (năm 2025), có 100% số GV đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên trong đó có 90% đạt mức khá [H2-2.2-04].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thơi điểm hiện tại (năm 2025), nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.1-03].

# Mức 3:

Tính đến thời điểm hiện tại (năm 2025), nhà trường có 3 đồng chí đạt trên chuẩn trình độ đào tạo chiếm 5% tổng số giáo viên [H2-2.2-02].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (năm 2025), có 90% số GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV mức Khá trở lên trong đó có 45% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt [H2-2.2-04].

**2. Điểm mạnh**

100% giáo viên của nhà trường đạt trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn theo quy định tại Luật Giáo dục 2019, có 100% số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên trong đó có 90 % đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Khá trở lên và có 45% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt.

**3. Điểm yếu**

Tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo còn quá thấp, mới đạt 5%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Phối hợp với các cơ sở giáo dục, tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và ứng dụng CNTT trong dạy học. | Năm học 20245-2026  và những năm học tiếp theo. | Giáo viên, nhân viên | Khuyến khích GV, NV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiệu trưởng tạo điều kiện cho GV, NV đi học, tổ chức mời giảng viên về bồi dưỡng cho GV, NV. |
| Nâng cao trình độ cho giáo viên đạt chuẩn đi học trên chuẩn trình độ đào tạo | Năm học 2025-2026  và những năm học tiếp theo. | CBQL, GV | Khuyến khích CBQL, GV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm. Hiệu trưởng tạo điều kiện cho GV đi học. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  Đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  Đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

# Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lí theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

a) *Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

a) *Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

# 1. Mô tả hiện trạng

# Mức 1:

Trường có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 03 nhân viên hợp đồng làm công tác văn thư, thiết bị và bảo vệ và hợp đồng 01 nhân viên làm công tác thiết bị trường học. Các nhân viên thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H1-1.7-03].

Đồng chí Nguyễn Phương Thảo được phân công nhiệm vụ làm công tác văn thư. Nhân viên làm công tác văn thư có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị do Học viện chính trị cấp ngày 08/03/2018, số hiệu bằng A 186858. Đồng chí Dương Thị Bích Nguyệt nhân viên kế toán có bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán do Đại học Điện lực cấp vào ngày 10/12/2015. Đồng chí Nguyễn Thị Hà - nhân viên y tế đã tốt nghiệp Trung học chuyên nghiệp chuyên ngành Điều dưỡng. Đồng chí Nguyễn Thị Lan Anh – có chứng chỉ nghiệp vụ thư viện được phân công nhiệm vụ làm công tác thư viện; đồng chí Phạm Thị Tuyết được phân công phụ trách thiết bị của nhà trường. Nhà trường đã hợp đồng thêm 03 bảo vệ. Các đồng chí bảo vệ đều đủ sức khỏe để làm việc, tinh thần trách nhiệm cao. Tất cả nhân viên đều được phân công công việc phù hợp với năng lực cá nhân và điều kiện thực tế hiện có của nhà trường [H1-1.7-03]; [H2-2.2-02].

Các đồng chí nhân viên của nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm, lại được nhà trường tạo mọi điều kiện trong công tác đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được các cấp về kiểm tra và đánh giá tốt. Công tác văn thư luôn đảm bảo đúng quy định: cập nhật công văn đi, công văn đến thường xuyên; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo đầy đủ, số liệu chính xác, đúng thời gian; công tác lưu trữ khoa học. Công tác tài chính luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định, số liệu chính xác, dễ tìm, nộp báo cáo đúng hạn. Học sinh được cán bộ y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HS chu đáo; sơ cứu, cấp cứu kịp thời; làm tốt công tác tuyên truyền chăm sóc sức khỏe; sử dụng tốt các trang thiết bị y tế hiện có tại trường; hồ sơ công tác y tế đầy đủ, đúng quy định. Cán bộ thư viện, thiết bị nắm được nghiệp vụ, cùng BGH xây dựng thư viện chuẩn và thư viện tiên tiến. Nhân viên bảo vệ đảm bảo tốt công tác an ninh trường học. Hằng năm, các nhân viên đều được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt công việc [H1-1.4-06].

# Mức 2:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn là trường hạng I, có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên làm công tác văn thư; 01 nhân viên làm công tác thư viện, 01 nhân viên làm công tác thiết bị, 01 nhân viên làm thủ quỹ [H1-1.7-03];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm hiện tại (năm 2025), không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-03].

# Mức 3:

Nhân viên kế toán, NV y tế được phân công làm nhiệm vụ đúng chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo, đáp ứng được vị trí việc làm. Các đồng chí phụ trách công tác văn thư, thư viện, thiết bị chưa có bằng, chứng chỉ chuyên ngành đáp ứng vị trí việc làm nhưng được nhà trường thường xuyên cử đi tập huấn các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ văn thư, thư viện, thiết bị [H1-1.7-03]; [H1-1.3-07].

Hằng năm, nhà trường đã tạo điều kiện để các NV được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của cấp trên như: bồi dưỡng công tác y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác thiết bị trường học, ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu công việc được phân công, bồi dưỡng về công tác an ninh trật tự an toàn trường học, tập huấn về công tác thư viện. Công tác bảo vệ chưa có nhiều lớp tập huấn riêng và chuyên sâu về công việc [H2-2.3-01]; [H1-1.3-07].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định. Các nhân viên đều có trình độ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Hàng năm, nhà trường đều tạo điều kiện cho NV được tham dự các lớp bồi dưỡng tập huấn do các cấp tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu các công việc được phân công trong tình hình mới. Các đồng chí nhân viên của nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ được giao, được các cấp đánh giá, xếp loại tốt.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên làm công tác thiết bị, thư viện tuy có chứng chỉ chứng nhận đáp ứng vị trí việc làm nhưng không được đào tạo cơ bản.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tham mưu với cấp trên để bổ sung thêm NV thư viện, thiết bị | Năm học 2025 - 2026 | Hiệu trưởng | Văn bản đề xuất với cấp trên |
| Nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ Đại học để học tiếp lên Cao học | Năm học 2025-2026  và những năm học tiếp theo. | PHT và GV đã đạt trình độ  Đại học | Cử đi học theo lộ trình hằng năm. Hiệu trưởng tạo điều kiện để CBQL và GV đi học. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/  Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

# Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) *Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*

b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Học sinh nhà trường đảm bảo quy định về độ tuổi. Lớp 1 là 6 tuổi và lớp 5 là 11 tuổi, có 08 học sinh nhiều hơn 1 tuổi so với độ tuổi quy định trong đó có 03 em khuyết tật, 02 em từ nước ngoài về, 03 từ nơi khác chuyển đến đã học quá độ tuổi. [H1- 1.5-01]; [H1-1.6-04]; [H2-2.4-01]. HS có thể lực và trí tuệ chậm phát triển thì vào lớp 1 ở độ tuổi cao hơn so với quy định nhưng không có HS nào quá 3 độ tuổi. Trong các năm học, HS của nhà trường có độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi (tính theo năm), trường hợp học quá so với số tuổi quy định là do thể lực yếu hoặc HS diện học hòa nhập. Toàn trường không có học sinh học vượt lớp [H1-1.6-04]; [H2-2.4-01].

Học sinh được học tập, rèn luyện theo kế hoạch giáo dục, nội quy của nhà trường. Các em có ý thức tự giác học tập, rèn luyện để phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực theo mục tiêu của chương trình GDPT cấp tiểu học. HS biết cách tự học dưới sự hướng dẫn của GV; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Ở gia đình, các em hiếu thảo với cha mẹ, ông bà. Ở lớp, các em kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ các bạn vùng sâu, vùng xa; ủng hộ các bạn vùng lũ lụt; ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trại trẻ mồ côi,… Bên cạnh đó, các em chấp hành nội quy, bảo vệ tài sản nhà trường và nơi công cộng; chấp hành trật tự an toàn giao thông; giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương [H1-1.1-03]; [H1-1.3-09]; [H1-1.6-04]; [H2-2.4-02].

Học sinh được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân, được tham gia bồi dưỡng tại các câu lạc bộ theo năng khiếu và sở thích của mình, được tham gia các hoạt động phong trào của nhà trường [H1- 1.8-01]; [H2-2.4-03]. HS được học theo chương trình giáo dục do Bộ GDĐT quy định. HS được chọn trường hoặc được chuyển đến trường khác ngoài địa bàn cư trú nếu được trường đó tiếp nhận [H2-2.4-04]. Học sinh trong độ tuổi tiểu học sinh ở nước ngoài có nguyện vọng theo học tại trường được nhà trường tiếp nhận theo đúng quy định [H2- 2.4-05]. Nhà trường có học sinh khuyết tật được học hòa nhập ở một số lớp, được đảm bảo các điều kiện về học tập, rèn luyện, được học và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân của HS và được các bạn quý mến, giúp đỡ [H1-1.6-04]. Đối với các em có kết quả học tập còn hạn chế được giáo viên và CMHS hướng dẫn giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ học tập và hoàn thành lớp học. Ở lớp cũng như ở nhà, HS được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và được đối xử bình đẳng, được bảo vệ quyền lợi chính đáng, được cung cấp đầy đủ thông tin về quá trình học tập và rèn luyện của bản thân, được đảm bảo những điều kiện về thời gian học tập cũng như tham gia các hoạt động tại trường [H1-1.3-09]. Nhà trường luôn quan tâm, đảm bảo về cơ sở vật chất vệ sinh, an toàn để các em học tập và rèn luyện. HS được tham gia các hoạt động phát huy khả năng của cá nhân, được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng cá nhân được nhận học bổng và hưởng các chính sách xã hội theo quy định cũng như được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật. Tuy vậy, một số HS còn chưa tập trung trong giờ học, chưa tích cực tham gia các hoạt động giáo dục của trường lớp [H1-1.1-03].

# Mức 2:

Nhà trường, Đội TNTP Hồ Chí Minh và GVCN, giáo viên bộ môn và các nhân viên khác luôn tuyên truyền, giáo dục học sinh về các hành vi học sinh không được làm. Một số học sinh có hành vi vứt rác chưa đúng nơi quy định được các bạn trong lớp hoặc sao đỏ kịp thời nhắc nhở làm cho cảnh quan trong lớp học và trên sân trường luôn được giữ sạch sẽ, gọn gàng. Một số bạn còn gây gổ, mất đoàn kết với bạn đã được phát hiện kịp thời, được giáo viên cũng như cô TPTĐ nhắc nhở nên đã có những chuyển biến rõ rệt [H2-2.4-06]; [H1-1.6-05].

# Mức 3:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn có nhiều học sinh được giải cao trong các kỳ thi đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. [H1-1.2-03]

**2. Điểm mạnh**

HS nhà trường đảm bảo về độ tuổi, thực hiện tốt các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền của HS tiểu học. HS được nhà trường, gia đình và xã hội quan tâm, được bồi dưỡng theo năng lực, được GD, uốn nắn kịp thời. Nhiều HS có thành tích cao trong học tập và rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp, của trường.

**3. Điểm yếu**

# Một số HS còn chưa tập trung trong giờ học, chưa tích cực tham gia các hoạt động giáo dục của trường lớp

# 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| Lồng ghép hướng dẫn học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ người học sinh trong các hoạt động giáo dục. | Năm học 2025  - 2026 và  những năm học tiếp theo. | GVCN, CMHS. | Xây dựng kế hoạch hoạt động nội khóa, ngoại khóa. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/  Không đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Học sinh ngoan, có ý thức, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người HS Đội ngũ CB, GV, NV có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn: 100% đạt chuẩn, có nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, tích cực tự học tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT, được phân công hợp lý, phát huy thế mạnh của từng thành viên. 100% giáo viên, nhân viên được xếp loại khá trở lên khi tham gia các lớp về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Công tác phối hợp các lực lượng giáo dục trong nhà trường nghiêm túc. Tập thể nhà trường là một khối thống nhất, đoàn kết. Trường đã ngày càng củng cố và xây dựng được sức mạnh tập thể, có ý chí vươn lên, giúp đỡ nhau vượt mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng nhà trường phát triển, đáp ứng được nhu cầu quản lý và giáo dụcHS

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 4/4

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 4/4

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/4

Số lượng tiêu chí không đạt: 0/4

# Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

# Mở đầu:

# Trường Tiểu học Lê Quý Đôn nằm tại địa chỉ Khu đô thị Dương Nội 2, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Vị trí đặt trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của quận Hà Đông. Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, được quy hoạch gọn với khuôn viên riêng biệt, đầy đủ các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT. Các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị theo quy định đáp ứng được yêu cầu làm việc, giảng dạy, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường

**Tiêu chí 3.1. Địa điểm, quy mô, diện tích:**

# *Mức 1:*

# *a) Vị trí đặt trường, điểm trường;*

# *b) Quy mô;*

# *c) Diện tích khu đất xây trường, điểm trường; diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn có 01 điểm trường và được đặt tại địa chỉ tại Khu đô thị Dương Nội 2, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Vị trí đặt trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của quận Hà Đông. Trường được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em cư dân trong khu vực. Trường được thành lập theo quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017 và chính thức đi vào hoạt động từ năm học 2017-2018. Trường nằm trong khu đô thị Dương Nội 2, được bao quanh bởi các khu biệt thự cao cấp, tạo nên một không gian học tập yên tĩnh và an toàn cho học sinh. Khu đất xây trường có địa thế cao, thoát nước tốt, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Xung quanh trường không có hàng quán vỉa hè, không có các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Vị trí này thuận tiện cho việc di chuyển và kết nối với các khu vực lân cận. Trường nằm tại vị trí có kết nối giao thông thuận lợi cho HS đi học. Trục đường thông thoáng, có nhiều làn phương tiện tránh nhau. Trường được xây dựng theo tiêu chuẩn an toàn PCCC, với hệ thống báo cháy tự động, lối thoát hiểm rộng rãi và đội ngũ nhân viên được huấn luyện về công tác phòng cháy chữa cháy. Vị trí của trường đảm bảo thuận lợi cho công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Do có vị trí thuận lợi nên nhà trường đã được Cục Cảnh sát PCCC và CNCH đặt làm địa điểm diễn tập điểm của quận Hà Đông và thành phố Hà Nội. Trong 5 năm học qua, nhà trường không xảy ra vụ việc nào liên quan đến mất an toàn cháy nổ. Ngoài ra, vị trí của trường gần với các bệnh viện, phòng khám chữa bệnh, đặc biệt thuận lợi cho chăm sóc sức khỏe HS khi Bệnh viện Nhi Hà Nội ở trong khu đô thị đi vào hoạt động. Với vị trí thuận lợi, cơ sở vật chất hiện đại và môi trường học tập an toàn, trường Tiểu học Lê Quý Đôn đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em cư dân trong khu vực, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại quận Hà Đông [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]; [H1-1.10-04].

Hiện nay, trường có quy mô 45 lớp với 2443 HS. Trường tổ chức giảng dạy cho các lớp từ khối 1 đến khối 5, đáp ứng nhu cầu học tập của HS trong khu vực. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của khu đô thị Dương Nội và sự gia tăng dân số cơ học do sự xuất hiện của các tòa chung cư cao tầng, số lượng học sinh tại trường đã tăng lên đáng kể, vượt quá quy mô ban đầu thiết kế. Điều này đã dẫn đến tình trạng quá tải về lớp học. Mặc dù trường đã nỗ lực mở rộng các lớp học và đầu tư cơ sở vật chất, song nhu cầu học tập vẫn tiếp tục gia tăng, đòi hỏi cần có kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong khu vực. Quy mô trường lớp mở rộng nhưng cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp việc tăng dân số cơ học trong độ tuổi tiểu học trong những năm sắp tới [H1-1.8-01].

Diện tích đất sử dụng khuôn viên của trường Tiểu học Lê Quý Đôn là 21144 m2, trung bình là 8,7 m2/học sinh đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 3 mục 2 điều 9 của Thông tư 13/2020/TT-BGD ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 đã được sửa đổi theo Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường tiểu học (Thông tư 13 sửa đổi) [H3-3.1-03]; .[H1-1.8-01].Nhà trường có một sân chung để tổ chức các hoạt động của toàn trường, sân bằng phẳng có cây xanh bóng mát. Sân chơi được lát gạch, khu đồi cây, vườn trường, sân bãi tập luyện với tổng diện tích rộng 18884 m2; có sân tập luyện và vui chơi của HS rộng 1250 m2; có 03 sân bóng với diện tích 2900 m2, nhà đa năng có diện tích 500 m2. Khu sân chơi, sân tập đảm bảo đúng theo quy định tại mục 5 điều 10 của Thông tư 13 sửa đổi. [H3-3.1-03]. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, nhà trường vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường có sân chơi kết hợp với sân tập thể dục thể thao. Sân chơi bằng phẳng, được lát gạch đảm bảo an toàn và vệ sinh. Sân trường có đủ cây bóng mát đảm bảo cho học sinh vui chơi và luyện tập [H3-3.1-02]. Sân tập và nhà đa năng đảm bảo an toàn giúp học sinh luyện tập TDTT, có cột bóng rổ với hai kích cỡ phù hợp cho học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 và học sinh lớp 4 và lớp 5. Nhà đa năng còn có khu vực sân để chơi cầu lông, có hai bàn bóng bàn để giáo viên, học sinh tập luyện. Sân chơi và sân tập của nhà trường đảm bảo an toàn cho học sinh được tập luyện thường xuyên. Diện tích mặt bằng khu vực bếp ăn bán trú và các nhà ăn là 1200 m2. Tổng diện tích sàn xây dựng 4 tòa nhà là 4200m2 đảm bảo đạt và vượt định mức tiêu chuẩn. [H3-3.1-03]. Khối phòng hành chính quản trị gồm có 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng diện tích 24m2, 01 phòng làm việc của PHT diện tích 48m2, 01 văn phòng diện tích 18m2, 01 phòng Hội đồng giáo dục 90m2. Các phòng đều được bố trí ở các vị trí phù hợp với công năng, đảm bảo yêu cầu diện tích sàn xây dựng. Các khối phòng học tập; phòng hỗ trợ học tập; phụ trợ; khu sân chơi, TDTT; phục vụ sinh hoạt có đầy đủ theo quy định tại Thông tư 13 sửa đổi. Khối phòng học tập có 45 phòng (diện tích từ 56m2/phòng đến 80 m2 /phòng đạt tỉ lệ 1,1m2/HS), 02 phòng học bộ môn Tin học có tổng diện tích 160m2. Khối phòng hỗ trợ học tập gồm 01 phòng thư viện (Thư viện học sinh diện tích 200m2, 01 phòng thiết bị giáo dục có diện tích 24m2, 01 phòng Đội thiếu niên 24m2, 01 phòng truyền thống diện tích 24m2. Khối phụ trợ có 01 phòng họp 90m2, 01 phòng Y tế diện tích 32m2, 01 phòng thường trực bảo vệ diện tích 25m2, 07 phòng kho tổng diện tích 210m2, khu vệ sinh của GV, HS với 26 phòng nam/nữ riêng biệt, được bố trí ở các tầng tại mỗi tòa nhà, 01 mặt bằng khu vực để xe của GV 200m2, mặt bằng để xe của học sinh, diện tích 200 m2. Các hạng mục công trình của trường được xây dựng cao 3 tầng, đảm bảo điều kiện cho HS khuyết tật tiếp cận sử dụng [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường được đầu tư xây dựng hiện đại phù hợp với định hướng chiến lược phát triển giáo dục của địa phương; vị trí điểm đặt trường thuận đường giao thông, phòng cháy chữa cháy và tiện lợi trong việc chăm sóc sức khỏe cho học sinh.. Quy mô trường lớp đáp ứng số lượng học sinh địa phương trong những năm gần đây. Diện tích khu đất xây trường rộng rãi; diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình đạt và vượt định mức quy định.

**3.Điểm yếu**

Cho đến thời điểm hiện tại, nhà trường vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù trường đã nỗ lực mở rộng các lớp học và đầu tư cơ sở vật chất, song nhu cầu học tập vẫn tiếp tục gia tăng, đòi hỏi cần có kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong khu vực. Quy mô trường lớp mở rộng nhưng cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp việc tăng dân số cơ học trong độ tuổi tiểu học trong những năm sắp tới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Đầu tư, bổ sung các đồ chơi, thiết bị vận động. | Năm học 2025-2026  và các năm  học tiếp theo. | GV dạy Thể dục, nhân viên thiết bị đề xuất với  hiệu trưởng. | Hiệu trưởng xem xét và duyệt đề xuất.  Kinh phí trong nguồn ngân sách Nhà nước cấp. |
| Nhà trường tích cực tham mưu với UBND, HĐND quận đẩy nhanh  thủ tục cấp giấy chứng nhận quyển sử dụng đất cho nhà trường. | Năm học 2025-20256. | Hiệu trưởng, kế toán  Địa chính  phường. | - Nghiên cứu thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.  - Hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận  quyền sử dụng đất. |
| Tiếp tục tham mưu với chính quyền để được xây dựng 01 đơn nguyên 16 phòng học | Năm 2026 và các năm tiếp theo | Hiệu trưởng | Có đủ chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ pháp lý liên quan |

**5.Tự đánh giá**: Đạt mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/  Không đạt |
| a | Đạt |  |  |  |  |
| b | Không đạt |  |  |  |  |
| c | Không đạt |  |  |  |  |
| Không đạt | |  | |  | |

**Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình**

Mức 1*:*

*a) Khối phòng hành chính quản trị;*

*b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;*

*c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.*

Mức 2***:*** *Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:*

a) *Khối phòng hành chính quản trị;*

b) *Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;*

c) *Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.*

***Mức 3:*** *Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, bao gồm:*

***a)*** *Khối phòng hỗ trợ học tập;*

***b)*** *Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính quản trị bao gồm 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng PHT, 01 văn phòng, 01 phòng thường trực bảo vệ. Các phòng đều được trang bị đầy đủ CSVC trang thiết bị tối thiểu để làm việc như bàn, ghế, tủ tài liệu, máy vi tính, máy in; riêng văn phòng được trang bị thêm các phương tiện làm việc khác như máy photocopy, máy in; phòng thường trực bảo vệ được đặt ở gần lối ra vào cổng chính của trường, có vị trí quan sát thuận lợi. Toàn trường có 26 khu vệ sinh riêng nam, nữ dành cho CB, GV, NV. Các khu vệ sinh GV được bố trí ở giữa mỗi tầng, mỗi tầng có 1 khu vệ sinh; phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí. Khu vệ sinh của CBGVNV luôn được tẩy trùng, vệ sinh sạch sẽ, có đủ các chỉ dẫn 6 bước rửa tay thường quy, nội quy sử dụng tiết kiệm nước và giấy, cung cấp đầy đủ nước rửa tay, giấy vệ sinh cho CB, GV, NV. Các nhà vệ sinh đều được bố trí chậu cây xanh trong và ngoài đảm bảo mỹ quan và phù hợp với cảnh quan nhà trường, xây dựng nhà vệ sinh thân thiện. Khu để xe của CB, GV, NV là khu vực lán xe ở ngay cổng ra vào. Trường có 01 cổng chính, 01 cổng phụ thuận tiện cho việc đi lại 1 chiều của GV, HS và CMHS đảm bảo trật tự, an toàn cho mọi người khi tham gia giao thông nội bộ trong trường. Hồ sơ, tài liệu của nhà trường được lưu trữ theo từng bộ phận. Hồ sơ của giáo viên và tổ chuyên môn do giáo viên và tổ trưởng quản lý; hồ sơ của bộ phận tài chính do kế toán, thủ quỹ quản lý; chuyên môn - do phó hiệu trưởng quản lý. Cuối mỗi năm học, nhân viên văn thư tập hợp hồ sơ và lưu trữ tại tủ hồ sơ của nhà trường được đặt tại nhà kho [H3-3.2-1]

Nhà trường có khối phòng học tập và khối phòng hỗ trợ học tập đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT sửa đổi. Nhà trường đều đảm bảo mỗi lớp học văn hóa có 1 phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT. Mỗi phòng học có từ 26-28 bộ bàn ghế HS, loại 2 chỗ ngồi, đảm bảo đủ chỗ ngồi cho HS. Kích thước bàn ghế phù hợp với độ tuổi HS theo từng khối lớp, đảm bảo theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế và phù hợp với quy định TCVN 7490. Mỗi lớp học có 01 bộ bàn ghế GV được kê ngay ngắn trên bục giảng phía bên tay trái HS. Bảng trượt ngang 2 lớp chống lóa sơn màu xanh kích thước 4,8m x 1,22m có kẻ ô li, được treo ở giữa tường phía trước lớp. Mép dưới bảng cách nền phòng học 0,8m đảm bảo quy định tại mục 5.2.6 TCVN 8793:2011. Các phòng đều được trang bị đầy đủ bàn ghế GV, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học, tủ cá nhân HS, thiết bị dạy học như máy tính, máy chiếu, ti vi, máy soi bài. Mỗi phòng học có 04 cửa sổ và 02 hoặc 03 cửa ra vào đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên cho HS học tập. Để hỗ trợ khi thiếu ánh sáng tự nhiên, mỗi phòng học còn được lắp 24 bóng đèn tuýp Led, mỗi bóng dài 1,2m. Các bóng đèn được treo ở độ cao cách mặt bàn học 2,8m đảm bảo quy định tại Quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về chiếu sáng. Hệ thống thông gió tự nhiên đảm bảo mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Ngoài ra mỗi phòng học còn có hệ thống quạt đảo trần, được trang bị từ 2 đến 3 điều hòa không khí để giữ ấm cho HS về mùa đông, mát mẻ về mùa hè. Mỗi lớp học đều có máy chiếu, máy đa vật thể, máy tính, tủ đựng hồ sơ GV, ĐDDH của GV theo quy định, có tủ để HS đựng đồ dùng cá nhân [H3-3.2-02]. Nhà trường 02 phòng học bộ môn Tin học, với 56 máy vi tính/phòng đã đượckết nối mạng internet đáp ứng yêu cầu học tập bộ môn Tin học.Trường có 01 nhà giáo dục thể chất rộng 500m2 . Ngoài ra 100% các phòng học bộ môn của nhà trường có đầy đủ máy vi tính, âm- li, loa, màn chiếu, máy chiếu projecter hoặc ti vi tương tác và máy chiếu đa vật thể. Nhà trường có 01 phòng thư viện theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học của Bộ GDĐT ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022. Cụ thể: Thư viện học sinh được bố trí ở tầng 3 nhà D, thuận tiện cho việc tiếp cận và sử dụng của HS. Diện tích mặt sàn thư viện HS là 200m2 đạt 0,9m2/HS nên chưa đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu. Các khu chức năng của thư viện được bố trí trong một phòng, trên một mặt bằng rộng rãi, thoáng mát. Thư viện của GV 25m2 được bố trí ở tầng 3, thuận lợi cho GV học tập nghiên cứu tài liệu. Không gian đọc có đủ chỗ đọc cho GV và HS. Khu vực lưu trữ tài liệu thông tin được bố trí ngay trong phòng đọc, đảm bảo đủ diện tích để chứa số lượng tài nguyên thông tin của nhà trường, thuận tiện cho việc quản lí và khai thác, phù hợp với đặc thù của từng loại tài nguyên thông tin, được phân loại đúng quy định. Khu vực mượn trả và quản lí được bố trí chung với phòng đọc. Thư viện đảm bảo các yêu cầu kĩ thuật, cụ thể: Sàn và nền được lát sàn gỗ chống trơn trượt, không có kẽ hở, không bị mài mòn, không bị biến dạng, chống được ẩm, tránh được hiện tượng nồm ướt, dễ vệ sinh; có 2 cửa ra vào và các cửa sổ được xây dựng đảm bảo quy chuẩn. Hệ thống chiếu sáng đảm bảo cả 3 nguồn chiếu sáng tự nhiên, chiếu sáng nhân tạo, chiếu sáng hỗn hợp. Hệ thống chiếu sáng tuân thủ đầy đủ quy định về độ rọi, chỉ số chói lóa, chỉ số hiện màu tại Quy chuẩn quốc gia về chiếu sáng. Các cửa phòng có hướng sáng tự nhiên, thông gió thoáng khí cho phòng, che chắn được gió lạnh, mưa hắt, nắng chiếu xuyên phòng, đảm bảo thuận tiện, an toàn trong sử dụng, dễ vệ sinh, làm sạch. Thư viện được bố trí hệ thống thông gió tự nhiên và nhân tạo, có hệ thống quạt đảo trần, điều hòa không khí, đảm bảo hoạt động thư viện và bảo quản tài nguyên thông tin. Thư viện tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn cháy nổ. Nhà trường có 1 phòng thiết bị giáo dục, được bố trí tại tầng 2, gần các phòng học, thuận tiện cho việc quản lí và khai thác; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường. Nhà trường 01 phòng truyền thống, 01 phòng hoạt động đội đều có diện tích 25m2 được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động. [H3-3.2-03]

Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt của nhà trường đảm bảo đúng quy định hiện hành tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT sửa đổi. Cụ thể: Nhà trường có 1 phòng họp diện tích 90m2, bố trí tại tầng 1, trang bị đầy đủ các thiết bị như bàn ghế họp, bảng công tác, bục tượng Bác Hồ, bục phát biểu, thiết bị trình chiếu, hệ thống âm thanh, loa, micro, máy vi tính, theo đúng quy định, được sử dụng làm nơi sinh hoạt chung, tổ chức hội họp, làm việc của GV ngoài giờ dạy. Phòng y tế được đặt tại tầng 1, trang bị đầy đủ các thiết bị như tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo đúng Công văn số 87/QĐ- SYT Quyết định về việc ban hành Danh mục thuốc thiết yếu, trang thiết bị y tế dùng trong Phòng y tế của các trường học trên địa bàn thành phố Hà Nội, có đầy đủ các dụng cụ sơ cứu, 01 cáng y tế, 01 máy đo huyết áp, 01 tủ hấp dụng cụ y tế, 01 bảng phác đồ cấp cứu, bảng theo dõi sức khỏe HS và 02 giường bệnh đảm bảo tiêu chuẩn. Phòng kho nhà trường được bố trí tại các tầng với vị trí phù hợp, được cung cấp giá đa năng được sử dụng để dụng cụ chung. Khu để xe của HS là khu vực gần cổng trường phía sau dãy lớp học, ra vào bằng 2 cổng chính, phụ thuận tiện cho việc đi lại của HS, đảm bảo trật tự, an toàn cho HS. Nhà trường có gắn hệ thống camera 64 mắt quan sát 24h/24h. Toàn trường có 23 khu vệ sinh riêng nam, nữ dành cho HS, đảm bảo cho HS khuyết tật tiếp cận sử dụng. Các khu vệ sinh HS được bố trí ở mỗi tầng có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo, có vách ngăn giữa các phòng vệ sinh. Chiều cao lắp đặt thiết bị vệ sinh phù hợp với nhu cầu sử dụng và lứa tuổi HS. Trường có 01 cổng chính và 02 cổng phụ. Tại cổng chính, biển tên trường ghi đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 5, Điều lệ Trường tiểu học: Tên cơ quan chủ quản, tên trường, địa chỉ, số điện thoại. Cổng trường bằng sắt được sơn màu trắng đảm bảo kiên cố, an toàn. Xung quanh trường có tường rào cao trên 2m, bao quanh trường, được làm bằng sắt hộp, đảm bảo vững chắc, an toàn. Nhà trường có một sân chung để tổ chức các hoạt động của toàn trường, sân bằng phẳng có cây xanh bóng mát. Sân chơi được lát gạch, khu đồi cây, vườn trường, sân bãi tập luyện với tổng diện tích rộng 18884 m2; có sân tập luyện và vui chơi của HS rộng 1250 m2; có 03 sân bóng với diện tích 2900 m2. Khu sân chơi, sân tập đảm bảo đúng theo quy định tại mục 5 điều 10 của Thông tư 13 sửa đổi. Nhà trường có nhà đa năng có diện tích 500 m2 được bố trí ở nhà D, thoáng mát, an toàn; có đủ dụng cụ và thiết bị vận động cho HS như cột bóng rổ, cột lưới cầu lông, bàn tập bóng bàn. Nhà trường có sân trải thảm cỏ sử dụng đa năng luyện tập bóng đá hoặc các hoạt động khác. Hệ thống cây xanh được trồng lâu năm có nhiều bóng mát. Nhà bếp được bố trí biệt lập với các khối phòng học tập, không ảnh hưởng đến việc học tập của HS. Dây chuyền hoạt động một chiều, có khu sơ chế, chế biến hợp vệ sinh. Dụng cụ nấu, dụng cụ sơ chế thức ăn, dụng cụ ăn uống, đồ dùng chứa đựng thực phẩm đều vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn thực phẩm. Bếp nấu bằng hệ thống bếp ga. Vị trí chia thức ăn chín thuận tiện vận chuyển lên các khu vực ăn cho HS. Kho bếp được phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm như tủ, kệ, tủ lạnh; có dụng cụ, thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại. Khu nhà ăn phục vụ được hơn 1000 HS ăn. Khu vực ăn ngủ của HS bán trú được bố trí tại phòng học, có đầy đủ ánh sáng, quạt mát và điều hòa, đảm bảo phục vụ cho HS. Hệ thống tủ đựng đồ dùng bán trú chăn, ga, gối của HS được để ở hành lang gần khu vực bán trú từng lớp. [H3-3.2-04]

**Mức 2:**

Nhà trường có phòng hiệu trưởng và 01 phòng PHT được bố trí riêng, đặt tại các vị trí phù hợp tại tầng 1, thuận tiện cho công tác quản lý. Các phòng thuộc khối hành chính quản trị đảm bảo đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 [H3-3.2-01]

Trong các năm học, nhà trường có đủ số phòng học tập. Từ năm học 2022-2023, phòng hỗ trợ học tập không đủ theo quy định tối thiểu. Cụ thể nhà trường không có phòng giáo dục nghệ thuật và phòng Ngoại ngữ. Hiện tại, nhà trường chỉ có 02 phòng học bộ môn Tin học và 01 nhà giáo dục thể chất. Do vậy nhà trường chưa đảm bảo có đủ 03 phòng học bộ môn theo quy định. [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]

Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt của nhà trường đảm bảo đạt mức 1 quy định hiện hành tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT sửa đổi.. Nhà trường có 1 phòng họp diện tích 90m2 được bố trí đầy dủ thiết bị phục vụ. Phòng y tế được trang bị đầy đủ các thiết bị như tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo đúng Công văn số 87/QĐ- SYT Quyết định về việc ban hành Danh mục thuốc thiết yếu, trang thiết bị y tế dùng trong Phòng y tế của các trường học. Phòng kho nhà trường được bố trí tại các tầng với vị trí phù hợp, được cung cấp giá đa năng được sử dụng để dụng cụ chung. Khu để xe của HS đảm bảo an toàn, đạt mức độ 1. Nhà trường có gắn hệ thống camera 64 mắt quan sát 24h/24h. Khu vệ sinh có đầy đủ, sạch sẽ: Trường có cổng trường theo đúng quy định, có các khu vui chơi, giáo dục ngoài lớp học. Nhà bếp được bố trí biệt lập với các khối phòng học tập, không ảnh hưởng đến việc học tập của HS. Dây chuyền hoạt động một chiều, có khu sơ chế, chế biến hợp vệ sinh. [H3-3.2-04]

**Mức 3:**

Phòng Truyền thống nhà trường và phòng Đội TNTPHCM được bố trí riêng biệt. Phòng truyền thống nhà trường bố trí tại tầng 1 nhà B, phòng Đội TNTPHCM được đặt tại tầng 1 nhà C. [H3-3.2-03]

Toàn trường có chưa phòng nghỉ. Trường có 01 phòng giáo viên tích hợp cùng phòng Đội. Phòng GV trang bị đủ bàn ghế, máy tính, máy in cho GV làm việc khi cần thiết. Nhà trường bố trí các sân tập TDTT riêng cho từng môn cầu lông, bóng rổ được bố trí tại tầng 1, đảm bảo an toàn, có đủ dụng cụ và thiết bị vận động cho HS như cột bóng rổ, cột lưới cầu lông. Sân cỏ nhân tạo để luyện tập bóng đá mini được bố trí tại tầng 1. Khu vực thể chất còn đáp ứng các hoạt động TDTT như đồng diễn bài thể dục, múa hát tập thể, giảng dạy hoạt động giáo dục thể chất, hoạt động trải nghiệm, hội thảo và các sự kiện khác của nhà trường. [H3-3.2-04]

**2. Điểm mạnh**

Các phòng học có đủ các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và học tập. Các phòng học đều được trang bị máy chiếu, máy soi vật thể, loa, máy tính, điều hòa, để phục vụ giảng dạy và học tập. Nhà trường đảm bảo học sinh đến lớp có đủ chỗ ngồi, bàn ghế đồng bộ phù hợp với kích thước học sinh. Mỗi lớp đều có bảng chống lóa, vị trí treo bảng đảm bảo thuận lợi cho tất cả học sinh trong lớp. Cuối lớp học có bảng nỉ để phục vụ việc trưng bày sản phẩm học tập của học sinh và trang trí lớp học.

**3. Điểm yếu**:

Nhà trường chưa có đủ các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Ngoại ngữ theo quy định của Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ban hành quy định về cơ sở vật chất. Nhà trường chưa có phòng nghỉ cho giáo viên.

**4.Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Bổ sung mua sắm bàn ghế theo đúng tiêu chuẩn. | Từ năm học 2025 – 2026 và  các năm tiếp theo. | Giáo viên chủ nhiệm các lớp đề xuất với hiệu trưởng. | Hiệu trưởng và bộ phận tài chính xem xét mua bổ sung |
| Bàn giao mặt bằng để năm 2026 triển khai xây dựng khu nhà mới. | Quý 4 năm  2025. | Hiệu trưởng và bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, địa chính  phường. | Nhà trường thu dọn sớm mặt bằng và bàn giao ngay khi có thông báo. |

**5. Tự đánh giá***:* Đạt mức 2

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | c | Đạt | - | - |
| Không đạt | | Không đạt | | Không đạt | |

**Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kĩ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học:**

Mức 1:

*a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải*

*b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;*

*c) Thiết bị dạy học.*

Mức 2***:*** *Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.*

Mức 3***:*** *Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải của nhà trường đảm bảo quy định tại khoản 7, điều 10, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Cụ thể: Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty Nước sạch Hà Đông cung cấp nước sinh hoạt và nước uống đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, được cơ quan chức năng xét nghiệm các chỉ số theo tiêu chuẩn TCVN 4513 và đảm bảo chất lượng vệ sinh theo quy định QCVN 01-1:2018/BYT, Quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; đảm bảo an toàn khi sử dụng; đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của CBGVNV và HS. Trường có bề ngầm chứa 150m3 nước sinh hoạt. Toàn trường có 6 téc chứa nước tổng dung tích 30m3 được đặt trên mái đảm bảo đủ nước sinh hoạt hàng ngày. Hệ thống cấp nước sinh hoạt bao gồm các đường ống dẫn nước sạch đến các khu vực như nhà vệ sinh, phòng học, phòng chức năng và khu vực bếp ăn, đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu vệ sinh cá nhân và sinh hoạt hằng ngày. Đồng thời, trường cũng triển khai hệ thống xử lý nước thải, giúp đảm bảo vệ sinh môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong khuôn viên nhà trường. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước sinh hoạt, đảm bảo thoát nước mưa dưới mọi thời tiết trong năm. Hệ thống cống, rãnh để dẫn thoát nước mưa, chạy dọc sát các dãy nhà; Hệ thống nước thải sinh hoạt được đặt ngầm và được nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực; hố ga có đậy kín, nước thải kín không rò rỉ, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đầy đủ, thông hút cống, hố ga theo định kỳ 6 tháng/lần và không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh. [H1-1.10-03]; [H3-3.3-01]; Hệ thống cấp điện đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường. Hệ thống đường dây dẫn được thiết kế độc lập với các hệ thống khác, dễ dàng thay thế, sửa chữa khi cần thiết, phù hợp với quy định trong TCVN 7447, TCVN 9206, TCVN 9207 và QCVN12:2014/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của tòa nhà và công trình. Hộp kĩ thuật điện được bố trí tại khu vực sân sau, gần phòng bảo vệ, thuận tiện cho việc sử dụng và sửa chữa khi có sự cố, có hệ thống tủ điện, có dây tiếp đất và có công tắc ngắt điện tự động. Hệ thống điện được bảo vệ bằng các áptomát. Các ổ cắm, công tắc điện, các hộp nối được lắp đặt trong phòng đều có bộ phận ngắt dòng, được đặt ở độ cao không nhỏ hơn 1,5m tính từ sàn [H3-3.1-03]; [H3-3.3-02]; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường được trang bị theo thiết kế từ khi xây dựng trường năm 2017. Nhà trường có phương án phòng cháy chữa cháy và được công an phòng cháy chữa cháy, công an quận Hà Đông kiểm tra định kì, có đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, các đường thoát nạn, lối ra thoát nạn đúng quy định. Chiều rộng của lối đi, hành lang, cửa, vế thang trên được thoát nạn đảm bảo chiều rộng tối thiểu theo quy định. Hệ thống cửa chống cháy được bố trí tại đầu tầng của mỗi tòa nhà. Trường có hệ thống cấp nước chữa cháy được bố trí riêng biệt với hệ thống nước sinh hoạt. [H1-1.10-04]; [H3-3.3-03]; Hạ tầng thông tin liên lạc của nhà trường được thiết kế đồng bộ trong và ngoài công trình trụ sở trường học, đáp ứng nhu cầu sử dụng hiện tại và tương lai, có phương án và giải pháp chống sét cho cột thu sóng. Nhà trường có hệ thống mạng internet, mạng LAN, hệ thống truyền thanh trong nội bộ trường. Các hoạt động dạy học, quản lí trong nhà trường sử dụng mạng internet. Hệ thống máy tính được kết nối mạng internet 100%, ngoài ra trường còn lắp đặt hệ thông wifi phục vụ công tác giảng dạy và liên lạc qua hòm thư điện tử, Enetviet với CMHS. Hệ thống thông tin liên lạc được bố trí ống cáp dẫn đặt bên trong tường, ở mỗi tầng bố trí hộp nối dây. Nhà trường có hợp đồng cung cấp với VNPT gói cước 300MbPS. [H13-3.3-034]; [H3-3.3-05]; Hệ thống camera giám sát của nhà trường có 64 mắt camera, được đặt tại các vị trí trọng yếu, cho phép giám sát, đảm bảo an toàn, an ninh trong nhà trường. [H3-3.3-06]; Khu thu gom rác thải được bố trí độc lập, cách xa khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió. Nhà trường có 30 thùng rác, có nắp đậy, để ở vị trí phù hợp đảm bảo việc thu gom rác thuận tiện, vệ sinh. Phòng y tế có thùng đựng và phân loại rác thải riêng biệt, thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế theo đúng quy định của Bộ y tế. Nhà trường hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường Nam Hà Nội để thu gom rác thải hàng ngày và được vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không có tình trạng rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.3-07]; [H3-3.3-08]

100% các hạng mục công trình trong trường được xây dựng kiên cố, có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho giảng dạy và học tập ở các môn học theo đúng Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học. Đồ dùng dạy học được cấp phát tới từng lớp, mỗi lớp một bộ. Ngoài ra nhà trường còn có kho đồ đùng dạy học dùng chung đủ bộ của 5 khối lớp có đủ dụng cụ phục vụ thí nghiệm, tranh ảnh, mô hình phục vụ cho việc giảng dạy của GV. Hàng năm, nhà trường đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phù hợp với đặc thù mô hình giáo dục của nhà trường. Trường có quy định về việc GV sử dụng thiết bị dạy học, có sổ sách theo dõi việc sử dụng các đồ dùng, thiết bị của GV. Mỗi GV tự làm 02 đồ dùng dạy học trong năm. Hàng năm, nhà trường luôn phát động và khuyến khích GV tham gia phong trào tự làm đồ dùng dạy học. Kho học liệu điện tử của nhà trường có trên 300 giáo án điện tử, được cập nhật thêm hàng tháng, hàng năm. Thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học tự làm được hầu hết GV khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường**.** Kế hoạch hoạt động công tác thiết bị đồ dùng dạy học được xây dựng hàng năm. Trong các giờ dạy, GV luôn tích cực sử dụng thiết bị dạy học bao gồm cả đồ dùng dạy học được cấp phát và đồ dùng tự làm. Năm học 2024 – 2025, nhà trường tiếp tục thực hiện mô hình Trường học chuyển đổi số theo kế hoạch của Quận, tuy nhiên kho học liệu về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa phong phú.Các phòng học bộ môn cũng được trang bị hệ thống thiết bị hiện đại như: máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh dạy học, máy soi bài. Các phòng đều có hệ thống điện, nước, quạt trần, thông gió, điều hòa không khí theo đúng yêu cầu kĩ thuật quy định [H3-3.3-09]; [H3-3.3-10]; [H3-3.3-11]

**Mức 2**

100% các hạng mục công trình trong nhà trường được xây dựng kiên cố, có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]

**Mức 3:**

100% các hạng mục công trình trong nhà trường được xây dựng kiên cố và cấp công trình từ cấp IV trở lên [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc hoạt động tốt ,hiệu quả. 100% các hạng mục công trình trong nhà trường được xây dựng kiên cố. Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho giảng dạy và học tập ở các môn học theo đúng Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học. Việc vận hành và khai thác thiết bị Công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại theo mô hình trường học chuyển đổi số có hiệu quả.

**3. Điểm yếu.**

Kho học liệu điện tử còn hạn chế, chưa có nhiệu tài nguyên phong phú.

4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Bổ sung nguồn học liệu điện tử phục vụ hoạt động giáo dục | Từ năm học 2025 – 2026 và  các năm tiếp theo. | CBQL, GV, NV, HS | Tiếp tục ứng dụng các phần mềm QLGD, tích hợp hệ thống kho học liệu vào môi trường học tập và khuyến khích chia sẻ tài nguyên số |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 4**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo  (nếu có) | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo  (nếu có) | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| **Đạt** | | **Đạt** | | **Đạt** | |

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của phường Dương Nội, của quận Hà Đông. Trường có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, thuận đường giao thông, đáp ứng yêu cầu phòng chống cháy, nổ; diện tích khu đất xây trường rộng rãi; diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình đạt. Nhà trường có đầy đủ các khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu vui chơi, TDTT, khối phục vụ sinh hoạt đầu tư xây dựng khang trang, đáp ứng tiêu chuẩn CSVC quy định, đầy đủ trang thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu trong giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải đảm bảo đúng quy định. 100% các hạng mục công trình trong nhà trường được xây dựng kiên cố. Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho giảng dạy và học tập ở các môn học theo đúng Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học. Việc vận hành và khai thác thiết bị Công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại theo mô hình trường học chuyển đổi số có hiệu quả, được các cấp quản lí ghi nhận. Hệ thống cây xanh, tiểu cảnh đẹp, có nhiều bóng mát.

Tuy nhiên nhà trường còn thiếu phòng học bộ môn, phòng giáo viên.

* Số lượng tiêu chí đạt mức 1 : 2/3
* Số lượng tiêu chí đạt mức 2 : 1/2
* Số lượng tiêu chí đạt mức 3 : 1/2

# Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

# Mở đầu:

Nhà trường đã thực hiện tốt việc phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục các em HS. Trong những năm qua, nhà trường luôn phối hợp với hội CMHS để nâng cao chất lượng giáo dục cho HS đồng thời chủ động phối hợp với địa phương và các đoàn thể ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Mối liên hệ mật thiết giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã góp phần không nhỏ trong việc động viên tinh thần cho tập thể CB, GV, NV, góp phần thúc đẩy không ngừng việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

# Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) *Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Ban đại diện CMHS của nhà trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS. Hằng năm, nhà trường đã triển khai Hội nghị CMHS đầu năm học. CMHS các lớp bầu ra Ban đại diện CMHS lớp gồm từ 03 đến 05 thành viên, trong đó bầu ra 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và các ủy viên [H4-4.1-01]. Sau cuộc họp CMHS các lớp, nhà trường tổ chức họp với Ban đại diện do các lớp bầu ra [H4-4.1-02]. Trong cuộc họp này, đại diện CMHS các lớp sẽ bầu ra Ban đại diện CMHS nhà trường. Sau đó, hiệu trưởng chủ trì cuộc họp đầu tiên của Ban đại diện CMHS trường để Ban đại diện CMHS nhà trường cử 01 trưởng ban, các phó trưởng ban và các ủy viên. Ban đại diện CMHS của các lớp và của nhà trường được bầu dân chủ, công khai trong trong hội nghị CMHS đầu năm học. Ban đại diện CMHS các lớp và Ban đại diện CMHS nhà trường được thành lập và hoạt động theo nhiệm kì 01 năm học, đảm bảo chức năng, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Sau khi được cử, trưởng ban điều hành cuộc họp tất cả các trưởng ban, phó trưởng ban Ban đại diện CMHS lớp để thông qua chương trình hoạt động cả năm học. Trong năm học, nhà trường phối hợp với CMHS tổ chức họp định kì toàn thể CMHS các lớp và ban đại diện CMHS nhà trường 03 lần: đầu năm học, khi kết thúc học kỳ I, khi kết thúc năm học. Ngoài ra, tùy theo công việc và tình hình thực tế có thể tổ chức họp bất thường khi có ít nhất 50% CMHS (của lớp hoặc của trường) đề nghị hoặc do trưởng ban Ban đại diện CMHS (của lớp hoặc của trường) quyết định [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Hàng năm, Ban đại diện CMHS có chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, thống nhất trong buổi họp đầu năm của Ban đại diện CMHS nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS. Mỗi năm học, nhà trường tổ chức ba cuộc họp định kỳ: đầu năm, cuối kì I và cuối năm học với CMHS để thông báo tình hình nhà trường, kế hoạch năm học, tiếp thu ý kiến đóng góp, xây dựng các biện pháp giáo dục HS, thông báo công khai kết quả xếp loại các mặt giáo dục của HS và giải quyết những kiến nghị của CMHS, đóng góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS [H4-4.1-02]. Sau cuộc họp với nhà trường, trưởng Ban đại diện CMHS của từng lớp tiếp tục triển khai những nội dung trên trong cuộc CMHS lớp mình [H4-4.1-04].

Ban đại diện CMHS kết hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch hoạt động của Hội CMHS theo đúng các chương trình đã đề ra. Đại diện CMHS các lớp đồng thuận cao khi nhà trường lấy ý kiến tổ chức cho HS học các môn học: Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh bổ trợ, Võ thuật, Aerobic. Đặc biệt trong năm học 2024 - 2025 toàn bộ đại diện CMHS của 45 lớp đều có ý kiến nhà trường tiếp tục tổ chức các câu lạc bộ ngoại khóa sau giờ học buổi chiều để tạo điều kiện cho HS được phát triển toàn diện các môn học năng khiếu và thuận lợi cho CMHS tan tầm khi chưa đến đón con đúng giờ. Sau đó đại diện phụ huynh các lớp tiến hành triển khai trước toàn thể phụ huynh trong phiên họp đầu năm học và giải thích nếu có phụ huynh chưa hiểu rõ.. Ban đại diện CMHS luôn đồng hành cùng mọi hoạt động với nhà trường. Đầu năm học CMHS cùng với nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động chào mừng năm học mới. Nhà trường đã cùng CMHS tổ chức hoạt động vui tết Trung thu, tổ chức các hoạt động tuyên truyền cho học sinh về kĩ năng sống, phòng chống dịch bệnh... Chính vì có đủ nội dung được thống nhất tại Hội nghị CMHS đầu năm học nên việc thực hiện kế hoạch luôn đảm bảo đúng theo tiến độ đề ra. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian, Ban đại diện CMHS chưa tận dụng tiềm năng của các tổ chức xã hội ngoài nhà trường. Một số đại diện CMHS chưa có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành các cuộc họp CMHS lớp [H4-4.1-05].

# Mức 2:

Sau khi được thành lập, Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường. Ban đại diện CMHS được nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GDĐT ban hành. Ngoài ba cuộc họp định kỳ trên, nhà trường còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để thông báo một số hoạt động có liên quan đến Ban đại diện CMHS, các cuộc họp cam kết hoặc thỏa thuận giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh để cùng nhau tìm biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh, cùng tìm giải pháp giúp cho học sinh học tập tốt hơn. Bên cạnh đó, các ngày lễ, ngày hội (Khai trường, tết Trung thu, 20/10, 20/11, Noel, truyền thông “Sức khỏe và dinh dưỡng học đường”, sơ kết học kì, tổng kết năm học) CMHS của mỗi lớp cũng luôn đồng hành và tổ chức các hoạt động vui chơi, liên hoan cho các con. Đại diện cha mẹ học sinh còn luôn tham gia trong các buổi hoạt động ngoại khóa, sân chơi cuối tuần của nhà trường. Nhà trường cùng đại diện cha mẹ học sinh đã mời đội “Lân, sư, rồng” của xã Đông La- huyện Hoài Đức múa biểu diễn tại sân trường và biểu diễn tại từng lớp học vào dịp tết Trung thu và vào buổi học đầu tiên sau kì nghỉ tết Nguyên đán. Ban đại diện CMHS đã tham gia giám sát các hoạt động của trường 3 lần/năm và cùng với nhà trường đón tiếp các đoàn kiểm tra giám sát của phường Dương Nội, của HĐND quận Hà Đông. Hàng tuần, CMHS cùng với nhà trường kiểm tra việc chăm sóc bán trú, an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng của học sinh. Chính vì vậy công tác bán trú của trường luôn được đảm bảo tốt. Trong năm học, Ban đại diện CMHS kết hợp với nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động, nhiều đợt thi đua như: Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Hội chợ quê... và tặng quà HS có hoàn cảnh khó khăn vào dịp Trung thu, tết Nguyên đán và kết thúc năm học. GVNC, GV bộ môn thường xuyên có thông tin hai chiều với Ban đại diện CMHS qua nhiều hình thức: điện thoại, sổ liên lạc điện tử, zalo. C thường xuyên kết hợp với Ban đại diện CMHS trong việc giáo dục HS. Nhà trường lưu giữ đầy đủ hồ sơ chứng từ có nội dung thỏa thuận thu chi ủng hộ các hoạt động của CMHS của Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường. Để phát huy vai trò của Ban đại diện CMHS, nhà trường đã tạo điều kiện để các Ban đại diện CMHS các lớp phối hợp với GVCN và nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục, tham gia giáo dục đạo đức học sinh, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, giúp đỡ HS nghèo có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp ý kiến về biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng dạy học, đồng thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS [H4-4.1-05]; [H1-1.1-03].

# Mức 3:

Thông qua BĐDCMHS, nhà trường triển khai tới toàn thể CMHS các kế hoạch công tác, chính sách, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Từ đó nhà trường nhận được sự ủng hộ từ phía CMHS và hoàn thành tốt các mục tiêu công tác giáo dục của nhà trường. BĐDCMHS cùng CMHS các lớp đã thực hiện theo kế hoạch hoạt động đề ra từ đầu năm học, thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp với các tổ chức xã hội, địa phương trong việc quản lý, giáo dục HS, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và có văn hoá. BĐDCMHS cùng với nhà trường đã phối hợp, hỗ trợ trong các hoạt động trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp theo đúng các quy định và tuyệt đối an toàn, bảo đảm mục tiêu GD toàn diện và phát triển các kỹ năng cho HS [H4-4.1-05].

# 2.Điểm mạnh

BĐDCMHS nhiệt tình tham gia các hoạt giáo dục HS, thường xuyên trao đổi thông tin với nhà trường, chủ động đề xuất với nhà trường các giải pháp, cùng nhà trường tháo gỡ các khó khăn. Chính vì thế, hoạt động của Ban đại diện CMHS góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

# 3.Điểm yếu

Do hạn chế về thời gian, Ban đại diện CMHS chưa tận dụng tiềm năng của các tổ chức xã hội ngoài nhà trường. Một số Ban đại diện CMHS chưa có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành các cuộc họp CMHS lớp.

# 4.Kế hoạch cải tiến chất lượng

| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Vận động CMHS có thời gian, đã từng làm đại diện CMHS tham gia Hội CMHS của trường. | Đầu năm học và cuối mỗi năm học. | Nhà trường và Ban đại diện CMHS, GVCN. | GVCN là cầu nối giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường; thực hiện tốt thông tin hai chiều qua điện thoại, sổ liên lạc điện tử. |
| Nâng cao năng lực ban đại diện CMHS | Năm học 2025- 2026  và các năm học tiếp theo. | BGH, ban  đại diện CMHS. | Cập nhật kịp thời các thông tin vào các buổi họp định kì, nếu có văn bản quy định mới.. |
| Tiếp tục tạo điều kiện để BĐDCMHS hoạt động theo đúng Điều lệ BĐDCMHS. Thường xuyên rà soát, rút kinh nghiệm về công tác phối hợp trong việc tổ chức thực hiện, điều chỉnh các biện pháp để hoạt động giáo dục ngày càng hiệu quả hơn. | Thường xuyên trong các năm học | Hiệu trưởng, Ban Đại diện CMHS | GVCN phối hợp triển khai |

**5.Tự đánh giá**: Đạt mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a)*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) *Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã chủ động, tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương những kế hoạch và biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục. Chi bộ luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy phường để hoạt động đúng chủ trương, đường lối, xin ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy và chính quyền địa phương để thực hiện kế học năm học. Trong các cuộc họp do chính quyền tổ chức, nhà trường chủ đôgj đề xuất với Đảng ủy, UBND phường Dương Nội các biện pháp phát triển nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch năm học [H4-4.2-01]. Có kế hoạch phối hợp với UBND phường trong công tác phổ cập giáo dục, công tác tuyển sinh, kế hoạch phối hợp với Đoàn thanh niên của phường trong công tác hè và hoạt động thanh thiếu nhi… [H1-1.3-08]; [H4- 4.2-02]. Nhà trường chủ động phối hợp với công an phường đảm bảo an ninh, an toàn trường học [H1-1.10-01]; phối hợp với y tế phường đảm bảo chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho GV và HS [H1-4.2-03].

Hàng năm, nhà trường tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng CMHS về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục và mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp phụ huynh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]. Thông qua các cuộc họp do chính quyền tổ chức, các cuộc họp thường kì của các đoàn thể có thành viên nhà trường tham gia, nhà trường đã tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường để tranh thủ sự đồng thuận, nhất trí và ủng hộ của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND và các tổ chức chính trị xã hội khác của phường Dương Nội Trong các buổi họp CMHS các lớp, ở mỗi học kì, nhà trường chỉ đạo cho các GVCN tuyên truyền nội dung, phương pháp và cách đánh giá HS tiểu học đến từng phụ huynh, giúp phụ huynh có định hướng trong việc giáo dục con em mình, thường xuyên liên hệ, thông báo kết quả học tập và rèn luyện của HS đến từng phụ huynh qua tin nhắn điện tử. Nhà trường chủ động việc tuyên truyền để tăng sự hiểu biết trong cộng đồng về cách đánh giá HS tiểu học thông tư 27/2020/TT-BGDĐT được phần lớn CMHS hiểu rõ và có ý thức cùng tham gia đánh giá HS. Hàng năm, nhà trường thực hiện việc tuyên truyền đến các ban ngành đoàn thể của địa phương, ban đại diện CMHS các nội dung giáo dục đạo đức HS, phòng chống các tệ nạn xã hội [H4-4.1-01]; [H1-1.10-03].

Nhà trường đã huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định để xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung thêm thiết bị dạy học. Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã sử dụng hiệu quả các nguồn huy động để thực hiện khen thưởng HS giỏi, HS có thành tích xuất sắc, HS có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, Ban đại diện CMHS và một số cá nhân thực hiện trao tặng học bổng giúp đỡ các em HS có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Trong năm học 2024 - 2025, trường đã tiếp nhận sự ủng hộ của Ủy ban ATGT quốc gia tặng mũ bảo hiểm cho HS lớp 1, tặng quà cho HS có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-04] ;[H4-4.2-05]. Đại diện BGH, Công đoàn, Đoàn thanh niên, đại diện Ban chỉ huy Liên đội đi viếng nghĩa trang Liệt sĩ, thăm các đơn vị bộ đội kết nghĩa với nhà trường. Tất cả sự đóng góp ủng hộ của các tổ chức đoàn thể, các nhà hảo tâm đều được nhà trường sử dụng một cách hiệu quả, minh bạch [H4-4.2-06].

# Mức 2:

Nhà trường luôn chủ động, tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-01]; phối kết hợp với các trường trên địa bàn phường Dương Nội và Ban chỉ đạo công tác PCGDTH, XMC của phường trong công tác phổ cập giáo dục, huy động trẻ đến độ tuổi ra lớp, quan tâm chăm sóc những HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn [H1-1.6-02]; chủ động phối hợp với chính quyền phường Dương Nội trong công tác phòng chống các dịch bệnh trên địa bàn [H1-1.10-05].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Tổ dân phố, Công an phường để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phối kết hợp với công an phường tuyên truyền, kí cam kết việc thực hiện an toàn giao thông, cam kết không đốt pháo nổ, phòng chống các tệ nạn xã hội. Lực lượng công an phường hỗ trợ tốt cho nhà trường trong các hoạt động cao điểm: tuyển sinh, các ngày lễ kỉ niệm lớn trong năm, các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa [H1-1.10-01]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-07]. Nhà trường phối hợp với Trung tâm Y tế quận Hà Đông và Y tế phường Dương Nội tuyên truyền cho HS biết cách phòng chống bệnh theo mùa: phòng chống bệnh sởi, đau mắt, các bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa, răng miệng, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, sốt xuất huyết… và phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm, bán trú [H1- 1.10-05]. Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương tổ chức tốt các hoạt động giáo dục HS như: Học sinh được tham quan tìm hiểu về Văn miếu Quốc Tử Giám, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng dân tộc, Bảo tàng Quân đội; tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm tìm hiểu và kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc: Mừng Đảng mừng xuân, ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/03, ngày Giải phóng miền Nam Thống nhất đất nước 30/04, ngày sinh nhật Bác 19/05, ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 với sự tham gia nhiệt tình của Mật trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Cục Kĩ thuật Binh chủng Phòng không không quân, Cục Cảnh sát biển, Đoàn Thanh niên phường Dương Nội. Hàng năm, nhà trường có kế hoạch thực hiện và chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương. Học sinh nhà trường tham gia chăm sóc di tích, dâng hương tưởng niệm các liệt sĩ đã hi sinh cho Tổ quốc vào dịp 22/12. Tổ chức các hoạt động văn nghệ và thể dục thể thao các trò chơi dân gian, “Ngày hội thiếu nhi vui khỏe” với sự tham gia tích cực, nhiệt tình của các tổ chức, các đoàn thể, các bậc phụ huynh, các GV và HS, tạo môi trường giáo dục tích cực lành mạnh, thu hút 100% số HS tham gia [H1-1.5- 06]. Song song với các hoạt động đó, nhà trường còn tổ chức cho HS tham gia các hoạt động xã hội như: mua tăm ủng hộ người khuyết tật, phong trào kế hoạch nhỏ, ủng hộ quần áo, cặp sách cho HS vùng khó khăn, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Văn Hoàng huyện Phú Xuyên [H1-1.3-04].

# Mức 3:

Nhà trường đã phối hợp với Đảng ủy, chính quyền Dương Nội, CMHS huy động tối đa số trẻ trên địa bàn đến học tập tại trường, thực hiện công tác PCGDTH [H1-1.6-02]. Thông qua nhà trường, ban đại diện CMHS tuyên truyền các chủ trương của Đảng, Nhà nước, các chương trình công tác của địa phương được triển khai rộng rãi đến người dân: thực hiện ATGT, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng. Các hoạt động lớn của khu dân cư tại các tòa nhà luôn có sự tham gia, ủng hộ của nhà trường. Bởi vậy, trường thực sự trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của khu đô thị Dương Nội 2. Trường tiểu học Lê Quý Đôn luôn là địa chỉ tin cậy của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương mỗi khi thực hiện các hoạt động sinh hoạt tập thể, văn hóa giáo dục [H4-4.2-08]. Hàng năm, trường phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức học nghị quyết, chuyên đề…. Kết hợp với địa phương, nhà trường tham gia phong trào Tuyên truyền “Đẩy mạnh việc học tập làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”, hiến máu nhân đạo, tổ chức giao lưu với Hội Cựu chiến binh, Hội cựu giáo chức, các tổ dân phó, Cục kĩ thuật Binh chủng Phòng không - không quân, nhà máy A40, Cục Cảnh sát biển [H1-1.3-04]; [H1-1.3-08]; [H1-1.5- 06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tham mưu, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả với chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để xây dựng và phát triển nhà trường về cơ sở vật chất, bổ sung thêm thiết bị dạy học, là trung tâm văn hóa của địa phương.

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể. Chính vì vậy, trong mọi hoạt động của nhà trường đều có sự tham gia, phối hợp thực hiện với các ban ngành đoàn thể của địa phương và của khu dân cư.

**3. Điểm yếu**

Việc phối hợp với các đoàn thể địa phương chưa được thường xuyên, đôi khi còn mang tính hình thức do nhà trường dạy học 2 buổi/ngày.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Tiếp tục có kế hoạch và chương trình hoạt động lôi cuốn HS tham gia để nhận được sự ủng hộ tích cực từ chính quyền và các đoàn thể | Trong năm học 2025 – 2026 và  các năm học tiếp theo. | Cán bộ quản lý; GV,  các đoàn thể trong nhà trường. | Phối hợp với chính quyền, tổ chức đoàn thể và các đơn vị nhà trường kết nghĩa. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/  Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/  Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Kết luận về Tiêu chuẩn 4

***Điểm mạnh cơ bản:*** Nhà trường đã tạo được mối quan hệ tích cực hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể chính quyền, cá nhân và nhân dân địa phương. Đặc biệt, Ban đại diện CMHS nhà trường thường xuyên phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện cho sự phát triển của nhà trường. Bước đầu đã có những cá nhân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, báo chí ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục. Nhà trường cũng đã phối hợp khá hiệu quả với các tổ chức chính quyền như UBND quận Hà Đông, UBND phường Dương Nội nên đã huy động được các nguồn lực về vật chất, tinh thần để xây dựng trường và tạo nên môi trường giáo dục tốt, an toàn, lành mạnh, thu hút được đại đa số HS đúng tuyến theo học tại trường. Nhà trường thực sự là trung tâm văn hóa giáo dục của khu đô thị Dương Nội 2, được Đảng ủy, chính quyền và bà con nhân dân, cư dân trên địa bàn tin tưởng, đánh giá cao.

***Điểm yếu cơ bản:*** Ở một số thời điểm, công tác phối hợp chưa thật sự huy động được hết tiềm lực bên ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động phát triển giáo dục trong nhà trường.

* Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2
* Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2
* Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/2
* Số lượng tiêu chí không đạt: 0/2

# Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

# Mở đầu:

# Trong những năm vừa qua, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của Bộ GDĐT, kế hoạch, khung thời gian năm học của UBND Thành phố Hà Nội. Dựa vào Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của cấp học, hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục và các kế hoạch khác sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; nhà trường tổ chức hiệu quả các hoạt động dự giờ, thăm lớp, phong trào hội giảng trong giáo viên để cải tiến phương pháp dạy học, tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tậpthể giúp học sinh phát triển toàn diện. Nhà trường phối hợp với UBND phường Dương Nội triển khai và thực hiện hiệu quả kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tổ chức tốt các hoạt động hỗ trợ giáo dục, thường xuyên cải tiến các hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục trong nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm đã đề ra.

# Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

***Mức 1:***

a)*Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lí giáo dục;*

*b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lí giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Trong những năm học qua, kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và Chương trình GDPT 2018. Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội, Phòng GDĐT Hà Đông, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể theo từng năm học, học kỳ, tháng và tuần. Kế hoạch được triển khai và thực hiện xuyên suốt thống nhất từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn, các bộ phận trong nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng với đủ các hoạt động giáo dục toàn diện. Các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong Chương trình GDPT cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành [H1-1.8-01]; [H1-1.5-06]. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa; hoạt động bảo vệ môi trường; lao động công ích và các hoạt động xã hội khác được nhà trường xây dựng trong kế hoạch giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mĩ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học THCS [H1- 1.1-03]; [H1- 1.8-01]; [H5-5.1-01];.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Phòng GDĐT quận Hà Đông thẩm định, phê duyệt thực hiện vào đầu các năm học và đều được kiểm tra trong năm học [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Ngoài ra, hằng năm nhà trường được chính quyền địa phương và UBND quận kiểm tra, giám sát theo chuyên đề [H1-1.6-24].

# Mức 2:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn bám sát hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT Hà Nội, kế hoạch chuyên môn Phòng GDĐT quận Hà Đông, đồng thời, hàng tháng, hàng tuần đều cập nhật những quy định, văn bản hướng dẫn, thông báo mới nhất mà các cấp yêu cầu. Trong năm học, nhà trường đã cập nhật văn bản về việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS. cập nhật hồ sơ theo dõi, đánh giá HS trên phần mềm CSDL ngành. Trong năm học 2024 – 2025, nhà trường tiếp tục tập huấn một số văn bản quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục: Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Điều lệ Trường tiểu học; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng GDĐT về đánh giá xếp loại HS tiểu học; công văn số 2345/BGDĐT-GDTH về xây dựng kế hoạch giáo dục trường tiểu học. Các văn bản trên được toàn bộ GV nhà trường tìm hiểu và triển khai thực hiện [H1-1.6-10]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai tới toàn thể CB, GV, NV nhà trường thông qua Hội nghị viên chức; cuộc họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn hàng tháng cùng nắm bắt và giám sát thực hiện [H1-1.9-03]. Theo định kì, ban kiểm tra nội bộ của trường đã kiểm tra hoạt động giáo dục theo kế hoạch, có ghi lại biên bản, báo cáo và thông báo kết quả kiểm tra [H1-1.4-08]; [H1- 1.1-03]; [H5-5.1-01]. Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được thông báo tới CMHS trong Hội nghị CMHS của trường, của lớp và được đăng tải trên zalo CMHS toàn trường, website của nhà trường để đông đảo CMHS và cộng đồng nắm bắt, giám sát. Tuy nhiên, việc nắm bắt và phối hợp, giám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường với HĐGD phường còn hạn chế [H4-4.1- 01]; [H4-4.1-02].

# 2.Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục của nhà trường sát với tình hình thực tế, đã được thông báo tới CMHS trong Hội nghị CMHS của trường, của lớp để đông đảo CMHS và cộng đồng nắm bắt, giám sát. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục cấp tiểu học. Kế hoạch giáo dục quan tâm đến sự phát triển toàn diện cho HS đặc biệt chú ý nhiều đến phát triển năng lực, phẩm chất, kĩ năng sống và khả năng sáng tạo của HS.

# 3.Điểm yếu

Việc nắm bắt và phối hợp, giám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường với các trường trong HĐGD phường Dương Nội còn hạn chế.

# 4.Kế hoạch cải tiến chất lượng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| Nhà trường phối hợp với CMHS, các trường trong HĐGD phường về việc triển khai các hoạt động giáo dục. | Năm học 2025 -2026 và  những năm học tiếp theo. | Cán bộ  quản lý, GVCN. | * CBQL báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện với CMHS, HĐGD trong các cuộc họp. * GVCN trao đổi thông tin với CMHS |

**5.Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục với thời lượng mỗi tiết học trung bình 35 phút. Giữa các tiết học có thời gian nghỉ ngơi, tập thể dục. Mỗi tuần ngoài tiết chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp thì còn có các tiết hoạt động tập thể và dạy các tiết giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh; giáo dục an toàn giao thông... và tổ chức sinh hoạt Sao Nhi đồng, Đội Thiếu niên và sinh hoạt toàn trường [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-02]; [H1-1.5-06]; [H5-5.1-01].

như phương pháp Bàn tay nặn bột...; áp dụng những kĩ thuật dạy học mới như kĩ thuật sơ đồ tư duy...; tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường. Trong các giờ học, 100% số GV sử dụng đồ dùng, trang thiết bị dạy học, ứng dụng CNTT hàng ngày để nâng cao chất lượng giảng dạy và tổ chức hoạt động dạy học [H1- 1.1-03]; [H1- 1.4-08]; [H1- 1.8-03]; [H5-5.1-01]; [H5- 5.2-02]

Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về đánh giá HS tiểu học theo Thông tư 27/2020 TT- BGDĐT của Bộ GDĐT. Nhà trường sử dụng phần mềm trực tuyến cơ sở dữ liệu ngành để cùng quản lý và đánh giá HS [H1-1.1-03]; [H1-1.6- 03]; [H1-1.6- 05]; [H5- 5.2-02].

# Mức 2:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng nội dung chương trình, kế hoạch giáo dục theo kế hoạch của Bộ GDĐT, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung phù hợp với HS. Thời lượng các tiết dạy đều từ 35 đến 40 phút/tiết. Việc áp dụng các phương pháp, hình thức dạy học đều phát huy được năng lực, sở trường của GV và phát huy được tính chủ động, sáng tạo, khả năng tư duy của từng đối tượng HS, đặc biệt là HS có năng khiếu và khuyết tật học hòa nhập, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của trường [H1-1.1-03]; [H5- 5.2-01]; [H5- 5.2- 02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nâng cao chất lượng mũi nhọn, phụ đạo HS yếu kém luôn được nhà trường quan tâm trong nhiều năm qua. Nhà trường có kế hoạch thực hiện bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu được xây dựng đầy đủ, cụ thể, rõ ràng; có các biện pháp bồi dưỡng, phụ đạo thiết thực, hiệu quả phù hợp với từng đối tượng và điều kiện của từng lớp, của trường. Nội dung kế hoạch phân công rõ GV phụ trách, thời gian, hình thức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu. Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được thực hiện xuyên suốt trong cả năm học dưới nhiều hình thức như bồi dưỡng trực tiếp qua các tiết dạy trên lớp theo phân loại đối tượng HS, bồi dưỡng khi tham gia các câu lạc bộ, trao đổi qua hình thức trực tuyến... Trong các kỳ thi, giao lưu HS giỏi cấp Quận, Thành phố, nhà trường đã có HS tham gia và đạt được các giải cao [H1-1.1-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

# Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đã tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục vào các buổi sinh hoạt hội đồng, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị viên chức, sơ kết học kì, tổng kết năm học nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS. Tuy nhiên, việc phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp vẫn chưa thực hiện thường xuyên [H1-1.1- 03]; [H1-1.2- 05]; [H1-1.4- 04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tỏ chức dạy học đúng, đủ nội dung chương trình các môn học, tổ chức tốt các hoạt động đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học. Chất lượng mũi nhọn được quan tâm nên kết quả đã được khẳng định qua các kỳ thi HS giỏi cấp Quận, Thành phố.

**3. Điểm yếu**

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục còn chưa thực hiện thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| Tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục. | Năm học 2025-  2026 và những năm học tiếp theo. | Cán bộ  quản lý, GV. | Xây dựng kế hoạch sơ kết, tổng kết từng giai đoạn thực hiện cụ thể. |

**5.Tự đánh giá**: Đạt Mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

Mức 3:

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Hàng năm, nhà trường có đầy đủ chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp của trường, các tổ, các lớp được xây dựng từ đầu năm, cụ thể và bám sát vào công văn, hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra. Hằng tháng, nhà trường đều tổ chức các hoạt động phong trào: tháng 9 tổ chức chào mừng ngày Khai trường; tháng 10 tổ chức các hoạt động Vui tết Trung thu và chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam; tháng 11 tổ chức chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; tháng 12 tổ chức giao lưu chào mừng ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và Ngày hội Quốc phòng toàn dân; tháng 1 và tháng 2 tổ chức Mừng Đảng, mừng Xuân; tháng 3 tổ chức các hoạt động chào mừng ngày 8/3 và 26/3; tháng 4, 5 tổ chức “Ngày hội thiếu nhi vui khỏe”, “Kết nạp đội viên”; các hoạt động mừng ngày Giải phòng miền Nam, thống nhất đất nước và chào mừng ngày Thành lập Đội, sinh nhật Bác. Cuối tháng 5 tổ chức Tổng kết năm học và làm Lễ ra trường, Lễ tri ân thầy cô cho học sinh lớp 5. Ngoài các hoạt động tổ chức theo chủ đề, chủ điểm thì nhà trường còn tổ chức một số hoạt động như: Tuyên truyền về “Giáo dục giới tính”; thi “Rung chuông vàng” tiếng Anh [H1-1.5-06]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-05]; [H1-1.4-08]. Kết quả hoạt động ngoài giờ lên lớp từng bước được phát triển và nâng cao góp phần không nhỏ cho công tác giáo dục toàn diện trong nhà trường. Việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường đều được Ban giám sát của HĐND phường, Phòng GDĐT kiểm tra và đều được đánh giá tốt [H1-1.5-06]; Liên đội của trường được Hội đồng đội cấp Quận, BCHĐoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố Hà Nội, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khen thưởng [H1-1.3-14]; [H1-1.3-15]; [H1-1.4-07].

Nhà trường đã thành lập Ban công tác Đội để triển khai kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức triển khai phong trào, đánh giá thi đua nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như Khai giảng năm học, 20/11, 22/12, 3/2, 26/3, 19/5 … và hưởng ứng các chủ điểm tháng, các sự kiện của địa phương và nhà trường. Ban công tác Đội có kế hoạch và triển khai các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi, bài thi tìm hiểu, câu lạc bộ, phát thanh tuyên truyền, báo tường, tập san, vẽ tranh, tham quan dã ngoại, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục môi trường, lao động vệ sinh, công tác nhân đạo, từ thiện. Nhà trường luôn quan tâm tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với lứa tuổi, lôi cuốn tất cả học sinh tham gia [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.5-06].

Các tiết hoạt động tập thể được các khối lớp triển khai chương trình chung cho toàn khối, có sự thống nhất về nội dung, hình thức, nằm trong thời khóa biểu hàng tuần, đảm bảo cho tất cả HS được tham gia. Các tiết sinh hoạt đầu tuần đều có kế hoạch thực hiện cụ thể từng tuần do TPTĐ xây dựng. Đối với các lớp thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thì GVCN có bài soạn cụ thể cho tiết dạy hoạt động trải nghiệm [H1-1.1-03]; [H1-1.3-09]; [H1-1.5-04].

# Mức 2:

Kế hoạch Hoạt động ngoài giờ lên lớp được xây dựng từ Ban Giám hiệu xuống các khối và từng giáo viên chủ nhiệm, kế hoạch phân công cụ thể, chương trình hấp dẫn, phù hợp với học sinh. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường tổ chức thực sự có hiệu quả, giáo viên, học sinh được chủ động lựa chọn, xây dựng các tiết mục như múa, hát, tiểu phẩm ... một cách sáng tạo, tích cực, nhiệt tình. Nhiều hoạt động học sinh tham gia điều hành và dẫn chương trình [H5-5.3-01]; [H5-5.3-03]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.8-04].

# Mức 3:

Nhà trường đã chú trọng đến việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo năng lực sở trường của HS như: tổ chức các câu lạc bộ văn thể mĩ, tổ chức thi văn nghệ, diễn tiểu phẩm … trong các chương trình kỉ niệm các ngày lễ [H1-1.5-06]; [H2-2.4-03]; [H5-5.3-01]. Hằng năm, nhà trường đều có HS tham gia các hội thi, giao lưu văn hóa do Phòng GDĐT tổ chức. [H1-1.4- 07]; [H1-1.8-03];

# 2.Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phân công GV đầy đủ, có biện pháp hợp lí, có sự phối hợp của CMHS, tạo mọi điều kiện về CSVC, tinh thần để thu hút 100% HS được tham gia. Các hoạt động phong trào đều được GV, HS tham gia sôi nổi, nhiệt tình, được CMHS ủng hộ.

**3.Điểm yếu:** không có

# 4.Kế hoạch cải tiến chất lượng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp**  **thực hiện** |
| Tăng cường các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nội dung và hình thức tổ chức cùng sự phân hóa theo nhu  cầu, năng lực, của HS. | Năm học  2025 -  2026 và những năm học  tiếp theo. | Ban giám  hiệu, tổng  phụ trách,  Giáo viên chủ nhiệm,  phụ huynh. | Xây dựng kế hoạch, ý tưởng, sự phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức xã hội đưa ra nội dung phù hợp phân hóa theo nhu cầu  của học sinh. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | \* | Đạt | \* | Đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

a) *Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

*b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*

*c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Nhà trường phối hợp với các trường trên địa bàn phường Dương Nội tham mưu cho Ban chỉ đạo PCGDTH, XMC phường xây dựng kế hoạch PCGD tiểu học đầy đủ theo sự chỉ đạo của cấp trên, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường [H1-1.6-02]. Nhà trường thành lập tổ công tác phổ cập gồm 01 đồng chí Phó hiệu trưởng và 01 đồng chí nhân viên văn thư, 01 đồng chí nhân viên y tế và 01 đồng chí GV dạy Tin học với tinh thần trách nhiệm cao đã theo dõi thường xuyên học sinh chuyển đi, chuyển đến, phối hợp với địa phương để thực hiện hiệu quả PCGDTH [H5-5.4-01]. Trong các năm học vừa qua công tác PCGDTH, XMC của nhà trường luôn đảm bảo đúng theo quy định, số liệu đầy đủ, chính xác đúng với số học sinh hiện có và số liệu điều tra thực tế. Kết quả công tác PCGDTH, XMC đạt mức độ 3 [H5-5.4-02]. Tuy nhiên việc rà soát số học sinh theo độ tuổi trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, thông tin số liệu về phổ cập có sự biến động do người dân nhập cư về địa bàn các khu chung cư thuộc tuyến tuyển sinh của nhà trường liên tục có sự thay đổi.

Nhà trường phối hợp với các tổ dân phố thuộc tuyến tuyển sinh, các trường trên địa bàn phường Dương Nội tổ chức và thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh, huy động 100% số trẻ 6 tuổi trên địa bàn phường trong tuyến tuyển sinh vào lớp 1 [H5- 5.4-03]; [H1-1.2-06].

Các văn bản về công tác PCGD và các dữ liệu ... được nhà trường và Ban chỉ đạo công tác PCGD phường Dương Nội quản lí đúng quy định [H1- 1.6-02].

# Mức 2:

Nhà trường phối hợp với trường Mầm non Lê Quý Đôn và các trường trên địa bàn phường Dương Nội tổ chức, thực hiện có hiệu quả việc huy động 100% số trẻ 6 tuổi trên địa bàn phường vào lớp 1, không để trường hợp nào đến tuổi mà chưa được đi học [H5-5.4-03]; [H1-1.2-06]; [H1-1.6-02].

# Mức 3:

Nhà trường phối hợp với UBND phường Dương Nội tổ chức và thực hiện có hiệu quả việc huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn phường vào lớp 1 [H5-5.4-03]; [H1-1.2-06]; [H1-1.6-02].

# 2.Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể cho công tác PCGDTH, XMC. Giáo viên được phân công làm công tác phổ cập có tinh thần trách nhiệm. Nhận được sự phối hợp của chính quyền địa phương trong công tác phổ cập. Huy động 100% trẻ ra lớp, không có học sinh bỏ học.

# 3.Điểm yếu

Việc rà soát số học sinh theo độ tuổi trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, thông tin số liệu về phổ cập có sự biến động do người dân nhập cư về địa bàn phường nhiều và liên tục.

# 4.Kế hoạch cải tiến chất lượng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp thực hiện** |
| Tăng cường phối hợp với UBND phường Dương Nội làm tốt việc điều tra, nhập liệu. | Năm học 2025  – 2026 và  những năm học tiếp theo. | HT, tổ công tác phổ cập | Tăng cường kinh phí bồi dưỡng công tác phổ cập và tổ chức tập huấn CB điều tra. |

**5.Tự đánh giá**: Đạt Mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt | Chỉ  báo | Đạt/ Không đạt |
| A | Đạt | \* | Đạt | \* | Đạt |
| B | Đạt | - | - | - | - |
| C | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

# Mức 1

# a) *Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*

# *b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*

# *c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

# Mức 2:

# a) *Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*

# *b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

# Mức 3:

# a) *Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

# *b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

# 1. Mô tả hiện trạng

# Mức 1

# Cuối mỗi năm học, nhà trường xét hoàn thành chương trình lớp học cho học sinh toàn trường. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 100% [H5-5.5-01]; [H1-1.6-03].

# Cuối mỗi năm học, nhà trường xét lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh toàn trường. Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

# Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H5-5.5-02].

# Mức 2:

# Cuối mỗi năm học, nhà trường xét hoàn thành chương trình lớp học cho học sinh toàn trường. Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 100% [H1-1.6-03]; [H5-5.5-01].

# Cuối mỗi năm học, nhà trường xét lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh toàn trường. Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

# Mức 3:

# Cuối mỗi năm học, nhà trường xét hoàn thành chương trình lớp học cho học sinh toàn trường. Trong 3 năm gần đây, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 100% [H1-1.6-03]; [H5-5.5-01].

# Cuối mỗi năm học, nhà trường xét lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh toàn trường. Trong 3 năm gần đây, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H1-1.6-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

# 2. Điểm mạnh

Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học luôn ở mức cao và ổn định.

1. **Điểm yếu**

**K**hông có

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp**  **thực hiện** |
| Phụ đạo học sinh tiếp thu chậm, chậm tiến bộ. | Năm học 2025  - 2026 và  những năm học tiếp theo. | Giáo viên chủ nhiệm, CMHS. | Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể, hợp lý. |

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/  Không đạt | Chỉ báo | Đạt/  Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không  đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

# Kết luận về Tiêu chuẩn 5

***Điểm mạnh cơ bản:*** Nhà trường đánh giá học sinh khách quan, công bằng, chính xác tạo không khí thúc đẩy phong trào thi đua. Nhà trường đã xây dựng đầy đủ kế hoạch chuyên môn, hoạt động ngoài giờ lên lớp, phổ cập … theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học. Kết quả giáo dục của nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục, chất lượng mũi nhọn ngày càng được năng cao.

***Điểm yếu cơ bản:*** Việc rà soát số học sinh theo độ tuổi trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, thông tin số liệu về phổ cập chưa chính xác do người dân nhập cư về địa bàn phường nhiều và liên tục.

* Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 5/5
* Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 5/5
* Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4
* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Không

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.**

**1. Mô tả hiện trạng**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường mới chỉ được xây dựng theo các nội dung của chương trình giáo dục trong nước, chưa thể hiện được những nội dung tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục phù hợp với học sinh và tình hình thực tế của địa phương.

**3. Điểm yếu**

Cơ sở vật chất, các trang thiết bị của nhà trường chưa đáp ứng được chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực.

Năng lực một số giáo viên chưa đáp ứng được các yêu cầu của chương trình giáo dục tiên tiến.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian thực**  **hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Tham khảo chương trình giáo dục của  các nước Tiên tiến. | Năm học 2025 - 2026 và những  năm học tiếp theo. | Hiệu trưởng,  giáo viên. | Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ  thể. |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

# Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

# 1. Mô tả hiện trạng

Một số học sinh khó khăn, giáo viên chủ nhiệm đã xây dựng kế hoạch giúp đỡ cụ thể và thường xuyên quan tâm, có những nội dung giảng dạy phù hợp nhưng khả năng hoàn thành mục tiêu còn ở mức độ do việc giúp đỡ các em mất khá nhiều thời gian ảnh hưởng đến việc giáo dục của cả lớp.

Một số học sinh năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng nhưng chưa phát huy tối đa năng lực của các em do thời gian bồi dưỡng các em chưa được nhiều. Nhà trường động viên, khuyến khích các em tham gia tại các câu lạc bộ có uy tín trên địa bàn thành phố Hà Nội để các em có cơ hội phát triển tài năng của bản thân.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã phát hiện học sinh có năng khiếu và bồi dưỡng các em.

Các em học sinh khó khăn đã được xây dựng kế hoạch nội dung giáo dục riêng cụ thể.

**3. Điểm yếu:**

Các em học sinh có năng khiếu chưa phát huy hết khả năng của mình.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng thực**  **hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Phân loại học sinh có năng khiếu, trí thông minh từng mặt để có kế hoạch phát huy khả  năng của học sinh | Năm học 2025 - 2026  và những năm học tiếp theo | Hiệu trưởng, giáo viên, cha mẹ học sinh | Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể. |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

# Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

# 1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của trường được công nhận đạt thư viện trường học đạt chuẩn, với đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo. Tổng diện tích thư viện là 96m2. Phòng đọc được trang bị hệ thống điều hòa và hệ thống ánh sáng đảm bảo độ thoáng mát thuận tiện cho việc đọc sách và mượn sách, báo của giáo viên, học sinh. Nhà trường đã đầu tư mua sắm đầy đủ trang thiết bị chuyên dùng trong thư viện hệ thống bàn ghế. Thư viện của nhà trường đã được kết nối Internet, đáp ứng yêu cầu cơ bản các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên hạ tầng công nghệ chưa hiện đại. Hệ thống máy tính dung lượng thấp, đã sử dụng lâu năm.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có thư viện đạt thư viện mức 1.

Thư viện đảm bảo diện tích, chỗ ngồi đọc sách được thiết kế phù hợp với học sinh, các loại sách báo phong phú được cập nhật thường xuyên.

Thường xuyên bổ sung sách báo từ nhiều nguồn khác nhau huy động sự đóng góp của HS, phụ huynh.

Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CB, GV, NV và HS, thường xuyên được bổ sung sách báo và tài liệu tham khảo hàng năm.

Hệ thống máy tính trong thư viện được kết nối internet

**3. Điểm yếu**

Diện tích thư viện còn hạn chế so với số lượng học sinh toàn trường khi có nhu cầu đọc vào giờ ra chơi.

Hệ thống công nghệ của thư viện lạc hậu so với công nghệ 4.0 hiện nay

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Tham mưu để quy hoạch thư viện theo mô hình thư viện tiến  tiến của các nước | Năm học 2025  - 2026 và  những năm học tiếp theo | HT, CMHS, GV, NV | Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể. |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

# Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

# 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng chiến lược từ năm 2017 đến năm 2022 và từ năm 2022-2027. Năm học 2024- 2025 nhà trường còn một số mục tiêu chưa thực hiện được như việc nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2017 – 2022, giai đoạn 2022-2027 cụ thể, chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và của địa phương và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

**3. Điểm yếu**

Còn một số nội dung của chiến lược chưa hoàn thành.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện**  **pháp thực hiện** |
| Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các khóa học nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn. | Năm học  2025 -  2026 | CBQL, GV, NV | Hoàn thành khóa học |

**Tự đánh giá:** Không đạt

# Tiêu chí 5: Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

# 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động nổi bật tạo dấu ấn cho học sinh như Vui tết trung thu; Hội chợ quê; Chuỗi hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, là địa điểm hàng năm Phòng GDĐT Hà Đông đặt điểm tổ chức thi Festival tiếng Anh cấp quận, Hội thảo chuyên môn cấp quận và cấp Thành phố; tổ chức Lễ ra trường và tri ân thầy cô,...

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động giáo dục nổi bật và có ý nghĩa.

**3. Điểm yếu**

Chưa phát huy được tính tích cực chủ động của học sinh và tạo điều kiện tối ưu để phát triển năng lực cá nhân của mỗi học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung công việc** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Đối tượng**  **thực hiện** | **Điều kiện, biện pháp**  **thực hiện** |
| Xây dựng và triển khai thực hiện “Trường học điện tử” | Năm học 2025 - 2026  và những năm học tiếp  theo | Hiệu trưởng và Ban Giám hiệu | Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể. |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

Kết luận

**Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và có tính khả thi.

Các em học sinh năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng, các em học sinh khó khăn được xây dựng mục tiêu riêng và được giúp đỡ.

Chất lượng của nhà trường vượt trội so với các trường trên địa bàn quận Hà Đông và một số trường xung quanh thuộc địa bàn quận, huyện bạn.

# Điểm yếu

Các em học sinh năng khiếu chưa được bồi dưỡng để phát huy tối đa khả năng của mình.

Kết quả: Tổng số tiêu chí: 5

+ Số tiêu chí đạt: 0/5 = 0%;

+ Số tiêu chí chưa đạt: 5/5 = 100%

# C. KẾT LUẬN CHUNG

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn có cơ sở hạ tầng tốt, đáp ứng được những yêu cầu cần thiết của một trường tiểu học. Nhà trường có cơ cấu tổ chức quản lý đầy đủ theo quy định. Ban Giám hiệu có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trong công tác, chỉ đạo sát sao có hiệu quả tạo được niềm tin tưởng cho giáo viên, nhân viên. Đội ngũ giáo viên ham học hỏi, tâm huyết với nghề. Theo Điều 5 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì tính đến tháng 05 năm 2024, nhà trường có 06 giáo viên đã học xong Đại học và đang chờ lấy bằng. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, nhất trí cao. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 100%. Số lượng học sinh đạt giải trong các kì thi các cấp tăng dần, tạo niềm tin tưởng trong phụ huynh và tạo nên uy tín của nhà trường.

Qua tổng hợp, xem xét 5 tiêu chuẩn với các mức trong văn bản đánh giá chất lượng giáo dục, Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục trường Tiểu học Lê Quý Đôn tự đánh giá là chính xác, có cơ sở:

* Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 21/24 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 87,5%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 03/24 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 12,5%;

* Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 21/23 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 91,3%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 02/23 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 8,7%;

* Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 12/16 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 75%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 4/16 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 25%;

* Mức 4:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 0/5 tiêu chí, đạt tỉ lệ 0%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5/5 tiêu chí, đạt tỉ lệ 100 %

* **Kết luận: *Trường Tiểu học Lê Quý Đôn chưa đạt Kiểm định chất lượng.***

*Hà Đông, ngày 31 tháng 5 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Teo Thị Thanh Mai**

**Phần III PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường** | | | | | |
| 1. | H1-1.1-01 | Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2017 – 2022 và giai đoạn 2022-2027  Kế hoạch xây dựng và phát triển nhà  trường các năm học. | Số 12/ TH –LQĐ Ngày 15 tháng 8 năm 2017. | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 2. | H1-1.1-02 | Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu lần thứ XII Đảng bộ phường Dương Nội. Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng phường  Dương Nội. | Báo cáo chính trị nhiệm kì 2015 – 2020, nhiệm kì  2020 - 2025 | Đảng bộ phường Dương Nội |  |
| 3. | H1-1.1-03 | Báo cáo sơ kết học kì 1.  Báo cáo tổng kết năm học. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 4. | H1-1.1-04 | Biên bản công khai phương hướng chiến lược phát triển nhà trường.  Biên bản họp lấy ý kiến về chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2017 – 2022 và giai đoạn 2022-2027  Website:  [*http://c1lequydon.pgdhadong.edu.vn*](http://c1lequydon.pgdhadong.edu.vn/) | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 5. | H1-1.1-05 | * Quyết định thành lập tổ giám sát thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường. * Biên bản rà soát chiến lược phát   triển của nhà trường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.** | | | | | |
| 6. | H1-1.2-01 | Quyết định thành lập Hội đồng trường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông |  |
| 7. | H1-1.2-02 | Tờ trình đề nghị kiện toàn Hội đồng  trường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 8. | H1-1.2-03 | Hội đồng thi đua khen thưởng. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 9. | H1-1.2-04 | Quyết định thành lập, QĐ kiện toàn, kế hoạch các hội đồng tư vấn:  - Hội đồng tư vấn tâm lí học đường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 10. | H1-1.2-05 | * Biên bản họp hội đồng trường | **T**ừ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 11. | H1-1.2-06 | Báo cáo kết quả hoạt động của:   * Hội đồng tư vấn tâm lí học đường. * Hội đồng chấm SKKN. * Hội đồng thi “Giáo viên dạy giỏi”. * Hội đồng nâng lương. * Công tác tuyển sinh. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | | | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | | | **Ghi chú** |
| 12. | H1-1.2-07 | | Báo cáo kết quả hoạt động của hội đồng trường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.** | | | | | | | | | | |
| 13 | | H1-1.3-01 | Quyết định về việc công nhận Ban chấp hành Công đoàn trường. | | LĐLĐ quận Hà Đông |  | | |  | |
| 14 | H1-1.3-02 | | Quyết định công nhận của Ban Thanh  tra nhân dân. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 15 | H1-1.3-03 | | Quyết định công nhận Chi đoàn  TNCS Hồ Chí Minh. |  | | | BCH Đoàn phường Dương Nội | | |  |
| 16 | | H1-1.3-04 | Hồ sơ công tác Đội. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  | |
| 17 | | H1-1.3-05 | Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  | |
| 18 | | H1-1.3-06 | Báo cáo kết quả hoạt động công tác  công đoàn. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  | |
| 19 | | H1-1.3-07 | Công văn triệu tập CB, GV, NV đi bồi dưỡng, tập huấn. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | H1-1.3-07 | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 20 | H1-1.3-08 | * Báo cáo công tác Chi đoàn. * Các hình ảnh hoạt động của Chi đoàn. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 21 | H1-1.3-09 | Báo cáo tổng kết công tác Đội TNTP | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 22 | H1-1.3-10 | * Quyết định thành lập chi bộ trường Tiểu học Lê Quý Đôn. * Quyết định Chuẩn y Chi ủy, Bí thư, phó Bí thư nhiệm kỳ   2020-2022, 2022-2025. 2025-2027 |  | Đảng ủy phường Dương Nội |  |
| 23 | H1-1.3-11 | Nghị quyết Chi bộ hàng tháng (2  nhiệm kỳ). | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 24 | H1-1.3-12 | Giấy khen của Chi bộ. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 25 | H1-1.3-13 | Bằng khen, giấy khen của Công đoàn. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 26 | H1-1.3-14 | Giấy khen của Chi đoàn. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 27 | H1-1.3-15 | Giấy khen của Đội. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 28 | H1-1.3-16 | Bằng khen, giấy khen của nhà trường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.** | | | | | |
| 29 | H1-1.4-01 | Hồ sơ viên chức của hiệu trưởng, các  phó hiệu trưởng. | Tháng 5/2025 | Hiệu trưởng và các phó hiệu  trưởng |  |
| 30 | H1-1.4-02 | Quyết định thành lập và kiện toàn các tổ chuyên môn, tổ văn phòng (danh  sách kèm theo). | Các Quyết định bổ nhiệm | Hiệu trưởng |  |
| 31 | H1-1.4-03 | Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ  phó tổ chuyên môn, tổ văn phòng. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 32 | H1-1.4-04 | Sổ sinh hoạt tổ chuyên môn. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 33 | H1-1.4-05 | Sổ theo dõi sử dụng đồ dùng, thiết bị  dạy học. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 34 | H1-1.4-06 | * Sổ sinh hoạt tổ văn phòng. * Kế hoạch sinh hoạt tổ văn phòng. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 35 | H1-1.4-07 | **Sổ theo dõi thi đua khen thưởng** | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 36. | H1-1.4-08 | Hồ sơ kiểm tra nội bộ | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 37. | H1-1.4-09 | Báo cáo tổng kết Công tác tổ văn  phòng. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 38. | H1-1.4-10 | Hồ sơ các tiết dạy chuyên đề | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học** | | | | | |
| 39 | H1-1.5-01 | Danh sách học sinh các các lớp trong năm học. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 40. | H1-1.5-02 | Biên bản sinh hoạt lớp đầu năm, bầu  cán bộ lớp. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 41 | H1-1.5-03 | Sổ chủ nhiệm. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 42 | H1-1.5-04 | Kế hoạch dạy học  Nội dung sinh hoạt đầu tuần | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 43 | H1-1.5-05 | * Nghị quyết số 21/NQ-HĐND về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xây thêm nhà lớp học, phòng học bộ môn và thiết kế xây dựng tòa nhà. |  | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | | | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** | |
| 44. | H1-1.5-06 | Hồ sơ các hoạt động phong trào | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  | |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính, tài sản** | | | | | | | | | |
| 45 | H1-1.6-01 | | Sổ đăng bộ. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 46 | H1-1.6-02 | | Hồ sơ phổ cập giáo dục. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 47 | H1-1.6-03 | | Bảng theo dõi chất lượng giáo dục. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 48 | H1-1.6-04 | | Hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 49 | H1-1.6-05 | | Học bạ học sinh. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 50 | H1-1.6-06 | | Sổ nghị quyết và kế hoạch của   * Hội đồng trường * Công đoàn * Chi đoàn | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 51 | H1-1.6-07 | | Sổ quản lý GV, NV, người lao động  Hồ sơ cá nhân viên chức. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 52 | H1-1.6-08 | | Sổ theo dõi tài sản nhà trường. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |
| 53 | H1-1.6-09 | | Sổ Công văn đi | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn | | |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 54 | H1-1.6-10 | Sổ Công văn đến | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |  |  |  |
| 55 | H1-1.6-11 | Sổ kiểm tra đánh giá giáo viên. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 56 | H1-1.6-12 | Dự toán ngân sách. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 57 | H1-1.6-13 | Hồ sơ niêm yết công khai tài chính. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 58 | H1-1.6-14 | Quy chế Chi tiêu nội bộ và sử dụng  tài sản công. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 59 | H1-1.6-15 | Quy chế quản lý tài sản công.  Biên bản bàn giao cơ sở vật chất. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 60 | H1-1.6-16 | Báo cáo đánh giá về quản lý, sử dụng  tài sản công. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 61 | H1-1.6-17 | Báo cáo các khoản thu. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 62 | H1-1.6-18 | Báo cáo thường niên; Hồ sơ công khai cơ sở giáo dục | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 63 | H1-1.6-19 | Phần mềm Das 10.2 (Quản lý tài  chính). | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 64 | H1-1.6-20 | Sổ quản lý tài sản cố định. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 65 | H1-1.6-21 | Phần mềm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 66 | H1-1.6-22 | Kê khai thuế. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 67 | H1-1.6-23 | Duyệt kết toán tài chính năm. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 68 | H1-1.6-24 | Kết luận kiểm tra các hoạt động giáo dục, tài chính, tài sản hàng năm của nhà trường do cấp trên kiểm tra | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | UBND quận Hà Đông UBND phường Dương Nội |  |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên** | | | | | |
| 69 | H1-1.7-01 | Hồ sơ bồi dưỡng giáo viên | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 70 | H1-1.7-02 | Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 71 | H1-1.7-03 | - Phân công nhiệm vụ CB, GV, NV. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 72 | H1-1.7-04 | Danh sách theo dõi trình độ đào tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 73 | H1-1.7-05 | * Bảng lương, hưởng lương và các phụ cấp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; * Quyết định nâng lương thường   xuyên và nâng lương trước thời hạn. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 74 | H1-1.7-06 | Kết quả đánh giá viên chức, người lao động đối với GV, nhân viên, hợp đồng lao động); Kết quả đánh giá giáo viên  theo chuẩn nghề nghiệp. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 75 | H1-1.7-07 | Hồ sơ đơn vị học tập. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục** | | | | | |
| 76. | H1-1.8-01 | Kế hoạch giáo dục nhà trường | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 77 | H1-1.8-02 | Kế hoạch tháng, tuần của hiệu trưởng.  Một số kế hoạch chuyên đề của nhà trường. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 78 | H1-1.8-03 | Hồ sơ chuyên môn | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 79 | H1-1.8-04 | Hồ sơ công tác y tế | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 80 | H1-1.8-05 | Sổ họp hội đồng | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 81 | H1-1.8-06 | Sổ theo dõi công tác tuần, tháng | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 82 | H1-1.8-07 | Sổ trực Ban giám hiệu | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 83 | H1-1.8-08 | Biên bản kiểm tra các hoạt động của  nhà trường do cấp Phòng Giáo dục tổ chức | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở** | | | | | | |
| 84 | H1-1.9-01 | Hồ sơ quy chế dân chủ. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 85 | H1-1.9-02 | Báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân  chủ | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 86 | H1-1.9-03 | Hồ sơ hội nghị viên chức và người lao  động hằng năm. | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 87 | H1-1.9-04 | Báo cáo kết quả giám sát của Ban  Thanh tra nhân dân | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 88 | H1-1.9-05 | Kiến nghị đề xuất của cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm.  Hồ sơ tiếp công dân, giải quyết đơn thư | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 89 | H1-1.9-06 | Báo cáo kết quả công tác phòng chống tham nhũng, phòng chống lãng  phí trong nhà trường | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học** | | | | | | |
| 90 | H1-1.10-01 | Hồ sơ an ninh trường học | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 91 | H1-1.10-02 | Hồ sơ về vệ sinh an toàn trường học | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 92 | H1-1.10-03 | Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt và nước uống.  Quan sát thực tế | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 93 | H1-1.10-04 | Hồ sơ phòng cháy chữa cháy | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 94 | H1-1.10-05 | Hồ sơ y tế trường học | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 95 | H1-1.10-06 | Các nội quy của nhà trường | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 96 | H1-1.10-07 | Hòm thư góp ý | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 97 | H1-1.10-08 | Giấy chứng nhận trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 98 | H1-1.10-09 | Hồ sơ bán trú | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 99 | H1-1.10-10 | Sổ trực bảo vệ  Sổ trực Ban Giám hiệu | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 |  |  |
| **Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng** | | | | | |
| 100 | H2-2.1-01 | Kết quả đánh giá Chuẩn hiệu trưởng của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 101 | H2-2.1-02 | Kết quả học Thạc sỹ quản lý giáo dục của đ.c Nguyễn Thế Thành | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên** | | | | | |  |
| 102 | H2-2.2-01 | Quyết định phân công giáo viên làm  Tổng phụ trách Đội | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 103 | H2-2.2-02 | Bảng thống kê trình độ CB,GV,NV  toàn trường | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 104 | H2-2.2-03 | Giấy triệu tập đi học Cao học của GV | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 105 | H2-2.2-04 | Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, đánh giá viên  chức giáo viên, hợp đồng lao động | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên** | | | | | |
| 106. | H2-2.3-01 | Giấy chứng nhận, chứng chỉ của các nhân viên được bồi dưỡng nghiệp vụ  theo vị trí công việc. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.4: Đối với học sinh** | | | | | |
| 107 | H2-2.4-01 | Danh sách học sinh quá độ tuổi | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 108 | H2-2.4-02 | Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt  động ủng hộ và công tác từ thiện | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 109 | H2-2.4-03 | Danh sách các câu lạc bộ  Hồ sơ các câu lạc bộ | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 110 | H2-2.4-04 | Danh sách học sinh chuyển đến –  chuyển đi | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 111 | H2-2.4-05 | Hồ sơ học sinh có yếu tố nước ngoài | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 112 | H2-2.4-06 | Biên bản xử lý học sinh vi phạm | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo,** | | | | | |
| 113. | H3-3.1-01 | Hình ảnh toàn trường | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 114 | H3-3.1-02 | Quan sát thực tế | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 115. | H3-3.1-03 | Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 116. | H3-3.1-04 | Biên bản bào giao công trình hoàn  thành đưa vào sử dụng | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu** | | | | | |
| 117 | H3-3.2-01 | Quan sát thực tế khối phòng hành chính quản trị | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 118 | H3-3.2-02 | Quan sát thực tế khối phòng học tập | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 119 | H3-3.2-03 | Quan sát thực tế khối phòng hỗ trợ học tập | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 120 | H3-3.2-04 | Quan sát thực tế khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.3: Hạ tầng kĩ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học** | | | | | |
| 121. | H3-3.3-01 | Quan sát thực tế hệ thống cấp nước và hệ thống thoát nước | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 122. | H3-3.3-02 | Quan sát thực tế hệ thống điện | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 123. | H3-3.3-03 | Quan sát thực tế hệ thống phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 124. | H3-3.3-04 | Hợp đồng với các đơn vị cung cấp phần mềm và thông tin liên lạc | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 125. | H3-3.3-05 | Quan sát thực tế hạ tầng thông tin liên lạc, chuyển đổi số | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 126 | H3-3.3-06 | Quan sát thực tế hệ thống camera an ninh | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 127 | H3-3.3-07 | Hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường Nam Hà Nội.  Hợp đồng với nhân viên lao công, bảo vệ | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 128 | H3-3.3-08 | Quan sát thực tế việc vệ sinh môi trường, thu gom rác thải | năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 129 | H3-3.3-09 | Hồ sơ thiết bị trường học | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 130. | H3-3.3-10 | | Kho học liệu điện tử | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 131. | H3-3.3-11 | | Danh mục thiết bị dạy học tự làm | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh** | | | | | | |
| 132. | H4-4.1-01 | | Hồ sơ của Ban đại diện CMHS nhà  trường | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 133. | H4-4.1-02 | | Hồ sơ của Ban đại diện CMHS các lớp | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 134. | H4-4.1-03 | | Một số hình ảnh hoạt động của  CMHS cùng với nhà trường | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 135. | H4-4.1-04 | | Biên bản giám sát bán trú | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 136 | H4-4.1-05 | | Báo cáo kết quả công tác phối hợp  gữa nhà trường với cha mẹ học sinh. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà** | | | | | | |
| 137 | H4-4.2-01 | | Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 138 | H4-4.2-02 | | Kế hoạch công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của phường Dương Nội | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 139 | H4-4.2-03 | | Hình ảnh phối hợp với Trạm y tế | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| 140 | H4-4.2-04 | | Hình ảnh trao nhận quà do công ty Hon da tài trợ | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 141 | H4-4.2-05 | | Hình ảnh tặng quà học sinh có hoàn cảnh khó khăn | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 142 | H4-4.2-06 | | Hình ảnh học sinh tham quan, trải nghiệm hàng năm, hình ảnh BGH, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội đi  viếng nghĩa trang liệt sĩ, thăm các đơn vị bộ đội nơi địa bàn trường công tác | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 143 | H4-4.2-07 | | Bản cam kết với công an phường,  chính quyền | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 144 | H4-4.2-08 | | Hình ảnh cán bộ, giáo viên tham gia  các hoạt động, phong trào ở khu đô thị Dương Nội 2 nơi trường công tác. | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường** | | | | | | |
| 145 | H5-5.1-01 | | Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác  chuyên môn | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Số TT** | **Mã minh chứng** | | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng**  **vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học** | | | | | | |
| 146 | H5-5.2-01 | | Thời khóa biểu, thời gian biểu | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 147 | H5-5.2-02 | | Hồ sơ chuyển đổi số | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác** | | | | | | |
| 148 | H5-5.3-01 | Hình ảnh biểu diễn văn nghệ của các  lớp chào mừng các ngày lễ | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học.** | | | | | | |
| 149 | H5-5.4-01 | Quyết định thành lập Tổ công tác  PCGDTH, XMC | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 150 | H5-5.4-02 | Quyết định công nhận kết quả phổ cập  các năm | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 151 | H5-5.4-03 | Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| **Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục** | | | | | | |
| 152 | H5-5.5-01 | Biên bản xét hoàn thành chương trình lớp học  Bảng tổng hợp kết quả giáo dục  Hồ sơ các kì kiểm tra trong năm học | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 153 | H5-5.5-02 | Danh sách học sinh HTCT tiểu học | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |
| 154 | H5-5.5-03 | Biên bản bàn giao chất lượng giáo dục  cuối năm của các lớp | | Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn |  |